



Auswärtiges Amt



Deutschland – Vietnam
1975 – 2015
Đức – Việt Nam

DAAD

DAAD

Deutscher Akademischer Austauschdienst
German Academic Exchange Service

Studieren in Deutschland – eine Familientradition

Học tập tại Đức –
một truyền thống gia đình

Vietnamesische Alumni und ihre Kinder erzählen

Các cựu học viên Việt Nam và những câu chuyện
của mình

Studieren in Deutschland – eine Familientradition

Học tập tại Đức –
một truyền thống gia đình

Vietnamesische Alumni und ihre Kinder erzählen

Các cựu học viên Việt Nam và những câu chuyện
của mình

Herausgeber / Chịu trách nhiệm xuất bản

DAAD

Deutscher Akademischer Austauschdienst

German Academic Exchange Service

Kennedyallee 50, 53175 Bonn

Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức (DAAD)

Kennedyallee 50, 53175 Bonn, Đức

www.daad.dewww.daadvn.org/testimonial

DAAD-Außenstelle Hanoi / Văn phòng đại diện DAAD Hà Nội

Projektkoordination / Điều phối dự án

Anke Stahl

Interviews / Phỏng vấn

Anke Stahl

Đồng Ngọc Yến

Redaktion / Biên tậpDr. Dörte Lütvogt / *TS Dörte Lütvogt***Übersetzung / Biên dịch**

Lê Quang

Prof. Dr. Nguyễn Phùng Quang / *GS TS Nguyễn Phùng Quang*

Nguyễn Thị Kim Nhung

Nguyễn Việt Đức

Satz & Gestaltung / Thiết kế

Marvin Müller

Fotografie / Nhiếp ảnh

Natascha Senftleben

Druck / In

ThankBrand, Hanoi, Vietnam

Auflage / Lần xuất bản Mai 2015 – Auflage: 1500 / Tháng 5 2015 – xuất bản: 1500

Redaktionsschluss: Mai 2015 / Biên soạn xong: tháng 5 2015

GPXB 763-2015/CXBIPH/01-25/MT

cấp ngày 18/5/2015

ISBN 978-604-78-2652-0

© DAAD

Diese Publikation wird aus Zuwendungen des
Auswärtigen Amtes an den DAAD finanziert.Ấn phẩm được cấp kinh phí của Bộ Ngoại Giao Đức
thông qua Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức.

Auswärtiges Amt



Deutscher Akademischer Austauschdienst
German Academic Exchange Service

Studieren in Deutschland – eine Familientradition

Học tập tại Đức –
một truyền thống gia đình

Vietnamesische Alumni und ihre Kinder erzählen

Các cựu học viên Việt Nam và những câu chuyện
của mình

Inhalt

Mục lục

6 Zum Geleit



7 Lời tựa

10 Von Mathematik und großem Glück



18 „Ein starker Bauer auf dem Feld der Kultur“



26 „Deutsch ist unsere zweite Muttersprache“

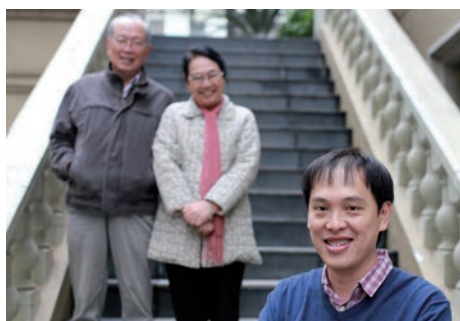


14 Từ Toán học và những cơ may lớn

22 „Đại lực điền trên cánh đồng văn hóa“

30 „Tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ thứ hai của chúng tôi“

58 Umwege sind nicht umsonst



66 Von Dingen, die man nur in Deutschland findet



74 Ein Leben im Dienste des akademischen Austauschs



62 Đường vòng không phải vô ích

70 Những gì chỉ có thể tìm thấy ở nước Đức

78 Cả đời cống hiến cho sự nghiệp trao đổi hàn lâm

8 Grußwort



8 Lời chào mừng

9 Grußwort



9 Lời chào mừng

34 „Was zählt,
ist das Ergebnis!“



38 „Kết quả mới quan trọng!“

42 Mittlerinnen zwischen
Vietnam und Deutschland



46 Những người kết nối giữa
Việt Nam và Đức

50 „Der Weg ist das Ziel!“



54 „Đường đi chính là
đích đến!“

82 „Wir hatten einen Auftrag“



90 „Chúng tôi mang
một sứ mệnh“

98 „Unser Erfolg ist
die Zusammenarbeit!“



102 „Thành công của chúng tôi
là hợp tác!“

106 „Deutschland ist in
unseren Herzen ...“



110 „Nước Đức trong trái tim
chúng tôi ...“

Zum Geleit

Der erste längere Auslandsaufenthalt ist fast immer eine prägende Erfahrung. Man meistert ungeahnte Herausforderungen, wächst an ihnen und knüpft Kontakte und Freundschaften, die oft ein Leben lang halten. Und nicht nur das – häufig treten auch die Kinder in die Fußstapfen ihrer Eltern. In den Familien vietnamesischer Deutschland-Alumni ist dies erstaunlich oft der Fall. Die Eltern wurden einstmals zum Studieren und Forschen nach Deutschland bzw. in die ehemalige DDR geschickt, ohne ihr Studienland und -fach selbst bestimmen zu können. Die Kinder hingegen entscheiden sich sehr bewusst für Deutschland als Studien- und Forschungsstandort und führen damit die familiäre Tradition der Verbundenheit mit diesem Land fort.



Der persönlichen und akademischen Verbundenheit Gesichter zu geben und die oft verschlungenen Studien- und Berufswege der Alumni deutscher Hochschulen lebendig zu machen, ist das Ziel dieser Publikation. Stellvertretend für mehrere Absolventengenerationen kommen hier in zwölf Interviews Alumni und ihre Kinder zu Wort, deren Leben und Beruf eng mit Deutschland verflochten sind. Wer könnte besser als sie seine Erfahrungen mit nachfolgenden Generationen teilen, könnte lebendiger schildern, was es heißt, den Schritt nach Deutschland zu wagen, und wie Mut und Eigeninitiative belohnt werden? Zugleich sind viele dieser persönlichen Erzählungen auch fesselnde Dokumente vietnamesisch-deutscher Zeitgeschichte.

Obgleich wir 2015 erst 40 Jahre diplomatische Beziehungen zwischen Deutschland und Vietnam begehen, kam bereits vor 60 Jahren mit den „Moritzburger Kindern“ eine erste Generation von späteren Alumni in die DDR, die bis heute aufs Engste mit Deutschland und auch miteinander verbunden sind. Seitdem haben sich Hochschullandschaften und Wissenschaft rasant weiterentwickelt, Herausforderungen gewandelt. Heute stehen den vietnamesischen Studierenden, anders als ihren Eltern, vielfältige Optionen für ein Auslandsstudium offen. Wir sind deshalb in den Interviews auch der Frage nachgegangen, was sie ausgerechnet für Deutschland motiviert hat und welchen Einfluss die Biografie der Eltern darauf hatte.

Die Fotografin Natascha Senfleben hat die Gesichter und Geschichten der Protagonisten in atmosphärischen Bildern eingefangen.

Begleiten Sie uns auf eine Reise durch nunmehr sechs Jahrzehnte akademischer Beziehungen zwischen Vietnam und Deutschland. Mögen diese Geschichten auch für nachfolgende Studierendengenerationen Ermutigung zum Studieren und Forschen in Deutschland sein.

Ihre Anke Stahl

Leiterin der DAAD-Außenstelle Hanoi

Lời tựa

Lần lưu trú đầu tiên ở nước ngoài luôn để lại một kỷ niệm sâu đậm. Ta phải vượt qua những thách thức không lường trước, trưởng thành hơn và tạo lập những mối quan hệ, những tình bạn theo suốt cuộc đời. Không những vậy – thế hệ các con cũng tiếp bước cha mẹ mình. Điều này xảy ra thường xuyên đến mức đáng ngạc nhiên trong những gia đình Việt Nam đã từng học tập tại Đức. Đầu tiên, cha mẹ được cử sang Đức và CHDC Đức học tập – nghiên cứu nhưng không được phép tự chọn ngành học cho mình. Ngược lại, thế hệ các con chủ động chọn Đức là điểm đến để học tập – nghiên cứu và đồng thời cũng tiếp nối truyền thống gắn bó với nước Đức của gia đình.

Mục đích của ấn phẩm này nhằm minh họa mối liên hệ cá nhân và học thuật cũng như sinh động hóa những ngã đường học tập, nghề nghiệp thường đan xen với nhau của cựu học viên các trường đại học Đức. Trong 12 bài phỏng vấn dưới đây là tự sự của các cựu học viên và con mình, những người đại diện cho nhiều thế hệ học viên khác nhau nhưng cuộc đời và sự nghiệp của họ luôn gắn liền với nước Đức. Không ai có thể chia sẻ với thế hệ sau tốt hơn họ về những trải nghiệm với nước Đức, không ai mô tả sống động hơn họ về lòng quyết tâm bước chân sang Đức. Họ cũng chính là những ví dụ điển hình về thành quả sẽ đạt được nhờ sự dũng cảm và cả những phát kiến riêng. Đồng thời, nhiều câu chuyện cá nhân trong số đó cũng là những tư liệu cho một giai đoạn lịch sử giữa Việt Nam và Đức.

Dù cho năm 2015 chúng ta mới kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Đức và Việt Nam nhưng „những đứa trẻ Moritzburg“ – những người sau này trở thành thế hệ cựu học viên đầu tiên – đã được gửi sang CHDC Đức từ cách đây 60 năm. Cho đến nay họ vẫn vô cùng gắn bó với nhau và với nước Đức. Hiện nay, bối cảnh đại học và khoa học đã phát triển mạnh mẽ, những thử thách cũng đã khác trước. So với cha mẹ mình, ngày nay các sinh viên Việt Nam có nhiều lựa chọn đa dạng khi đi du học. Do đó, trong các cuộc phỏng vấn chúng tôi cũng đi sâu vào vấn đề đầu là động lực để các bạn lựa chọn Đức và tiểu sử của cha mẹ đã tác động thế nào đến quyết định này.

Nữ nhiếp ảnh gia Natascha Senfleben đã nắm bắt được thần thái và cốt truyện của các nhân vật chính bằng những khung hình sống động.

Hãy cùng chúng tôi bước vào một chuyến đi qua hơn sáu thập niên của quan hệ hàn lâm giữa Việt Nam và Đức. Biết đâu những câu chuyện này lại là động lực để các thế hệ sinh viên kế tiếp chọn Đức là điểm đến để học tập và nghiên cứu.

Anke Stahl

Trưởng đại diện Văn phòng DAAD Hà Nội

Grußwort

„Horch, was kommt von draußen rein? Hollahi, Hollaho!“ Dieses deutsche Volkslied haben wir vietnamesische Studenten in der DDR oft gesungen. Aufgrund der Vision Hồ Chí Minh's, dass das Land nach dem Kriegsende hochqualifizierte Leute zum Wiederaufbau benötigen würde, schickte Vietnam von 1955 bis 1975 Zehntausende junger Menschen zum Studium in die Länder des damaligen Ostblocks. Rund 3500 von ihnen kamen in die DDR. Aufgrund ihrer Kindheit, Familienzugehörigkeit und kulturellen Prägungen blieb Vietnam immer ihr Mutterland. Doch durch ihre Begegnungen mit deutschen Arbeitsmethoden, Denkweisen, Umgangsformen und kulinarischen Spezialitäten wurde Deutschland zu ihrem Vaterland.

Mit diesem Doppelpass „Mutterland Vietnam – Vaterland Deutschland“ waren viele von ihnen beruflich sehr erfolgreich, weshalb auch ihre Kinder und Enkelkinder häufig wieder zum Studium nach Deutschland gehen. Einige von ihnen werden Sie in dieser Broschüre kennenlernen.

Heute gibt es jedes Jahr eine Million vietnamesischer Schulabsolventen, von denen 50 Prozent nach zwei bis vier Jahren einen Fach- oder Hochschulabschluss erwerben. Bis zum Jahr 2045 wird Vietnam rund 115 Millionen Einwohner, darunter 70 Millionen Arbeitsfähige haben. Ich wünsche mir, dass dann eine Million von ihnen für deutsche Unternehmen oder in Deutschland arbeiten wird. Das hilft unserem Mutter- wie Vaterland.

Ihr Prof. Dr. Nguyễn Thiện Nhân

Deutschland-Alumnus (Studium und Promotion an der TH Magdeburg), ehemaliger Vize-Rektor und Professor der TU Ho-Chi-Minh-Stadt, Vize-Bürgermeister von Ho-Chi-Minh-Stadt, Minister für Erziehung und Bildung sowie Vize-Premierminister Vietnams, Präsident der Vietnamesischen Vaterlandsfront (seit 2013)

Foto: Nguyễn Thiện Nhân



Lời chào mừng

„Horch, was kommt von draußen rein? Hollahi, Hollaho!“ Những sinh viên Việt Nam chúng tôi thường hay hát bài dân ca Đức này hồi còn ở CHDC Đức. Với tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đất nước sẽ cần lực lượng có trình độ cao để xây dựng sau khi chiến tranh kết thúc, từ 1955 đến 1975 Việt Nam đã cử hàng chục ngàn sinh viên sang học tập tại các nước thuộc khối XHCN cũ. Khoảng 3500 người trong số đó đã tới CHDC Đức. Tuổi thơ, sự gắn bó gia đình và những đặc tính văn hóa đã làm cho Việt Nam vẫn mãi là quê hương đất mẹ của họ. Tuy nhiên, sự giao lưu với phương pháp làm việc, lối tư duy, cách giao tiếp và các món đặc sản Đức đã biến nước Đức thành tổ quốc quê cha của họ.

Với hai quốc tịch „Quê hương đất mẹ Việt Nam – Tổ quốc quê cha Đức“ nhiều người trong số này rất thành công trong sự nghiệp. Đó là lý do tại sao con và cháu họ thường cũng sang Đức học tập. Quý vị sẽ có dịp làm quen một số người như vậy qua ấn phẩm này.

Hiện nay, mỗi năm Việt Nam có khoảng một triệu học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông. 50 % số đó sau 2 đến 4 năm sẽ tốt nghiệp cao đẳng, đại học. Đến năm 2045 Việt Nam sẽ có khoảng 115 triệu dân, 70 triệu trong số đó thuộc độ tuổi lao động. Tôi ước rằng một triệu người trong số này sẽ làm việc tại Đức hoặc cho các doanh nghiệp Đức. Điều đó có ích cho cả „Quê hương“ lẫn „Tổ quốc“ chúng ta.

GS TS Nguyễn Thiện Nhân

Cựu du học sinh Đức (Học đại học và bảo vệ luận án tiến sĩ tại Đại học Kỹ thuật Magdeburg), Nguyên Phó hiệu trưởng, Giáo sư Đại học Bách khoa Tp. HCM, Phó chủ tịch UBND Tp. HCM, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Phó thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam (từ 2013)



Foto: Deutsche Botschaft Hanoi

Grußwort

Deutschland ist in Vietnam hoch angesehen. Dies liegt nicht nur an unserem erfolgreichen Fußball oder unseren weltbekannten Autos, sondern an den Lebensgeschichten so vieler Menschen, die in unseren beiden Ländern verwurzelt sind. Viele Vietnamesen haben früher in der DDR und später im vereinigten Deutschland gelebt, studiert und gearbeitet. Sie haben ihren Familien und Freunden in Vietnam von ihren Erfahrungen berichtet und das sehr positive Bild von Deutschland in Vietnam geprägt.

Wir feiern dieses Jahr das 40-jährige Bestehen diplomatischer Beziehungen und damit Jahrzehnte des Austausches von Menschen aus unseren Ländern. Vietnam hat eine sehr junge Bevölkerung, die vor allem nach Bildung und guten Zukunftsperspektiven strebt. Deutschland war in der Vergangenheit stets ein interessantes Ziel für junge Vietnamesen und wird dies auch in den nächsten Jahrzehnten hoffentlich bleiben.

Der hier vorliegende Band zeigt eindrucksvoll an persönlichen Schicksalen, wie eng und generationenübergreifend der Austausch zwischen Vietnam und Deutschland ist. Er gibt damit den manchmal abstrakten Beziehungen unserer Länder ein persönliches Gesicht. Ich möchte allen Teilnehmern an diesem Projekt und dem Deutschen Akademischen Austauschdienst für dieses eindrucksvolle Zeugnis der Jahrzehnte der Freundschaft unserer Länder herzlich danken.

Jutta Frasch

Botschafterin der Bundesrepublik Deutschland in Vietnam

Lời chào mừng

Nước Đức được đánh giá rất cao ở Việt Nam. Điều này không chỉ nhờ vào thành công trong bóng đá hay những chiếc ô tô nổi tiếng khắp thế giới của chúng tôi mà còn nhờ chuyện đời của những con người gắn kết hai đất nước. Nhiều người Việt từng sống, học tập và làm việc ở CHDC Đức trước kia và sau này là nước Đức thống nhất. Họ đã kể cho gia đình, bạn bè về những trải nghiệm của mình và tạo ra một hình ảnh rất tích cực về nước Đức tại Việt Nam.

Năm nay chúng ta kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và đồng thời nhiều thập niên trao đổi nhân lực giữa hai nước. Việt Nam có dân số rất trẻ, những người luôn nỗ lực học tập, hướng tới tương lai. Trong thời gian qua, nước Đức thường là một điểm đến hấp dẫn của các bạn trẻ Việt Nam và hy vọng điều đó sẽ tiếp tục tồn tại nhiều thập niên nữa.

Ấn phẩm sau đây, thông qua từng câu chuyện đã thể hiện đầy ấn tượng sự gắn kết chặt chẽ qua nhiều thế hệ giữa Việt Nam và Đức. Nó tạo ra một diện mạo riêng cho mối quan hệ đôi khi hơi trừu tượng của hai quốc gia. Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả những người tham gia vào dự án này và Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức về một minh chứng rất ý nghĩa cho tình hữu nghị qua nhiều thập niên giữa hai nước.

Jutta Frasch

Đại sứ CHLB Đức tại Việt Nam



Von Mathematik und großem Glück

Interview mit Herrn Lê Viết Thái am 22. Oktober 2014 in Hanoi

Es war ein holpriger Start: Durch den Krieg und die Bombardierung von Hanoi verzögerte sich die Ausreise des Regierungsstipendiaten Lê Viết Thái in die DDR um ein Jahr. Von 1974 bis 1980 konnte er schließlich doch noch ein Studium an der TU Bergakademie Freiberg absolvieren. Das ihm zugewiesene Fach „Betriebswirtschaft“ war nicht das, wovon er zuvor geträumt hatte. Aber Lê Viết Thái, der seit 1983 am „Central Institute for Economic Management“ (CIEM) des Ministeriums für Planung und Investition in Hanoi arbeitet, hält sich dennoch für einen Menschen, der immer Glück gehabt hat. Die Zeit in Deutschland prägte nicht nur seinen Lebensstil und seine Denkweise, sondern bescherte ihm auch lebenslange Freundschaften. Davon blieben seine Kinder nicht unberührt: Sein Sohn Lê Viết Minh Đức hat mittlerweile ein Masterstudium des Fachs Maschinenbau an der Universität Hannover abgeschlossen; seine Tochter Lê Vân Hạnh studiert an der gleichen Universität wie ihr Bruder das gleiche Fach wie einstmal ihr Vater. Und der Vater weiß, dass seine Kinder es in mancher Hinsicht schwerer haben als er.

Herr Thái, wie kam es überhaupt dazu, dass Sie zum Studium nach Deutschland gingen?

Meinen Weg nach Deutschland habe ich der vietnamesischen Planwirtschaft zu verdanken. Die Studenten mit den besten Ergebnissen bei der Hochschulaufnahmeprüfung konnten im Ausland studieren. Ich gehörte dazu und sollte 1973 in die DDR gehen. Doch durch den Krieg, vor allem die Bombardierung von Hanoi, verzögerte sich unsere Ausreise bis 1974. Dann endlich, im August 1974, reiste meine Gruppe in die DDR. Wir waren damals 144 vietnamesische Schüler und Studenten. Mein größter Traum war es, Mathematik zu studieren. Aber nach der Ankunft in der DDR erfuhr ich, dass ich Betriebswirtschaft studieren sollte. Da brach für mich eine Welt zusammen und ich wollte eigentlich nur so schnell wie möglich zurück nach Vietnam. Drei flehende Briefe schrieb ich an meinen Vater. Ich bat ihn, sich dafür zu verwenden, dass ich wieder nach Hause zurückkehren dürfte, um meinen Traum, Mathematiker zu werden, verwirklichen zu können. Er versuchte mich zu überzeugen, dass ich in der DDR bleiben sollte, und in seinem dritten und letzten Brief schrieb er, dass auch in der Wirtschaft sehr gute Mathematiker gebraucht werden. Kurz danach starb mein Vater, und seinen letzten Brief habe ich als ein Vermächtnis und eine Verpflichtung empfunden. Deshalb blieb ich und begann 1975 an der TU Freiberg Betriebswirtschaft zu studieren.

Ich frönte aber weiterhin meiner heimlichen Liebe zur Mathematik und besuchte nebenher sehr oft mathematische Vorlesungen.

Es dauerte fast zwei Jahre, bis ich meinen Frieden mit dem Studienfach gemacht hatte. Viel schneller jedoch gelang es mir, mich in Freiberg heimisch zu fühlen. Die deutschen Mitstudenten, damals vor allem in der FDJ – der „Freien Deutschen Jugend“ – organisiert, taten ihr Möglichstes, um uns vietnamesische Studenten mit Rat und Tat zu unterstützen und uns in das Studentenleben zu integrieren. Das war für uns ein großes Glück und ein großes Privileg. Ich wohnte im Studentenwohnheim mit zwei deutschen Kommilitonen zusammen und musste von Anfang an Deutsch sprechen. Nie war ich allein oder isoliert. Ich habe mich sehr schnell „germanisiert“.

Welchen Einfluss hat das Studium in der DDR auf Ihre persönliche Entwicklung gehabt?

Meine Art, die Dinge zu betrachten, meine Denkweise wurden stark beeinflusst. Ich habe viel an Offenheit, Toleranz, Selbstständigkeit und Pünktlichkeit hinzugelernt. Mein ganzer Lebensstil hat sich verändert. Ich habe verstanden, was es heißt, Verantwortung zu übernehmen.

Ich hatte aber auch irgendwie immer Glück: Ich gehörte zu einer absolut privilegierten Gruppe, die in der DDR, dem damals entwickeltsten sozialistischen Land, studieren durfte. Die Jahre in der DDR waren die glücklichste Zeit für unsere Generation. Ich hatte Dozenten, die uns zum eigenständigen, schöpferischen, kritischen Denken und zum Hinterfragen anregten. Und was vielleicht am wichtigsten ist: Ich habe Freundschaften fürs Leben geschlossen. Meine Kommilitonen waren meine Familie, und diese Familienbande sind bis heute stark geblieben.



Foto: Lê Việt Thái



Zum Ende des Studiums haben wir uns versprochen, dass wir uns einmal im Jahr treffen werden. Meine Kommilitonen haben das auch jedes Jahr gemacht. Ich konnte von Vietnam aus leider nicht nach Deutschland reisen, um an den Treffen teilzunehmen. Aber vor jedem Jahrestreffen habe ich meinen Kommilitonen geschrieben, und sie haben mir von den Treffen ihrerseits immer alle geschrieben. Vor einigen Jahren kamen einige meiner Studienfreunde nach Vietnam, um das Jahrestreffen hier mit mir in Vietnam durchzuführen. Das war eine der größten Freuden in meinem Leben und ist ein Ausdruck wahrer Freundschaft.

Wie ging es nach Ihrer Rückkehr nach Vietnam 1980 weiter?

Ich kam zurück und wurde zwei Monate später Soldat. Wegen der kriegesischen Auseinandersetzungen zunächst in Kambodscha und dann mit China. Das war wie ein Sturz, wie ein freier Fall, vom Paradies unter den Erdboden. Etwa 2000 Hochschullehrer und Auslandsabsolventen kämpften damals als Soldaten in einem speziellen Regiment. Drei Jahre verbrachte ich in der Armee, und die Entlassung aus der Armee habe ich damals als noch schöner empfunden als meine Zulassung zum Studium in Deutschland.

Was folgte nach der Armee dann für Sie beruflich?

Seit 1983 arbeite ich beim „Central Institute for Economic Management“ (CIEM) des Ministeriums für Planung und Investition. Und wieder hatte ich großes Glück. Eigentlich ist das ein Wirtschaftsforschungsinstitut, aber damals wurden Systemanalytiker, also Mathematiker gesucht, und ich war ja im Herzen immer Mathematiker geblieben. So begann ich meine berufliche Tätigkeit dort und blieb bis heute. Bis heute gibt es zahlreiche Kooperationen mit Deutschland, und ich war aufgrund meiner interkulturellen Erfahrungen ja prädestiniert dafür.

Wie kam es nun, dass Ihre beiden Kinder den Studienweg nach Deutschland eingeschlagen haben? Inwiefern hatten Sie Einfluss darauf?

Natürlich sind meine Kinder mit den Geschichten und Erzählungen ihres Vaters über Deutschland aufgewachsen. Es kamen über die Jahre auch regelmäßig Freunde und Kollegen aus Deutschland zu Besuch. Das prägt natürlich. Beide Kinder studieren an der Universität Hannover, aber sie haben unterschiedliche Wege dorthin gewählt.

Meine Tochter ging gleich nach dem Abitur nach Deutschland, um zunächst das Studienkolleg zu absolvieren und dann ihr Bachelorstudium anzufangen, übrigens auch im Fach Betriebswirtschaft. Mein Sohn hingegen hat zunächst ein Ingenieurstudium an der TU Hanoi begonnen, im Kooperationsstudiengang Maschinenbau der TU Hanoi mit der Universität Hannover. Maschinenbau, das war immer sein Traum, genau wie Mathematik einstmals meiner gewesen war. Ich war der Meinung, dass man Maschinenbau eigentlich nur in Deutschland perfekt studieren kann. Also lernte mein Sohn studienbegleitend Deutsch und wechselte nach Abschluss seines Bachelors zum konsekutiven Masterstudien-gang nach Hannover.

Welche Unterschiede sehen Sie zwischen Ihrer und der Studienzeit Ihrer Kinder in Deutschland?

Meine Kinder hatten es, denke ich, wesentlich schwerer als ich, besonders mein Sohn, denn er kam erst zum Masterstudium nach Deutschland, und das Studium in Deutschland läuft heute anders als früher. Man ist viel auf sich allein gestellt und es war nicht einfach für ihn, Freundschaften zu schließen. Aber jetzt hat er seinen Master in der Tasche und nimmt gerade an einem zweijährigen Trainee-programm bei der Firma B. Braun in Melsungen teil. Nach erfolgreichem Abschluss desselben kann er für B. Braun in Vietnam arbeiten. Das hat er alles selbst organisiert und geschafft. Wir haben ihm – besonders in schwierigen Zeiten – natürlich immer den Rücken gestärkt. Wir hätten es auch verstanden, wenn er sein Studium in Deutschland vorzeitig abgebrochen hätte und nach Hause zurückgekehrt wäre. Aber er hat sich durchgebissen, mit eisernem Willen – da ist er ein bisschen wie ich.

Wer sind Ihre Vorbilder gewesen?

Zuallererst mein Vater. Er war Jurist und Beamter, zunächst in der Provinz und dann in Hanoi. Er hat sich immer gradlinig und unbeugsam für Recht und Ordnung eingesetzt. Und alle meine guten Lehrer, in der Schule und im Studium. Ich hatte immer gute Lehrer, auch das war ein großes Glück!

Lê Viết Thái (Vater)

- studierte von 1974 bis 1980 Betriebswirtschaft an der TU Bergakademie Freiberg,
- arbeitet seit 1983 beim „Central Institute for Economic Management“ (CIEM) des Ministeriums für Planung und Investition,
- leitet dort die Abteilung für Wirtschaftsinstitutionen.

Lê Viết Minh Đức (Sohn)

- absolvierte 2014 sein Masterstudium im Fach Maschinenbau an der Universität Hannover,
- nimmt derzeit an einem zweijährigen Traineeprogramm des deutschen Pharma- und Medizinbedarfs-Unternehmens B. Braun in Melsungen teil.

Lê Vân Hạnh (Tochter)

- absolvierte an der Universität Hannover das Studienkolleg,
- studiert dort Wirtschaftswissenschaft.



Từ Toán học và những cơ may lớn

Phỏng vấn ông Lê Viết Thái ngày 22/10/2014 tại Hà Nội

Một khởi đầu vất vả: Lê Viết Thái được nhận học bổng của chính phủ sang học tập tại Cộng hòa Dân chủ Đức nhưng vì cuộc chiến ở Việt Nam và Hà Nội bị ném bom nên chuyến đi của ông chậm một năm. Từ 1974 đến 1980 ông đã hoàn thành khóa học tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Mỏ Freiberg. Được chỉ định học ngành Quản trị doanh nghiệp, vốn không phải là ngành mà ông mơ ước, nhưng Lê Viết Thái vẫn cho rằng mình là một người luôn gặp may. Từ 1983 Lê Viết Thái làm việc tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Hà Nội. Thời gian ở Đức đã để lại dấu ấn không chỉ cho cách sống và cách tư duy của ông mà còn đem lại cho ông những tình bạn để đời. Điều đó ít nhiều tác động đến các con ông: Con trai Lê Viết Minh Đức đã hoàn thành chương trình thạc sĩ ngành Chế tạo máy tại Đại học Tổng hợp Hannover; con gái Lê Vân Hạnh học cùng trường với anh và theo ngành học giống như cha mình. Người cha biết rằng, xét theo một số khía cạnh nào đó các con mình gặp nhiều khó khăn hơn mình trước đây.

Thưa ông Thái, ông có thể cho chúng tôi biết ông đến với nước Đức để học đại học như thế nào?

Đó là điều mà tôi phải cảm ơn nền kinh tế kế hoạch của Việt Nam. Những sinh viên đạt điểm cao nhất trong kỳ thi vào đại học được gửi đi học tập tại nước ngoài. Tôi nằm trong số đó và lẽ ra đã sang học tại CHDC Đức năm 1973, nhưng vì chiến tranh, nhất là vì vụ ném bom Hà Nội mà chuyển xuất ngoại bị hoãn đến 1974. Cuối cùng, tháng 8/1974 nhóm chúng tôi gồm 144 học sinh và sinh viên mới lên đường sang CHDC Đức.

Giấc mơ lớn nhất của tôi là học Toán. Tuy nhiên, khi đến CHDC Đức, tôi được biết rằng mình phải học Quản trị doanh nghiệp. Lúc đó thế giới như sụp đổ và tôi chỉ còn muốn quay về Việt Nam càng nhanh càng tốt. Tôi đã viết ba lá thư cầu khẩn cha mình. Tôi xin ông xoay xở làm sao để tôi được phép quay về nhà, để được thực hiện giấc mơ trở thành nhà toán học. Ông cố thuyết phục tôi nên ở lại CHDC Đức. Trong lá thư thứ ba, cũng là lá thư cuối cùng, ông viết cho tôi rằng nền kinh tế cũng cần những nhà toán học giỏi. Ít lâu sau ông qua đời, tôi coi lá thư cuối cùng của ông như lời di chúc và nghĩa vụ mà mình phải hoàn thành. Vì vậy, tôi ở lại và bắt đầu chương trình học Quản trị doanh nghiệp tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Mỏ Freiberg năm 1975.

Tuy nhiên tôi vẫn đeo đuổi mối tình thầm kín dành cho Toán học của mình và rất hay đi nghe thêm các buổi giảng Toán.

Cũng phải gần hai năm sau tôi mới bắt đầu hài lòng với ngành học của mình. Nhưng cảm giác Freiberg như quê hương mình đến với tôi nhanh hơn. Các bạn sinh viên Đức cùng trường, chủ yếu là đoàn viên FDJ tức „Đoàn Thanh niên Tự do Đức“, đã rất tận tình giúp đỡ sinh viên Việt Nam chúng tôi hòa nhập vào cuộc sống sinh viên. Với chúng tôi đó là một may mắn và ưu ái lớn. Tôi ở trong ký túc xá sinh viên với hai bạn người Đức và phải nói tiếng Đức ngay từ ngày đầu. Không bao giờ tôi thấy cô đơn hay bị cô lập. Tôi nhanh chóng „Đức hoá“.

Quá trình học tập ở CHDC Đức đã tác động ra sao tới sự phát triển cá nhân ông?

Nó tác động mạnh đến cách tôi quan sát sự vật, cách tôi tư duy. Tôi đã học thêm rất

nhieu về sự cởi mở, lòng vị tha, tính tự lập và tác phong đúng giờ. Phong cách sống của tôi thay đổi hoàn toàn. Tôi đã hiểu thế nào là đảm nhận trách nhiệm.

Không hiểu sao, tôi luôn gặp may: Tôi thuộc nhóm ưu tiên số một được học tập tại CHDC Đức – nước xã hội chủ nghĩa phát triển nhất thời bấy giờ. Những năm tháng ở CHDC Đức là khoảng thời gian hạnh phúc nhất đối với thế hệ chúng tôi. Tôi có những giáo viên dạy chúng tôi tư duy một cách độc lập, sáng tạo và có ý thức phê phán cũng như biết đào sâu tìm tòi. Có lẽ điều quan trọng nhất là: Tôi đã xây dựng được những tình bạn suốt đời. Các bạn thời sinh viên của tôi là gia đình tôi và cho tới giờ mối liên kết ấy vẫn còn bền chặt như xưa.

Khi học xong, chúng tôi hứa với nhau sẽ gặp nhau mỗi năm một lần. Các bạn tôi đã làm điều đó hàng năm. Rất tiếc là tôi không thể từ Việt Nam sang Đức để tham dự những buổi gặp mặt đó. Tuy vậy, trước mỗi cuộc gặp thường niên tôi đều viết cho các bạn và bản thân họ cũng viết kể cho tôi về các cuộc gặp gỡ đó. Cách đây vài năm, một số người bạn tôi đã đến thăm Việt Nam để tổ chức cuộc gặp thường niên ở đây với tôi. Đó là một trong những niềm vui lớn nhất đời tôi và là biểu hiện của một tình bạn đích thực.

Cuộc sống của ông như thế nào sau khi ông quay về Việt Nam năm 1980?

Tôi về nước được hai tháng thì nhập ngũ, do có chiến sự ở Campuchia và sau đó với Trung Quốc. Giống như là một cú ngã, một cú rơi tự do từ trên trời xuống dưới mặt đất. Khoảng 2000 giảng viên đại học và sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài nhập ngũ như những người lính trong một trung đoàn đặc biệt.



Foto: Lê Viết Thái



Tôi ở trong quân ngũ ba năm và khi nhận giấy xuất ngũ tôi cảm thấy còn tuyệt vời hơn cả khi cầm giấy gọi đi học ở Đức.

Sau khi xuất ngũ, ông đã làm nghề gì?

Từ năm 1983 tôi làm việc trong Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Và tôi lại gặp may. Đây là một viện nghiên cứu kinh tế nhưng lúc đó Viện đang cần các chuyên gia phân tích hệ thống, tức là những người học toán. Ở trong sâu thẳm con tim, tôi vẫn luôn yêu Toán học. Do vậy tôi bắt đầu công tác của mình và ở Viện cho tới tận bây giờ. Từ đó đến nay Viện có nhiều chương trình hợp tác với Đức. Với lợi thế về kinh nghiệm liên văn hóa, tôi luôn được chọn làm đầu mối trong các chương trình ấy.

Vì sao hai con của ông sang Đức học? Ông có tác động như thế nào tới quyết định của các cháu?

Tất nhiên các con tôi lớn lên cùng những câu chuyện tôi kể về nước Đức. Trong nhiều năm cũng thường xuyên có bạn bè và đồng nghiệp từ Đức đến thăm chúng tôi và dĩ nhiên điều này ảnh hưởng không nhỏ đến các cháu.

Cả hai con tôi đều học tại Đại học Tổng hợp Hannover nhưng con đường đến đó lại khác nhau. Con gái tôi tới Đức ngay sau khi tốt nghiệp Trung học để theo học chương trình dự bị đại học và sau đó bắt đầu chương trình cử nhân, chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Con trai tôi thì khác, thoát tiên cháu học tại Đại học Bách khoa Hà Nội theo chương trình hợp tác đào tạo Chế tạo máy giữa Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Tổng hợp Hannover. Chế tạo máy là ước mơ của cháu, cũng như ngày xưa tôi mơ được học Toán vậy. Theo tôi, học Chế tạo máy ở Đức là lý tưởng nhất. Do vậy bên cạnh chuyên ngành của mình, con trai tôi học thêm tiếng Đức và sau khi tốt nghiệp cử nhân, cháu đã học tiếp chương trình thạc sĩ ở Hannover.

Theo ông có gì khác biệt giữa thời kỳ học tập của ông và của các con ông bây giờ?

Tôi cho rằng các con tôi vất vả hơn tôi nhiều, đặc biệt cháu trai. Do cháu chỉ được đến Đức khi bắt đầu chương trình học thạc sĩ và chương trình học ngày nay ở Đức khác với trước đây. Người ta phải tự lo cho mình nhiều hơn và cháu không dễ dàng kết bạn. Nhưng bây giờ cháu đã có bằng thạc sĩ trong tay và đang tham dự chương trình tu nghiệp



tại Công ty B. Braun ở Melsungen. Xong chương trình này, cháu có thể làm việc cho B. Braun tại Việt Nam. Cháu đã tự sắp xếp mọi việc và đạt được điều đó. Tất nhiên chúng tôi luôn ủng hộ cháu, nhất là trong những thời điểm khó khăn. Giả sử cháu có bỏ học giữa chừng và quay về Việt Nam chúng tôi cũng hiểu và thông cảm. Nhưng với ý chí sắt đá, cháu đã cố gắng vượt qua – ở điểm này cháu khá giống tôi.

Những ai là thần tượng của ông?

Trên tất cả, đó là cha tôi. Ông là luật gia và công chức, ban đầu ở địa phương, sau đó về Hà Nội. Ông luôn phấn đấu một cách thẳng thắn và kiên cường vì luật pháp và kỷ cương. Và tất cả các giáo viên tốt của tôi, cả trong trường phổ thông và đại học. Tôi luôn có những giáo viên tốt. Đó là điều may mắn lớn của tôi.

Lê Viết Thái (Bố)

- học Quản trị doanh nghiệp tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Mỏ Freiberg từ 1974 đến 1980,
- làm việc tại Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư 1983,
- là Trưởng ban Ban nghiên cứu thể chế kinh tế.

Lê Viết Minh Đức (Con trai)

- tốt nghiệp thạc sĩ Chế tạo máy tại ĐH Tổng hợp Hannover năm 2014,
- tham gia chương trình tu nghiệp 2 năm của Công ty Y Dược phẩm B. Braun ở Melsungen.

Lê Vân Hạnh (Con gái)

- hoàn thành chương trình dự bị đại học tại ĐH Tổng hợp Hannover,
- đang học Khoa học kinh tế tại trường đó.



„Ein starker Bauer auf dem Feld der Kultur“

Interview mit Herrn Trần Đương am 8. November 2014 in Hanoi

Die kleine sächsische Gemeinde Moritzburg in der Nähe von Dresden ist in Vietnam bekannter als in Deutschland: 1955 schickte Hồ Chí Minh rund 150 Kinder verdienter Mitkämpfer zur Schulausbildung dorthin; ein Jahr später folgten 200 weitere Kinder. Die Schüler wurden im Moritzburger Käthe-Kollwitz-Heim sowie im Dresdner Maxim-Gorki-Heim untergebracht und erlebten dort die prägenden Jahre ihres Lebens. Diese sogenannten „Moritzburger“ sind bis heute wichtige Persönlichkeiten des öffentlichen Lebens in Vietnam und fühlen sich Deutschland noch immer tief verbunden. Einer von ihnen ist Trần Đương, der nach der Schulausbildung in Moritzburg und einer Berufsausbildung in Bitterfeld ein abenteuerliches Leben als Journalist, Kriegskorrespondent, Schriftsteller, Herausgeber und Übersetzer führte. Die enge Beziehung zu Deutschland erstreckt sich in seiner Familie bereits über vier Generationen: Sein Vater Trần Minh Tân weilte 1986 vier Monate lang an der Parteihochschule „Karl Marx“ in Ostberlin. Trần Đương's in Deutschland geborene Kinder, Sohn Trần Quang Tuấn und Tochter Trần Kim Hoa, leben und arbeiten heute in Cottbus. Auch drei Enkelkinder wachsen dort auf.

Herr Trần Dương, Ihr ganzes Leben ist von Kindheit an so eng mit Deutschland verknüpft wie kaum ein anderes. Wie hat Sie das als Persönlichkeit geprägt?

Ich bin von einer tiefen Liebe zu Deutschland, seiner Sprache und Literatur erfüllt. Liebe und Träume weiten den Horizont. Für mich war Deutschland der Horizont. Seine Lyrik, besonders die von Johann Wolfgang von Goethe und Johannes R. Becher, habe ich geliebt, die Freundschaften fürs Leben, die Ehrlichkeit, Ordnung, Offenheit und Gastfreundschaft haben mich immer begleitet. Der Schriftsteller Đặng Ai hat einmal über mich geschrieben: „Trần Dương ist ein Deutscher in Vietnam und ein Vietnamese in Deutschland.“

Sie gehörten zu den „Moritzburgern“ und kamen schon 1955 zum ersten Mal in die DDR. War die Trennung von Ihrer Familie für Sie als Zwölfjährigen nicht schwer?

Natürlich hatte ich Heimweh, besonders nach meiner Mutter und meinen zwei kleinen Schwestern. Aber es überwog eine riesengroße Freude. Warum? Als Zehnjähriger hatte ich ein kleines Büchlein mit dem Titel „Reise nach Berlin“ geschenkt bekommen. Seitdem wünschte ich mir nichts sehnlicher, als einmal nach Berlin zu reisen. Als mein Vater, der damals Abteilungsleiter an der Parteihochschule Hanoi war, mir eröffnete, dass ich zu den Kindern gehörte, die für eine Schul- und Berufsausbildung in der DDR auserwählt worden waren, konnte ich mein Glück kaum fassen. Drei Wochen waren wir, knapp 150 vietnamesische Kinder zwischen 9 und 14 Jahren, damals mit dem Zug unterwegs und wurden im Käthe-

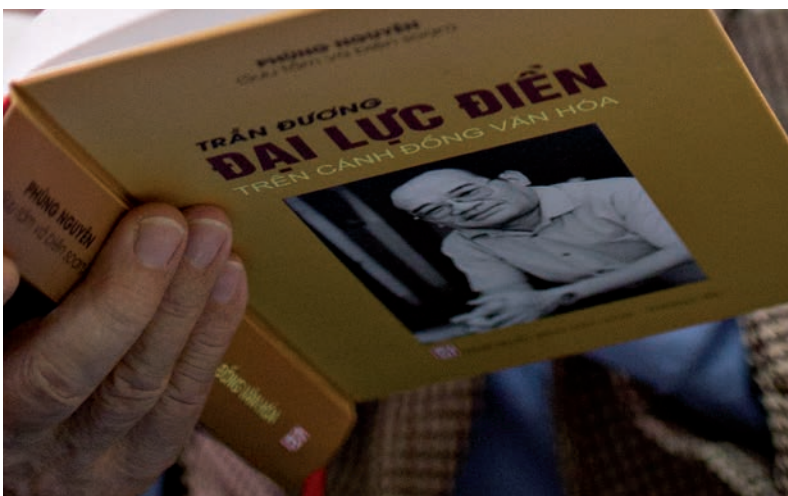
Kollwitz-Heim in Moritzburg untergebracht. Die DDR wurde mir schnell Heimat, und ich habe mit großer Freude und Wissbegier Deutsch gelernt, täglich sechs Stunden und mehr. Eines der beeindruckendsten Erlebnisse war für mich der Besuch Hồ Chí Minhs zwei Jahre später, 1957, in der DDR. Das habe ich auch später in meinem Buch „Erinnerungen an Onkel Hồ“ literarisch verarbeitet.

Sie haben schließlich so gut Deutsch gesprochen, dass Sie anfangen, in deutscher Sprache zu rezitieren und auch selbst zu dichten.

Mein erstes eigenes Gedicht auf Deutsch habe ich anlässlich des Jahrestages der DDR am 7. Oktober 1959 auf dem „Fest junger Talente“ vorgetragen. Es hieß „Gemeinsamer Weg“, und ich gewann damit den ersten Preis. Stellen Sie sich vor, das war ein Fahrrad!

Aber damit begann noch nicht Ihre Karriere als Dichter und Schriftsteller?

Nach dem Schulabschluss wurde ich dazu bestimmt, eine Ausbildung zum Chemiefacharbeiter in Bitterfeld zu machen. Viel lieber jedoch hätte ich eine Druckerlehre begonnen, dann wäre ich wenigstens näher am Druck von Literatur dran gewesen. Chemie war wirklich nicht einfach für mich, die ganzen Formeln, der Geruch, die umweltbelastenden Abfälle ... Doch parallel zu meiner Facharbeiterausbildung begann ich in Bitterfeld und Halle für die Zeitungspressen zu arbeiten, und so wurden, ohne dass ich es damals ahnte, die Weichen für meinen Werdegang zum Journalisten gestellt.





Aber zunächst ging ich 1962 nach Vietnam zurück, wo ich anfangs zwei Jahre in der Chemieabteilung des Nationalkomitees für die Wissenschaften arbeitete. Meine Liebe zur Sprache und Literatur war jedoch stärker, und so fing ich an, an der Nationaluniversität Hanoi Literatur- und Sprachwissenschaft zu studieren. Und nebenbei begann auch meine Übersetzerkarriere.

Danach war ich mehrere Jahre als Journalist für die Vietnamesische Nachrichtenagentur (VNA) in Hanoi tätig, und von 1970 bis 1972 ging ich als Kriegskorrespondent nach Quảng Binh. 16 Kriegstagebücher sind in dieser Zeit entstanden. 1972 wurde ich dann plötzlich per Telegramm nach Hanoi zurückberufen. Weil ich Deutsch sprach und die DDR gut kannte, sollte ich die VNA in Ostberlin aufbauen. Das war eine wundervolle Aufgabe, jedoch kam sie für mich zu einem völlig falschen Zeitpunkt. Ich hatte doch noch so viel aus dem Kampfgebiet zu berichten und wollte einen Roman über den Vietnamkrieg schreiben! Trotzdem ging ich 1972 schließlich nach Berlin. Dort habe ich fast zehn Jahre lang eine ungemein aktive Zeit gehabt und aus Europa nach Vietnam berichtet. Ich hatte enge Kontakte zum Politbüro der Sozialistischen Einheitspartei Deutschlands (SED) und habe viele Staatsgäste der DDR persönlich kennengelernt und gesprochen. Darunter waren natürlich auch bekannte Schriftsteller wie Anna Seghers, Hermann Kant, Jurij Brězan, Kurt Stern, Eberhard Panitz und viele andere.

Freundschaft ist ein wichtiges Gut und ich glaube, ich konnte in dieser Zeit und auch in den Jahren danach, als ich schon wieder in Vietnam lebte, viel zur Völkerverständigung beitragen.

Auch literarisch?

Ich habe über 90 Bücher geschrieben, herausgegeben und übersetzt. Gewissermaßen als Inspiration für die Vietnamesen, und um eine Brücke zu bauen, die zwei Kulturen miteinander verbindet. Ich war auch Mitbegründer der Freundschaftsgesellschaft zwischen der DDR und Vietnam. Dafür habe ich in der DDR die Ehrenmedaille für Völkerfreundschaft in Gold verliehen bekommen.

Nach meiner Rückkehr nach Vietnam war ich immer wieder Gast in der DDR. Den Mauerfall 1989 habe ich selbst miterlebt, und noch heute beeindruckt mich die Friedlichkeit dieser objektiv nicht aufzuhaltenden Entwicklung. Viel später, 1997, war ich am Aufbau des Goethe-Instituts Hanoi beteiligt und war auch lange noch Dozent für deutsche Literatur an der Nationaluniversität Hanoi.

Während meiner ganzen beruflichen Karriere in Vietnam habe ich über meine Begegnungen und meine Verbundenheit mit Deutschland geschrieben. Meine Landsleute haben mich als einen „starken Bauern auf dem Feld der Kultur“ bezeichnet.

Was sind die beherrschenden Themen Ihrer Bücher?

Meine Bücher sind vor allem von Dankbarkeit geprägt: gegenüber „Onkel Hồ“, denn nur durch ihn kam ich als Kind in die DDR, und gegenüber Deutschland, denn ohne Deutschland wäre mein Leben nicht das, was es ist.

Nicht nur Ihr Leben ist durch Deutschland geprägt worden, sondern auch das Ihrer Familie ...

Mittlerweile sind vier Generationen meiner Familie mit Deutschland eng verbunden. Mein Vater kam 1986 als Vize-Rektor der Hanoier Parteihochschule und Leiter einer Funktionärsdelegation des Zentralkomitees der Kommunistischen Partei Vietnams (KPV) im Rahmen einer mehrmonatigen Schulungsreise an die Parteihochschule „Karl Marx“ in Berlin, wo er intensiv deutsche Ökonomie studierte. Für ihn war die DDR „ein kluges Land mit klugen Menschen“.

Während meiner Zeit als Korrespondent in der DDR lernte ich auch meine erste Frau kennen. Wir heirateten und gründeten in der DDR eine Familie. Heute leben meine Tochter und mein Sohn mit ihren Familien wieder in Deutschland; mein Sohn hat eine deutsche Frau geheiratet. Für meine Kinder wie für meine Enkel ist Deutschland die Heimat. Man kann sagen: So fließen der Rote Fluss und die Elbe zusammen.

Herr Trần Dương, wenn ich Ihr Arbeitszimmer mit den vielen Notizen und beschriebenen Blättern betrachte, habe ich das Gefühl, dass Sie noch viel mitzuteilen haben.

Ich bin jetzt 71 Jahre alt. Mir scheint es an der Zeit zu sein, ein literarisches Buch über mein Leben zu schreiben. Vier Teile soll es haben und ca. 1 000 Seiten wird es umfassen.

Der Titel?

„Deutschland: Jahre meines Lebens“.

**Trần Minh Tân
(Vater von Trần Dương)**

- wurde 92 Jahre alt,
- verbrachte 1986 vier Monate an der Parteihochschule „Karl Marx“ in Ostberlin.

Trần Dương

- war von 1955 bis 1959 „Moritzburger“,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zum Chemiefacharbeiter in Bitterfeld,
- war von 1962 bis 1964 Laborant in der Abteilung Chemie des Nationalkomitees für die Wissenschaften Hanoi,
- studierte von 1964 bis 1968 Literatur- und Sprachwissenschaft an der Nationaluniversität Hanoi,
- arbeitete von 1968 bis 1970 als Journalist für die Vietnamesische Nachrichtenagentur (VNA) in Hanoi,
- berichtete von 1970 bis 1972 als Kriegskorrespondent der VNA aus dem Kampfgebiet von Quảng Bình,
- arbeitete von 1972 bis 1981 als Korrespondent und Leiter des Büros der VNA in Berlin,
- war seit 1981 in Vietnam bei der VNA, als Dozent an der Nationaluniversität Hanoi, als Mitarbeiter beim ZK der KPV sowie als Schriftsteller, Herausgeber und Übersetzer tätig.

**Trần Quang Tuấn
(Sohn von Trần Dương)**

- wurde 1974 in Deutschland geboren,
- studierte Deutsch an der Nationaluniversität Hanoi und Ökonomie an der Hochschule für Wirtschaft und Recht Berlin,
- lebt mit seiner deutschen Frau und zwei Kindern in Cottbus.

**Trần Kim Hoa
(Tochter von Trần Dương)**

- wurde 1977 in Deutschland geboren,
- studierte Außenhandel in Hanoi,
- lebt mit ihrem Mann und einer Tochter in Cottbus, wo sie als Vietnamesischlehrerin arbeitet.



„Đại lực điền trên cánh đồng văn hóa“

Phỏng vấn ông Trần Đường ngày 8/11/2014 tại Hà Nội

Ở Việt Nam, người ta biết đến Moritzburg, một thị trấn nhỏ thuộc ngoại ô thành phố Dresden, nhiều hơn cả tại Đức: 1955 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi gần 150 trẻ em, là con em các cán bộ cách mạng có công lớn, sang đây học; một năm sau thêm 200 em nữa. Các học sinh ăn học tại Trường Thiếu nhi đặc biệt „Käthe Kollwitz“ (ở Moritzburg) cũng như „Maxim Gorki“ (ở Dresden) và sống những năm tháng mang dấu ấn sâu sắc nhất của đời mình ở đó. Những „đứa trẻ Moritzburg“ này cho đến nay vẫn là những nhân vật tích cực trong đời sống xã hội Việt Nam và luôn cảm thấy có mối liên hệ mật thiết với nước Đức. Một trong số đó là ông Trần Đường. Sau khi học phổ thông ở Moritzburg và học nghề ở Bitterfeld, ông đã có một cuộc đời sống động trên cương vị nhà báo, phóng viên chiến trường, nhà văn, chủ biên và biên dịch. Mối liên hệ mật thiết với nước Đức vẫn được duy trì trong gia đình ông qua bốn thế hệ: Bố ông là ông Trần Minh Tân hồi 1986 đã có bốn tháng nghiên cứu tại Trường Đảng „Karl Marx“ ở Đông Berlin. Các con của ông Trần Đường – Trần Quang Tuấn và Trần Kim Hoa – được sinh ra ở Đức, hiện nay sống và làm việc tại Cottbus. Ba cháu của ông cũng lớn lên ở đó.

Thưa ông Trần Đương, cả cuộc đời ông đã gắn bó mật thiết với nước Đức từ thuở ấu thơ, điều đó đã tác động như thế nào tới tính cách của ông?

Tôi mang trong tim một tình yêu sâu nặng với nước Đức, với ngôn ngữ và văn học Đức. Tình yêu và ước mơ đó đã mở rộng chân trời. Đối với tôi, nước Đức là chân trời. Tôi yêu thi ca Đức, nhất là từ ngòi bút của Johann Wolfgang von Goethe và Johannes R. Becher, những tình bạn suốt đời, sự chân thành, tính kỷ luật, cởi mở và sự hiếu khách luôn theo chân tôi. Nhà văn Đặng Ai đã từng viết về tôi như sau: „Trần Đương là một người Đức ở Việt Nam và một người Việt Nam ở Đức.“

Ông là một trong những „đứa trẻ Moritzburg“ và 1955 đã đặt chân tới CHDC Đức lần đầu tiên. Cuộc chia tay của một cậu bé mười hai tuổi với gia đình có khó khăn đối với ông không?

Tất nhiên là tôi nhớ nhà, đặc biệt là nhớ mẹ tôi và hai cô em gái nhỏ. Nhưng niềm vui thì lớn hơn nhiều. Tại sao vậy? Hồi lên mười, tôi đã được tặng một cuốn sách nhỏ với nhan đề là „Em đi Bá linh“. Từ đó tôi không có mong ước nào tha thiết hơn là một ngày nào đó được đặt chân đến Berlin. Khi cha tôi, lúc bấy giờ là Trưởng khoa ở Trường Đảng Trung ương, cho biết là tôi thuộc nhóm học sinh được chọn để đi học phổ thông và học nghề ở CHDC Đức, tôi gần như không tin đó là sự thực. Nhóm chúng tôi, khoảng 150 trẻ em

người Việt ở độ tuổi từ 9 tới 14, đi tàu hỏa ba tuần liền mới đến nơi và được đưa đến Trường thiếu nhi đặc biệt „Käthe Kollwitz“ ở Moritzburg. CHDC Đức nhanh chóng trở thành quê hương của tôi và tôi hăm hở học tiếng Đức mỗi ngày sáu tiếng hoặc hơn. Một trong những sự kiện ấn tượng nhất với tôi là chuyến thăm CHDC Đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh hai năm sau đó, năm 1957. Những kỷ niệm về chuyến thăm đó đã được tôi ghi lại trong cuốn „Bác Hồ như chúng tôi đã biết“ của mình.

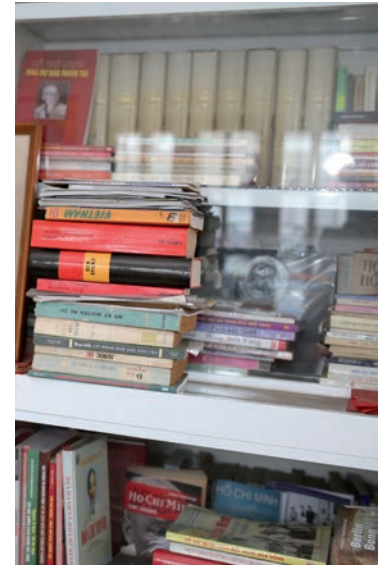
Rồi ông nói tiếng Đức tốt đến độ có thể ngâm thơ và tự sáng tác thơ bằng tiếng Đức?

Tôi đã làm và trình bày bài thơ đầu tiên của mình bằng tiếng Đức nhân dịp kỷ niệm quốc khánh CHDC Đức ngày 7/10/1959 ở „Lễ hội Tài năng trẻ“. Bài thơ có tựa đề là „Chúng một con đường“ và tôi được giải nhất. Bạn thử hình dung xem, đó là một chiếc xe đạp!

Nhưng đó chưa phải là sự khởi đầu cho sự nghiệp văn thơ của ông?

Sau khi tốt nghiệp phổ thông, tôi được chỉ định học công nhân ngành hóa ở Bitterfeld. Lẽ ra tôi thích được học nghề in hơn vì ít nhất tôi cũng được gần với việc in ấn văn học. Đối với tôi, hóa học thực sự không dễ dàng chút nào, các công thức, mùi, các chất thải gây hại môi trường v.v.





Tuy nhiên, song song với chương trình đào tạo nghệ, tôi cũng bắt đầu viết báo ở Bitterfeld và Halle. Vậy là con đường đến nghề phóng viên của tôi được mở ra mà ngày đó tôi không hề nghĩ tới.

Thoạt tiên, khi mới trở về Việt Nam vào năm 1962, tôi làm việc tại Phòng Hóa học của Ủy ban Khoa học Nhà nước hai năm. Nhưng tình yêu của tôi với ngôn ngữ và văn chương còn mạnh hơn. Thế là tôi bắt đầu học Văn học và Ngôn ngữ tại Đại học Tổng hợp Hà Nội. Bên cạnh đó tôi cũng bắt đầu sự nghiệp biên dịch.

Sau đó tôi làm phóng viên nhiều năm cho Thông tấn xã Việt Nam (VNA) tại Hà Nội và từ 1970 đến 1972 tôi là phóng viên chiến trường ở Quảng Bình. Trong thời gian này tôi đã ghi 16 quyển nhật ký. Năm 1972 tôi đột ngột nhận điện tín gọi về Hà Nội. Do biết tiếng Đức và thông thạo CHDC Đức, tôi được trao nhiệm vụ gây dựng văn phòng đại diện của VNA ở Đông Berlin. Đó là một nhiệm vụ tuyệt vời nhưng tôi tiếc là nó đến hoàn toàn không đúng lúc. Tôi còn rất nhiều điều muốn tường thuật từ vùng chiến sự và còn muốn viết một cuốn tiểu thuyết về Chiến tranh Việt Nam! Tuy nhiên, cuối cùng tôi vẫn đến Berlin vào năm 1972. Ở đó tôi có một khoảng thời gian gần 10 năm công tác cực kỳ tích cực, đã đưa tin và viết bài từ châu Âu về Việt Nam. Tôi có mối liên hệ mật thiết với Bộ Chính trị của Đảng Xã hội Chủ nghĩa Thống nhất Đức (SED), đã làm quen và nói chuyện với nhiều thượng khách của CHDC Đức. Trong số đó tất nhiên có cả những nhà văn nổi tiếng như Anna Seghers, Hermann Kant, Jurij Brězan, Kurt Stern, Eberhard Panitz và nhiều người khác nữa.

Tình hữu nghị là một giá trị cao quý và tôi tin ngày ấy cũng như nhiều năm sau, khi quay về Việt Nam tôi đã đóng góp được nhiều cho quá trình hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc.

Cả trong văn chương?

Tôi đã viết, xuất bản và dịch hơn 90 cuốn sách. Trong một chừng mực nhất định, đó là nguồn cảm hứng cho nhiều người Việt Nam và là cầu nối giữa hai nền văn hóa. Tôi cũng là một trong những sáng lập viên của Hội Hữu nghị CHDC Đức – Việt Nam. Tôi đã được tặng Huy chương danh dự bằng vàng của CHDC Đức vì những nỗ lực cho sự hiểu biết giữa các dân tộc.

Sau khi quay về Việt Nam, tôi vẫn thường xuyên thăm CHDC Đức. Tôi đã tận mắt chứng kiến sự kiện Bức tường Berlin sụp đổ năm 1989. Cho đến giờ tôi vẫn rất ấn tượng về bản chất hòa bình của sự phát triển khách quan bất khả kháng ấy. Rất lâu sau này, năm 1997, tôi tham gia xây dựng Viện Goethe Hà Nội và giảng dạy môn Văn học Đức một thời gian dài tại Đại học Hà Nội.

Trong quá trình công tác ở Việt Nam, tôi đã viết về những cuộc gặp gỡ và mối liên hệ của mình với nước Đức. Có nhà văn đã gọi tôi là „Đại lực điền trên cánh đồng văn hóa“.

Những đề tài chủ đạo trong sách của ông là gì?

Sách của tôi trước hết mang nặng sự biết ơn: Biết ơn Bác Hồ, nhờ có Người mà tôi được đến CHDC Đức khi còn bé; biết ơn nước Đức, vì không có nước Đức thì cuộc đời tôi có lẽ sẽ không như ngày hôm nay.

Nước Đức không chỉ tạo dấu ấn cho cuộc đời ông, mà cả cho gia đình ông ...

Cho đến nay gia đình tôi có bốn thế hệ gắn bó mật thiết với nước Đức. Năm 1986 cha tôi trong cương vị là Hiệu phó Trường Đảng Trung ương tại Hà Nội và là Trưởng đoàn cán bộ của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (KPV) đã đến Berlin trong khuôn khổ một chương trình nghiên cứu nhiều tháng ở Trường Đảng „Karl Marx“. Ở đó ông đã nghiên cứu chuyên sâu hơn về kinh tế Đức. Theo ông, CHDC Đức là „một đất nước thông minh với những con người thông minh“.

Trong thời gian làm phóng viên ở CHDC Đức, tôi đã làm quen với người vợ đầu tiên của mình. Chúng tôi lập gia đình ở CHDC Đức. Hiện nay con gái và con trai tôi sống với gia đình riêng ở Đức; con trai tôi cưới vợ người Đức. Với các con cũng như các cháu tôi, nước Đức là quê hương. Có thể nói: Sông Hồng và Sông Elbe hòa chung trong một dòng chảy!

Ông Trần Đường, nhìn phòng làm việc của ông với nhiều ghi chép và bản thảo, tôi đoán là ông còn có rất nhiều điều để nói?

Năm nay tôi đã 71. Tôi cảm thấy đã đến lúc thực hiện một cuốn sách về chính cuộc đời mình. Cuốn sách sẽ gồm bốn tập với khoảng 1 000 trang.

Và tựa đề là ...

„Nước Đức: Những năm tháng đời tôi“.

Trần Minh Tân (Bố của ông Trần Đường)

- năm nay 92 tuổi,
- đã tham dự khóa học bốn tháng tại Trường Đảng „Karl Marx“ ở Đông Berlin hồi 1986.

Trần Đường

- một trong những „đứa trẻ Moritzburg“ từ 1955 đến 1959,
- học nghề công nhân ngành hóa ở Bitterfeld từ 1959 đến 1962,
- cán bộ phòng thí nghiệm thuộc Phòng Hóa học của Ủy ban Khoa học Nhà nước tại Hà Nội từ 1962 đến 1964,
- học Văn học và Ngôn ngữ tại ĐH Tổng hợp Hà Nội từ 1964 đến 1968,
- phóng viên Thông tấn xã Việt Nam tại Hà Nội từ 1968 đến 1970,
- phóng viên chiến trường tại vùng chiến sự Quảng Bình từ 1970 đến 1972,
- phóng viên, Trưởng phân xã Thông tấn xã Việt Nam (VNA) tại Berlin từ 1972 đến 1981,
- từ 1981 làm việc ở Thông tấn xã Việt Nam, giảng viên ĐH Quốc gia Hà Nội, chuyên viên cao cấp thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà văn, chủ biên, biên dịch.

Trần Quang Tuấn (Con trai ông Trần Đường)

- sinh năm 1974 tại Đức,
- học tiếng Đức tại ĐH Quốc gia Hà Nội và Kinh tế tại ĐH Kinh tế và Luật Berlin,
- sống với vợ người Đức và hai con ở Cottbus.

Trần Kim Hoa (Con gái ông Trần Đường)

- sinh năm 1977 tại Đức,
- học Ngoại thương ở Hà Nội,
- sống với chồng và con gái ở Cottbus, dạy tiếng Việt.



„Deutsch ist unsere zweite Muttersprache“

Interview mit Prof. Dr. Nguyễn Phùng Quang, seiner Frau Dr. Trần Thị Thu Hương und Sohn Nguyễn Trần Đức Việt am 24. November 2014 in Hanoi und am 25. Januar 2015 in Ho-Chi-Minh-Stadt

Auf ein Studium im Ausland folgt nicht selten ein lebenslanges Pendeln zwischen zwei Welten. So war es bei Prof. Dr. Nguyễn Phùng Quang, der von 1971 bis 1975 Elektrotechnik an der TU Dresden studierte, um nach zwölfjähriger Berufstätigkeit in Vietnam zur Promotion an seine deutsche Alma Mater zurückzukehren. Anschließend arbeitete er als Entwicklungsingenieur in Metzingen, habilitierte sich und lehrte als Privatdozent an der TU Dresden. Seit 1999 ist er Hochschullehrer an der TU Hanoi. Auf ein ähnlich bewegtes Leben kann seine Frau Dr. Trần Thị Thu Hương zurückblicken: Sie promovierte im Fach Nachrichtentechnik in Dresden, war danach als Entwicklungsingenieurin in Vietnam tätig, lebte mit ihrem Mann in Metzingen, absolvierte ein Aufbaustudium an der TU Dresden und arbeitet heute als IT-Beraterin in Hanoi. Was erwachsene Menschen als lustvolles Wandern zwischen zwei Heimaten empfinden können, kann für ein Kind zu einer Erfahrung von Heimatlosigkeit werden. Davon weiß Sohn Nguyễn Trần Đức Việt zu erzählen, der in seiner Schulzeit mehrere Wechsel zwischen Deutschland und Vietnam sowie innerhalb Deutschlands bewältigen musste. Nach seinem Studium der Elektrotechnik an der TU Dresden ist er heute als Projektmanager in Ho-Chi-Minh-Stadt tätig. Eine Rückkehr nach Deutschland kann er sich vorstellen – aber nicht um jeden Preis.

Sie haben als Familie viele Jahre in Deutschland verbracht. Steht man da nicht irgendwann zwischen zwei Welten?

Nguyễn Phùng Quang: Zwischen 1971 und 1999 haben wir einzeln oder gemeinsam immer wieder für mehrere Jahre in Deutschland gelebt. Ich habe dort studiert und promoviert, meine Frau hat ebenfalls in Deutschland promoviert. Unser Sohn ist dort zur Schule gegangen und hat im direkten Anschluss sein Studium in Dresden absolviert – das ist fast ein halbes Leben. Nach dem Studium ist er aber recht bald nach Vietnam zurückgekehrt und lebt nun mit seiner Familie in Ho-Chi-Minh-Stadt. Seine Wurzeln hat er weiterhin in Vietnam, so wie meine Frau und ich. Doch wir schätzen uns glücklich, dass wir zwei Länder unsere Heimat nennen können. Ich habe eigentlich zwei Muttersprachen: Vietnamesisch und Deutsch.

Was für Erinnerungen haben Sie an Ihren ersten Studienaufenthalt in der DDR?

Nguyễn Phùng Quang: Das war die wichtigste Weichenstellung meines Lebens. Angetrieben von großer Neugier verspürte ich kaum Angst vor dem Unbekannten. Im Gepäck hatte ich den üblichen Koffer, den alle vietnamesischen Studenten bekamen: mit einem Paar Lederschuhen, zwei Hemden, einem schwarzen Anzug und 200 Mark, um warme Winterkleidung kaufen zu können. Nach dem Ende der Studienzeit mussten wir den Koffer zurückgeben, für die nächste Generation. Aber natürlich habe ich Fotos von daheim mitgebracht. Und noch mehr Fotos wieder nach Vietnam zurückgebracht.

Hier, sehen Sie, ich habe sogar ein persönliches Autogramm vom damaligen DDR-Eiskunstlaufweltmeister Jan Hoffmann!

In Dresden habe ich mich schnell integriert und Fuß gefasst, und den Dresdner Kollegen bin ich bis heute eng verbunden. Erst kürzlich, im Jahr 2014, hat mir der DAAD im Rahmen einer Wiedereinladung einen zweimonatigen Forschungsaufenthalt an der TU Dresden ermöglicht.

Sie haben außerdem ein wichtiges Stück deutscher Geschichte miterlebt, den Mauerfall und die Wiedervereinigung. Was hat das für Sie und Ihre Familie persönlich und beruflich bedeutet?

Nguyễn Phùng Quang: Obwohl ich nach meinem Diplom an der TU Dresden 1976 für zwölf Jahre nach Vietnam zurückging und dort als Entwicklungsingenieur für Automatisierungstechnik praktisch gearbeitet habe, fühlte ich immer eine unbändige Sehnsucht nach neuem Wissen. Deshalb kehrte ich 1988 zum Promovieren an die TU Dresden zurück. Die deutsche Wiedervereinigung eröffnete mir dann ganz neue berufliche Möglichkeiten. Wissen Sie, wohin mich mein erster Besuch in Westberlin nach der Maueröffnung führte? In die Bibliothek der TU Berlin, wo ich mir Dissertationen besorgte. 1 DM kostete damals ein Exemplar! Mein Spezialgebiet waren Antriebssysteme in der Halbleitertechnik, und von 1992 bis 1995 war ich als wissenschaftlicher Mitarbeiter bei einer Firma in Metzingen in Baden-Württemberg angestellt. Diese Kombination von Wissenschaft und Praxis hat mir sehr gefallen. Hinzu kam, dass wir uns als vietnamesische Familie in Metzingen willkommen und voll integriert fühlten.



Trần Thị Thu Hương: Mein akademischer Werdegang in Deutschland ist eng mit dem meines Mannes verknüpft. Ich kam 1986 zur Promotion an die Dresdner Verkehrshochschule und kehrte 1990 für zwei Jahre nach Vietnam zurück. Als mein Mann die Stelle in Metzingen erhielt, ging ich zusammen mit meinem Sohn wieder nach Deutschland und wir lebten gemeinsam in Metzingen.

Für meinen Sohn war dieser Schulwechsel eine besondere Herausforderung, weil neue Fremdsprachen wie Englisch und Französisch dazukamen. Aber er hat das fantastisch gemeistert. Sein Abitur hat er schließlich in Dresden gemacht, wohin wir 1995 zurückgingen. Seine Abschlussnote war eine 1,6! Das hat uns sehr stolz gemacht.

Nguyễn Trần Đức Việt: Für mich als Kind und Jugendlicher waren die häufigen Wechsel zwischen Vietnam und Deutschland und auch innerhalb Deutschlands ziemlich herausfordernd. Nicht nur sprachlich und schulisch, sondern auch hinsichtlich der sozialen Kontakte und zwischenmenschlichen Bindungen. In Vietnam sind gewachsene soziale Netzwerke sehr wichtig; die beginnt man schon in der Schulzeit aufzubauen. Ich selbst konnte dies erst viel später, während des Studiums und meiner Arbeit als Software-

Entwickler in Deutschland. Wie mein Vater habe ich Elektrotechnik an der TU Dresden studiert, war aber im Herzen immer Programmierer.

Frau Hương, was für neue Perspektiven hat das Studium in Deutschland Ihnen eröffnet?

Trần Thị Thu Hương: Ich lernte, was „Praxisorientierung“ wirklich heißt. Das vermisste ich in der Ausbildung in Vietnam immer. In Dresden kam ich erstmals mit Informationstechnologie in Berührung und entwickelte daraus mein Thema „Die Optimierung des Nachrichtennetzes“. Die Erkenntnisse aus der Promotion konnte ich als Entwicklungsingenieurin in das vietnamesische Post- und Fernmeldewesen einbringen. In Vietnam war ich damals die erste promovierte Frau in diesem Bereich. Es war nicht immer einfach, sich da zu behaupten, aber das Projekt der Datenübertragung, für das ich verantwortlich war, wurde erfolgreich abgeschlossen. Auf eine weitere Karriere habe ich dann verzichtet, weil ich wollte, dass die Familie zusammen ist. Deshalb folgte ich meinem Mann nach Deutschland.

Herr Quang, nach Ihrer erneuten Rückkehr nach Vietnam sind Sie schließlich Hochschullehrer an der TU Hanoi geworden.

Nguyễn Phùng Quang: Ich wollte mein Wissen immer gerne weitervermitteln. Studenten sollten anhand der Praxis lernen und ihre Problemlösefähigkeit entwickeln. Bis heute verstehe ich mich als ein technischer Wissenschaftler, der entwickelt, forscht und lehrt. Deshalb gibt es immer einen Praxisbezug in meiner wissenschaftlichen Arbeit, sei es an der TU Dresden, sei es als Professor an der TU Hanoi. Und für mich bietet Deutschland die besten Voraussetzungen, um junge Wissenschaftler zur Forschung zu befähigen.

Was treibt Sie die ganze Zeit an?

Nguyễn Phùng Quang: Zuallererst – Freude an der Arbeit. Eine meiner Erkenntnisse ist: Man sollte sich nicht unter Druck setzen, sondern herausfinden, was man will, und dies dann mit Freude, Leidenschaft und kluger Planung weiterverfolgen.



Ich selber habe die Leidenschaft, immer irgendetwas zusammenzubauen und zum Laufen zu bringen. Das treibt mich bis heute an. Und es sind nicht die große Karrieresprünge und Aufgaben gewesen, die mir vor Augen standen, sondern immer der nächste Schritt.

Herr Việt, was ist für Sie im Leben wichtig?

Nguyễn Trần Đức Việt: Deutsche Gründlichkeit und Disziplin, gepaart mit vietnamesischem Überlebenswillen und Anpassungsvermögen – das hat meine Persönlichkeit geprägt. Heute bin ich für FPT Germany tätig und dadurch beruflich eng mit Deutschland verbunden. Ich kann mir gut vorstellen, mit meiner Frau und meinen Kindern wieder für einige Jahre nach Deutschland zurückzukehren. Entscheidend für mich ist jedoch, dass meine Kinder da noch in einem Alter sind, wo ihnen ein solcher Wechsel nicht so schwer fällt. Soziale Kontakte sind enorm wichtig und tragen maßgeblich dazu bei, dass man sich an einem Ort zuhause und willkommen fühlt. In vielen Situationen sind soziale Kompetenzen wesentlich wichtiger als Wissen und Fachkenntnisse, die oft überschätzt werden. Aber ob in Deutschland, Vietnam oder sonstwo auf der Welt – wir denken heute weniger in Ländern als vielmehr in Chancen und Optionen.

Prof. Dr. Nguyễn Phùng Quang (Vater)

- studierte von 1971 bis 1975 Elektrotechnik an der TU Dresden,
- absolvierte 1976 ein einjähriges Praktikum beim VEB Numerik in Karl-Marx-Stadt,
- arbeitete von 1976 bis 1988 als Entwicklungsingenieur in Vietnam,
- promovierte von 1988 bis 1991 an der TU Dresden,
- war von 1992 bis 1995 als Entwicklungsingenieur in Metzingen tätig,
- habilitierte sich 1994 an der TU Dresden,
- war von 1996 bis 1998 wissenschaftlicher Mitarbeiter (ab 1997: Privatdozent) an der TU Dresden,
- arbeitet seit 1999 als Hochschullehrer (seit 2004: als Professor) an der TU Hanoi.

Dr. Trần Thị Thu Hương (Mutter)

- studierte von 1970 bis 1976 Nachrichtentechnik in Hanoi,
- war von 1976 bis 1985 als Ingenieurin im Bereich Post- und Fernmeldewesen tätig,
- promovierte von 1986 bis 1990 an der Verkehrshochschule Dresden,
- arbeitete von 1990 bis 1991 als Entwicklungsingenieurin im Bereich Post- und Fernmeldewesen in Hanoi,
- lebte von 1992 bis 1998 mit ihrer Familie in Deutschland,
- absolvierte von 1996 bis 1998 ein Aufbaustudium der Wirtschaftswissenschaften an der TU Dresden,
- arbeitete von 1999 bis 2008 bei der Vietnam Data Communication Company (VDC),
- ist seit 2008 als IT-Beraterin bei VUSTA in Hanoi tätig.

Nguyễn Trần Đức Việt (Sohn)

- ging in Hanoi, Dresden, Hanoi, Metzingen und von 1995 bis 1998 wieder in Dresden zur Schule,
- war von 1999 bis 2002 als Software-Entwickler in Reutlingen und von 2003 bis 2005 als Freiberufler tätig,
- schloss 2007 sein Studium der Elektrotechnik an der TU Dresden ab,
- kehrte 2007 nach Vietnam zurück und arbeitet heute als Projektmanager bei FPT Germany in Ho-Chi-Minh-Stadt.



„Tiếng Đức là tiếng mẹ đẻ thứ hai của chúng tôi“

Phỏng vấn GS TSKH Nguyễn Phùng Quang, vợ ông, TS Trần Thị Thu Hương và con trai, Nguyễn Trần Đức Việt ngày 24/11/2014 tại Hà Nội và 25/01/2015 tại Tp. Hồ Chí Minh

Sau một chuyến du học đôi khi là gần một đời người dằng co giữa hai thế giới. Chuyện đời của GS TSKH Nguyễn Phùng Quang là thế, người đã học Kỹ thuật điện tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1971 tới 1975, để rồi sau 12 năm làm việc tại Việt Nam lại quay về trường cũ của mình làm nghiên cứu sinh. Sau đó ông làm việc với vai trò kỹ sư phát triển ở Metzingen, bảo vệ luận án Tiến sĩ Khoa học và giảng dạy với cương vị Privatdozent (tạm dịch: Phó GS không ghế) tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Từ 1999 ông là giảng viên tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Vợ ông, TS Trần Thị Thu Hương cũng có thể nhìn lại một cuộc đời sôi động tương tự thế: Bà bảo vệ luận án tiến sĩ chuyên ngành Kỹ thuật thông tin ở Dresden, sau đó làm việc với vai trò kỹ sư quy hoạch ở Việt Nam, sống với chồng ở Metzingen, học văn bằng hai tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden và hiện làm tư vấn Công nghệ thông tin tại Hà Nội. Trong khi người lớn có thể cảm nhận được niềm vui khi dằng co qua lại giữa hai quê hương, đối với đứa trẻ có thể trở thành trải nghiệm của kẻ tha phương. Con trai của ông bà, Nguyễn Trần Đức Việt, có thể kể lại về trải nghiệm này: Thời còn học phổ thông anh đã phải chuyển trường nhiều lần giữa Đức và Việt Nam, cũng như trong lòng nước Đức. Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật Điện ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden, hiện anh làm việc với cương vị quản lý dự án ở Tp. Hồ Chí Minh. Đối với anh, việc quay về Đức là có thể, nhưng không phải bằng mọi giá.

Gia đình ông bà đã sống nhiều năm ở Đức. Có bao giờ gia đình ta cảm thấy chơi vơi giữa hai thế giới không?

Ông Quang: Khoảng giữa 1971 và 1999 gia đình tôi đã nhiều lần sống hoặc một mình hoặc đoàn tụ ở Đức. Tôi đã tốt nghiệp đại học và tiến sĩ ở đó, vợ tôi cũng tốt nghiệp tiến sĩ ở Đức. Con trai tôi học phổ thông ở Đức và ngay sau khi tốt nghiệp phổ thông cháu tiếp tục học đại học ở Dresden – khoảng thời gian ấy là gần nửa cuộc đời. Sau khi tốt nghiệp, cháu quay về Việt Nam và hiện sống với gia đình riêng ở Tp. Hồ Chí Minh. Cháu vẫn luôn có cội nguồn Việt Nam, như vợ chồng tôi. Gia đình tôi cảm thấy hạnh phúc khi có thể gọi hai đất nước là quê hương mình. Thực ra tôi có hai ngôn ngữ mẹ đẻ: Tiếng Việt và tiếng Đức.

Ông có những kỷ niệm gì về lần du học đầu tiên ở CHDC Đức?

Ông Quang: Đó là ngã rẽ quan trọng nhất cuộc đời tôi. Thôi thúc bởi trí tò mò, tôi hầu như chẳng sợ những gì mới lạ. Hành trang gồm có chiếc va li quen thuộc với mỗi lưu học sinh Việt Nam: Một đôi giày da, hai chiếc sơ mi, một bộ com-lê đen và 200 Mark để có thể mua quần áo mùa đông. Sau khi kết thúc du học chúng tôi phải trả lại va li dành cho các thế hệ du học sinh tiếp theo. Tất nhiên tôi mang theo ảnh từ nhà. Và mang về Việt Nam còn nhiều ảnh hơn khi ra đi. Đây, chị nhìn xem, tôi thậm chí có cả ảnh của vận động viên CHDC Đức Jan Hoffmann, nhà cự vô địch thế giới môn trượt băng nghệ thuật tự tay ký! Ở Dresden tôi nhanh chóng hòa nhập và bén rễ và vẫn giữ quan hệ gắn bó với các đồng

nghiệp Dresden cho tới ngày nay. Vừa mới đây, trong năm 2014, Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức DAAD đã tạo điều kiện cho tôi sang nghiên cứu hai tháng tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden trong khuôn khổ chương trình mời lại.

Ngoài ra ông bà còn được chứng kiến một thời khắc quan trọng của lịch sử Đức, bức tường Berlin sụp đổ và nước Đức tái thống nhất. Những sự kiện này có ý nghĩa như thế nào đối với ông và gia đình về phương diện cá nhân và nghề nghiệp?

Ông Quang: Mặc dù sau khi tốt nghiệp kỹ sư tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden năm 1976, tôi quay về Việt Nam và làm việc với vai trò kỹ sư phát triển kỹ thuật tự động hóa 12 năm trời, tôi luôn cảm thấy nỗi khát khao kiến thức mới không gì kiềm chế nổi. Do vậy năm 1988 tôi quay lại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden làm nghiên cứu sinh. Việc nước Đức tái thống nhất đã mở ra cho tôi nhiều cơ hội nghề nghiệp mới. Chỉ có biết chuyến viếng thăm đầu tiên của tôi tại Tây Berlin sau khi mở cửa tường thành đã đưa tôi đến đâu không? Đó là thư viện của Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Berlin, nơi tôi tìm mua các quyển luận án tiến sĩ. Ngày ấy mỗi quyển giá 1 D-Mark! Lĩnh vực chuyên sâu của tôi là các hệ thống truyền động dùng kỹ thuật bán dẫn và từ 1992 tới 1995 tôi là cộng tác viên khoa học của một công ty ở Metzingen thuộc bang Baden-Württemberg. Sự kết hợp giữa khoa học và thực tiễn đã làm tôi rất thích. Thêm vào đó, khi ấy chúng tôi – một gia đình Việt Nam – luôn cảm thấy được chào đón và hòa nhập hoàn toàn.





Bà Hương: Con đường học vấn của tôi ở Đức gắn bó mật thiết với con đường của chồng tôi. Năm 1986 tôi đến làm nghiên cứu sinh ở Đại học Giao thông Dresden và năm 1990 trở về Việt Nam làm việc hai năm. Khi chồng tôi nhận được chỗ làm ở Metzingen, tôi cùng với con trai quay lại Đức và chúng tôi chung sống ở Metzingen.

Với con trai tôi lần chuyển trường này là một thách thức đặc biệt vì cháu phải học thêm các ngoại ngữ mới như tiếng Anh và tiếng Pháp. Nhưng cháu đã vượt qua một cách tuyệt vời. Cuối cùng cháu tốt nghiệp phổ thông ở Dresden, nơi chúng tôi quay trở lại năm 1995. Điểm tốt nghiệp của cháu là 1,6! Điều đó đã làm chúng tôi rất tự hào!

Anh Việt: Khi còn là đứa trẻ hay thiếu niên việc nhiều lần chuyển trường giữa Việt Nam và Đức cũng như trong nước Đức quả là một thách thức đối với tôi. Không chỉ về ngôn ngữ và học hành, mà cả về phương diện các mối quan hệ xã hội và sự gắn kết giữa con người với nhau. Ở Việt Nam các mạng lưới quan hệ xã hội rất quan trọng và bắt đầu hình thành ngay từ khi còn đi học. Với tôi thì việc đó diễn ra muộn hơn, trong thời gian học đại học và thời gian đi làm lập trình viên ở Đức. Giống như bố tôi, tôi học Kỹ thuật Điện tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden nhưng sâu thẳm trong tim thì tôi luôn là lập trình viên.

Thưa bà Hương, quá trình học tập ở Đức đã mang lại cho bà những triển vọng gì?

Bà Hương: Tôi đã học được „định hướng thực tiễn“ thực sự là gì. Đó là cái tôi luôn thấy thiếu trong đào tạo ở Việt Nam. Ở Dresden tôi lần đầu va chạm với công nghệ thông tin và từ đó phát triển đề tài „Tối ưu hóa mạng truyền thông“ của mình. Tôi đã áp dụng được những kiến thức thu được từ luận án Tiến sĩ vào công việc với vai trò kỹ sư phát triển của ngành bưu chính viễn thông ở Việt Nam. Ở Việt Nam ngày đó tôi là nữ tiến sĩ đầu tiên trong lĩnh vực này của ngành. Việc khẳng định mình không phải lúc nào cũng dễ dàng, nhưng rồi dự án về truyền dữ liệu mà tôi chịu trách nhiệm đã thành công tốt đẹp. Sau đó tôi hy sinh sự nghiệp riêng tiếp theo vì tôi muốn gia đình được đoàn tụ. Vì vậy tôi đã theo chồng sang Đức.

Thưa ông Quang, sau khi quay về Việt Nam một lần nữa, ông đã trở thành giảng viên Đại học Bách khoa Hà Nội?

Ông Quang: Tôi luôn có mong muốn được truyền thụ kiến thức của mình. Sinh viên cần học gắn với thực tiễn và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề. Cho đến nay tôi tự coi mình là nhà khoa học kỹ thuật làm công việc

phát triển, nghiên cứu và giảng dạy. Vì vậy luôn có sự gắn kết giữa thực tiễn với nghiên cứu khoa học của tôi, dù là ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden hay với vai trò Giáo sư ở Đại học Bách khoa Hà Nội. Theo tôi nước Đức là nơi cung cấp những tiền đề tốt nhất để khích lệ khả năng nghiên cứu của các nhà khoa học trẻ.

Cái gì luôn là động cơ thúc đẩy ông?

Ông Quang: Trước hết là niềm vui trong công việc. Một trong những nhận thức của tôi là: Đừng tự gây áp lực cho mình, mà phải tìm hiểu xem mình muốn gì rồi theo đuổi việc đó với niềm vui, sự đam mê và một kế hoạch thông minh.

Bản thân tôi có một đam mê là luôn lấp rấp một cái gì đó và làm cho nó chạy được. Đó chính là động cơ thúc đẩy tôi cho đến tận hôm nay. Và chẳng phải các bước nhảy thăng tiến công danh hay chức vị cao xuất hiện trước mắt, mà luôn đi từng bước.

Thưa anh Việt, với anh điều gì là quan trọng trong cuộc đời?

Anh Việt: Sự triệt để và tính kỷ luật của người Đức cùng với ý chí sinh tồn và khả năng thích ứng của người Việt đã định hình tính cách của tôi. Hiện nay tôi đang làm việc cho FPT Germany và do vậy có quan hệ công tác mật thiết với nước Đức. Tôi có thể hình dung về khả năng cùng vợ con quay lại Đức vài năm. Tuy nhiên, với tôi điều quyết định là các con vẫn đang ở độ tuổi mà sự thay đổi ấy không gây ra nhiều khó khăn cho các cháu. Các quan hệ xã hội là cực kỳ quan trọng và sẽ góp phần đáng kể khiến con người ta cảm thấy thoải mái và được chào đón tại nơi mình ở. Trong nhiều hoàn cảnh, các hiểu biết xã hội còn quan trọng hơn cả tri thức và kiến thức chuyên ngành. Nhưng dù ở Đức, Việt Nam hay bất kỳ nơi nào trên thế giới – ngày nay chúng ta ít nghĩ hơn về quốc gia mà nghĩ nhiều hơn về các cơ hội và khả năng tùy chọn.

GS TSKH Nguyễn Phùng Quang (Bố)

- học Kỹ thuật Điện tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1971 đến 1975,
- thực tập một năm 1976 Nhà máy SX Thiết bị Điều khiển số ở Karl-Marx-Stadt,
- kỹ sư phát triển ở Việt Nam từ 1976 đến 1988,
- nghiên cứu sinh tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1988 đến 1991,
- kỹ sư phát triển ở Metzingen từ 1992 đến 1995,
- bảo vệ tiến sĩ khoa học tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden năm 1994,
- cộng tác viên khoa học từ 1996 đến 1998 (từ 1997: Privatdozent) tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden,
- từ 1999: giảng viên đại học (từ 2004: Giáo sư) tại ĐH Bách khoa Hà Nội.

TS Trần Thị Thu Hương (Mẹ)

- học Kỹ thuật thông tin liên lạc ở Hà Nội từ năm 1970 đến 1976,
- kỹ sư Bưu chính viễn thông từ năm 1976 đến 1985,
- nghiên cứu sinh ở ĐH Giao thông Dresden từ 1986 đến 1990,
- kỹ sư phát triển trong lĩnh vực Bưu chính viễn thông ở Hà Nội từ 1990 đến 1991,
- sống cùng gia đình ở Đức từ 1992 tới 1998,
- học văn bằng 2 về Kinh tế tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1996 đến 1998,
- làm việc tại Công ty Điện toán và Truyền số liệu (VDC) từ 1999 đến 2008,
- tư vấn Công nghệ thông tin của Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA) ở Hà Nội từ 2008.

Nguyễn Trần Đức Việt (Con trai)

- học phổ thông ở Hà Nội từ 1984 đến 1986, ở Dresden từ 1987 đến 1989, ở Hà Nội từ 1989 đến 1992, ở Metzingen từ 1992 đến 1995, và từ 1995 đến 1998 ở Dresden (tốt nghiệp phổ thông),
- phát triển phần mềm ở Reutlingen từ 1999 đến 2002 và hành nghề độc lập từ 2003 đến 2005,
- tốt nghiệp Kỹ thuật Điện tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden năm 2007,
- quay về Việt Nam năm 2007 và hiện làm quản lý dự án của FPT Germany ở Tp. Hồ Chí Minh.



„Was zählt, ist das Ergebnis!“

**Interview mit Prof. Dr. Phan Thanh Tinh und seiner Frau Nguyễn Bích Ngọc
am 10. Dezember 2014 in Hanoi**

Manchmal ist in einer einzigen Familiengeschichte der ganze Facettenreichtum der vietnamesisch-deutschen Beziehungen enthalten: Eine Journalistin, die für die DDR-Nachrichtenagentur ADN aus Vietnam berichtete, und ein Mediziner, der mit deutschen Ärzten zusammenarbeitete – das waren die Eltern von Frau Nguyễn Bích Ngọc. Deren Ausreise zum Studium in die DDR wäre 1973 fast am Karomuster ihrer Bluse gescheitert, und als sie Anfang 1980 mit einem Leipziger Germanistikdiplom nach Vietnam zurückkehrte, durchlebte sie einen unvorhergesehenen Wandel zur Juristin, der ihr weitere Aufenthalte in Deutschland und eine Mitwirkung am Deutsch-Vietnamesischen Rechtsstaatsdialog bescherte. Ihr Ehemann, Prof. Dr. Phan Thanh Tinh, studierte von 1969 bis 1975 Landwirtschaftliche Produktionstechnologie an der Universität Leipzig, hat mit seiner Frau also die Alma Mater gemeinsam. Vier Jahre später schloss er am gleichen Ort seine Promotion ab und von 1987 bis 1989 habilitierte er sich dort sogar. Gegenwärtig engagiert das Ehepaar sich verstärkt in der Alumni-Arbeit – derweil Tochter Phan Ngọc Diệp nach Abschluss ihres Leipziger Informatikstudiums in Röttenbach arbeitet und Sohn Phan Thanh Phong in Aachen im Fach Chemie promoviert.

Frau Ngọc, in Ihrer Familie gibt es seit drei Generationen eine enge Verbindung zu Deutschland. Ist das Zufall?

Nguyễn Bích Ngọc: Mit unseren Enkelkindern, die bei unseren Kindern in Deutschland leben, sind es inzwischen sogar vier Generationen. Für meine Eltern wie auch für meinen Mann und mich war der Kontakt zu Deutschland eher dem Zufall geschuldet. Unsere Kinder hingegen haben Deutschland bewusst als Ort für ihren wissenschaftlichen Werdegang gewählt.

Mein Vater war Mediziner im Việt-Đức-Krankenhaus in Hanoi, wohin seit den 1970er-Jahren viele Ärzte aus der DDR kamen. Er hat diese Kontakte gepflegt, sogar Deutsch gelernt und ist 1979 auch einmal kurz in Ostberlin gewesen. Meine Mutter hingegen sprach nur wenig Deutsch, aber ausgezeichnet Französisch und wurde bereits in den 1960er-Jahren Korrespondentin der DDR-Nachrichtenagentur ADN in Vietnam. Für ADN hat sie aus Vietnam berichtet und war bei der legendären Pressekonferenz anlässlich der Befreiung Südvietnams dabei. Sie hat diese Nachricht in die Welt verkündet und erhielt 1979 als Auszeichnung aus der DDR ein Diamant-Fahrrad, und zwar eines mit Rücktrittsbremse! Im gleichen Jahr wurde sie von ADN nach Berlin eingeladen, und ich konnte sie begleiten und während der Reise für sie dolmetschen.

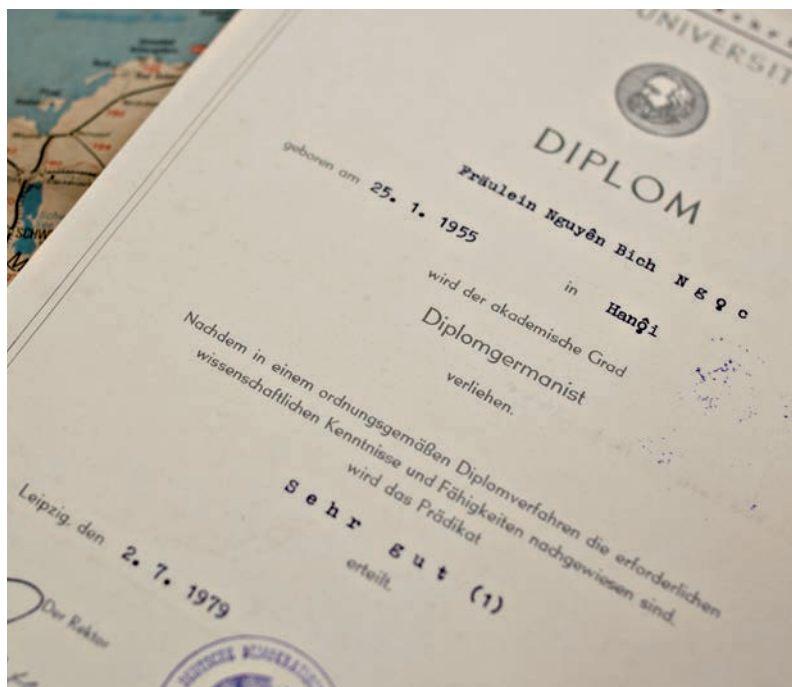
Zu diesem Zeitpunkt kannten Sie selbst die DDR aber schon gut?

Nguyễn Bích Ngọc: Für mich war es von Kindheit an ein Traum gewesen, einmal ins Ausland zu reisen oder gar dort zu studieren. Dank meiner Abiturnoten, meiner guten Ergebnisse bei der Hochschulaufnahmeprüfung und einer sehr guten Deutschprüfung gehörte ich dann zur ersten Gruppe vietnamesischer Studenten, die unmittelbar nach dem Pariser Abkommen 1973 zum Studium in die DDR gehen durften. Aber beinahe hätte es nicht mit der Ausreise geklappt, da mein Passfoto wegen des Karomusters meiner Bluse nicht gültig sein sollte. Glücklicherweise konnte ich in buchstäblich letzter Minute noch ein zweites Foto machen und nachreichen. Zu dem Zeitpunkt wusste ich bereits, dass ich dazu auserwählt worden war, Germanistik zu studieren, um später in Vietnam als Deutschlehrerin tätig zu sein.

Das war seinerzeit ein Privileg. Die zweiwöchige Reise in die DDR mit dem Zug hat mich tief geprägt: die Gemeinschaft in unserer Gruppe, die Vorfreude, der Stolz, die Spannung und auch ein bisschen Angst. Aber ich bin ein Mensch, der unvoreingenommen an die Dinge herangeht. Was zählt, ist das Ergebnis.

Und was waren die Ergebnisse?

Nguyễn Bích Ngọc: Ich konnte meinen Traum verwirklichen, indem ich Germanistik studierte. Ich lernte, wie man richtig studiert, selbstständig nach Wissen strebt, umfangreiche Fachkenntnisse erwirbt und das Gelernte sinnvoll miteinander verbindet. Kurzum, ich lernte, meinen eigenen Weg zu finden. Und ich hatte das Glück, zur gleichen Zeit wie mein späterer Mann in Deutschland zu sein.





Herr Tịch, Sie hatten einen sehr bemerkenswerten akademischen Werdegang in der DDR ...

Phan Thanh Tịch: Ich kam schon 1969 zum Studium in die DDR. Aber das konnte ich, wie alle aus meiner Generation, nicht selbst entscheiden. Ursprünglich sollte ich Mathematik studieren, aber das lag mir gar nicht, und so war ich froh, dass ich nach sechs Monaten in die Landwirtschaftliche Produktionstechnologie der Universität Leipzig wechseln konnte. Kurz nachdem meine Frau nach Leipzig kam, schloss ich mein Studium dort schon ab und arbeitete für ein Jahr an der Vietnamesischen Botschaft in Ostberlin. Meine Promotion in Technologie der Pflanzenproduktion konnte ich dann im direkten Anschluss in Leipzig beginnen und mit „Summa cum laude“ abschließen. 1979 ging ich nach Vietnam zurück, um am Nationalen Forschungsinstitut für Agrartechnik und Nacherntetechnologie zu arbeiten, wo ich mehr als 20 Jahre zur Institutsleitung gehörte und über 12 Jahre Generaldirektor war. Nur für die Zeit meiner Habilitation, von 1987 bis 1989, kehrte ich erneut nach Leipzig zurück. Ich hatte großes Glück, dass ich wieder von meinem damaligen Doktorvater betreut wurde. 1992 bin ich dann noch einmal für ein Jahr als Gastwissenschaftler nach Kassel-Witzenhausen gekommen, dank einer Förderung des DAAD. Während meines ganzen Berufslebens in Vietnam habe ich immer den Respekt und die Anerkennung gespürt, die meine

wissenschaftliche Laufbahn in Deutschland mir eingebracht hatte. In Vietnam genießt ein deutsches Studium bis heute eine ausgezeichnete Reputation, weil die Absolventen imstande sind, nicht nur wissenschaftlich zu arbeiten, sondern die Erkenntnisse auch in der Praxis anzuwenden. Bis heute betreibe ich alles, nicht nur die Forschung, mit großer Disziplin, ich kann zuhören und argumentieren, und ich gebe nicht auf – auf diese Weise hat Deutschland mich maßgeblich geprägt.

Frau Ngọc, was führte aus Ihrer Sicht zur Entscheidung Ihrer beiden Kinder für ein Studium in Deutschland?

Nguyễn Bích Ngọc: Zunächst erst einmal haben unsere Verbundenheit mit Deutschland und die zahlreichen Kontakte, die wir pflegen, sicher auch unsere Kinder geprägt. Dann kam die Gelegenheit: Nachdem mein Mann sich 1989 habilitiert hatte, habe ich ihn mit den Kindern in der DDR besucht. Dieser dreimonatige Aufenthalt in Leipzig und anderen Städten hatte zur Folge, dass erst meine Tochter und später auch mein Sohn anfang, Deutsch zu lernen. So kam die Entscheidung unserer Kinder für ein Studium in Deutschland eigentlich nicht überraschend. Unsere Tochter hat in Leipzig Informatik studiert und arbeitet heute bei der Firma „sepp.med“ in Röttenbach. Unser Sohn hat Chemie an der RWTH Aachen studiert und promoviert jetzt dort. Doch beide denken, dass sie, wenn sie erfolgreich sind, irgendwann nach Vietnam zurückkehren werden.

Sie selbst haben nach der Rückkehr nach Vietnam noch einmal „umgesattelt“, und wieder spielte Deutschland dabei eine wichtige Rolle ...

Nguyễn Bích Ngọc: Nach meiner Rückkehr nach Vietnam im Jahr 1980 sollte ich eigentlich Deutschlehrerin an der Universität Hanoi (HanU) werden, aber zu diesem Zeitpunkt war dort keine Stelle frei. Stattdessen wurde ich als Übersetzerin im Rechtsausschuss der Regierung eingesetzt, der ab 1981 das wiedergegründete Justizministerium war. Für mich war das ein ganz neues Feld, vor allem hinsichtlich der juristischen Fachbegriffe. Deshalb absolvierte ich noch ein zweites Studium an der Rechts-hochschule Hanoi.

Von 1988 bis 2010 arbeitete ich dann in der Internationalen Abteilung des Justizministeriums. Zwischendurch, von 1992 bis 1993, qualifizierte ich mich mit Unterstützung der Friedrich-Ebert-Stiftung (FES) für ein Jahr an der Universität Lüneburg weiter. Und mithilfe der Konrad-Adenauer-Stiftung (KAS) und des DAAD konnte ich 1998 und 2009 zu mehrwöchigen Hospitationen nach Deutschland kommen. Ein Promotionsstipendium der FES für Deutschland habe ich dann aus dienstlichen und familiären Gründen abgelehnt. Dafür habe ich erfolgreich an der Gemeinsamen Erklärung zum Deutsch-Vietnamesischen Rechtsstaatsdialog mitgewirkt, der ab 2015 in seine dritte Phase gehen wird. Seit 2011 bin ich ehrenamtlich für die Anwaltskammer der Stadt Hanoi tätig und bringe mich auch aktiv in die Alumni-Arbeit ein.

Herr Tịnh, Sie engagieren sich ebenfalls sehr in der Alumni-Arbeit?

Phan Thanh Tịnh: Natürlich, für mich als stellvertretenden Vorsitzenden der Vietnamesisch-Deutschen Freundschaftsgesellschaft ist dieses Engagement Ehrensache. Und was ich als Alumnus einer deutschen Hochschule nachfolgenden Studierendengenerationen mit auf den Weg geben möchte: Ein Studium in Deutschland fordert viel von dir – an Ernsthaftigkeit, Disziplin, Selbständigkeit, Streben nach Qualität. Es gibt dir aber auch sehr viel: Abgesehen davon, dass das Studieren in Deutschland sehr kostengünstig ist, lernt man fließend Deutsch, und nach dem Studium eröffnen sich für einen gut qualifizierten Absolventen ausgezeichnete berufliche Chancen, auch in Deutschland selbst.

Nguyễn Bích Ngọc (Mutter)

- lernte von 1973 bis 1974 Deutsch am Herder-Institut Leipzig,
- studierte von 1974 bis 1979 Germanistik an der Universität Leipzig,
- dolmetschte von Juli 1979 bis Februar 1980 für vietnamesische Delegationen in der DDR,
- arbeitete von 1980 bis 1981 im Rechtsausschuss der vietnamesischen Regierung, von 1981 bis 2010 im Justizministerium,
- absolvierte von 1992 bis 1993 ein postgraduales Studium der Rechtswissenschaft an der Leuphana-Universität Lüneburg (FES-Förderung),
- hospitierte 1998 am Landgericht Bremen und am Landgericht Dortmund (KAS-Förderung),
- hospitierte 2009 an der Leuphana-Universität Lüneburg sowie bei Anwälten und Notaren in Hannover und Aachen (DAAD-Förderung).

Prof. Dr. Phan Thanh Tịnh (Vater)

- studierte von 1969 bis 1975 Landwirtschaftliche Produktionstechnologie an der Universität Leipzig,
- arbeitete von 1975 bis 1976 in der Vietnamesischen Botschaft in Berlin,
- promovierte von 1976 bis 1979 in Technologie der Pflanzenproduktion an der Universität Leipzig,
- arbeitete ab 1979 36 Jahre am Nationalen Forschungsinstitut für Agrartechnik und Nahrungstechnologie in Hanoi, davon 12 Jahre als Generaldirektor,
- habilitierte sich von 1987 bis 1989 an der Universität Leipzig,
- forschte von 1992 bis 1993 als Gastwissenschaftler an der Universität Kassel-Witzenhausen (DAAD-Förderung).

Phan Ngọc Diệp (Tochter)

- lebte von 2000 bis 2010 in Leipzig, wo sie zunächst Deutsch lernte und dann Informatik an der Universität Leipzig studierte,
- ist seit 2011 für die Firma „sepp.med“ in Röttenbach tätig.

Phan Thanh Phong (Sohn)

- begann 2003 sein Chemiestudium an der RWTH Aachen, wo er derzeit promoviert.



„Kết quả mới quan trọng!“

Phỏng vấn PGS TSKH Phan Thanh Tịnh và vợ, bà Nguyễn Bích Ngọc ngày 10/12/2014 tại Hà Nội

Đôi khi chỉ trong câu chuyện của một gia đình lại hàm chứa nhiều khía cạnh phong phú về mối quan hệ Việt-Đức: Một nữ phóng viên làm việc tại Thông tấn xã CHDC Đức ADN và đưa tin từ Việt Nam, một bác sỹ đã từng làm việc với các bác sỹ Đức – đó là bố mẹ của bà Nguyễn Bích Ngọc. Chuyến đi của bà sang CHDC Đức năm 1973 suýt bất thành vì mặc áo ca rô khi chụp ảnh hộ chiếu. Đầu năm 1980, khi từ Leipzig quay về Việt Nam với tấm bằng cử nhân ngôn ngữ Đức, bà đã trải qua một sự thay đổi không hẹn trước và trở thành luật gia. Điều đó tạo điều kiện cho bà thường xuyên đi công tác tại Đức cũng như tham gia tích cực vào việc xây dựng và thực hiện cuộc Đối thoại nhà nước pháp quyền Đức-Việt. Chồng bà, PGS TSKH Phan Thanh Tịnh, học Công nghệ sản xuất nông nghiệp tại trường Đại học Tổng hợp Leipzig từ 1969 đến 1975, cùng trường với bà. Bốn năm sau, ông bảo vệ luận án tiến sỹ tại đây, tiếp theo trong thời gian từ 1987 đến 1989 ông bảo vệ và trở thành tiến sỹ khoa học. Hiện tại hai ông bà hoạt động tích cực trong công tác cưu lưu học sinh. Con gái họ, Phan Ngọc Diệp đang làm việc ở Röttenbach sau khi học Công nghệ thông tin ở Leipzig và con trai Phan Thanh Phong đang là nghiên cứu sinh ngành Hóa tại Aachen.

Thưa bà Ngọc, gia đình bà từ ba thế hệ có quan hệ mật thiết với Đức. Đó có phải là một sự tình cờ?

Bà Ngọc: Đúng ra là bốn thế hệ, nếu kể cả các cháu của chúng tôi hiện đang sống cùng bố mẹ chúng ở Đức. Đối với bố mẹ tôi, cũng như chồng tôi và tôi thì mối quan hệ với nước Đức là một sự tình cờ. Ngược lại các con chúng tôi đã chủ ý chọn nước Đức là nơi phát triển sự nghiệp khoa học của mình.

Bố tôi là Giáo sư, bác sỹ cao cấp, thầy thuốc nhân dân làm việc ở Bệnh viện hữu nghị Việt-Đức Hà Nội, nơi nhiều bác sỹ CHDC Đức sang công tác từ thập niên 70. Ông làm việc chung với họ, thậm chí còn học tiếng Đức và năm 1979 ông đã có dịp sang công tác tại một bệnh viện ở Đông Berlin. Mẹ tôi không biết nhiều tiếng Đức, nhưng thông thạo tiếng Pháp và từ đầu thập niên 60 đã là phóng viên Thông tấn xã ADN của CHDC Đức. Bà đưa tin từ Việt Nam cho ADN và là người đưa tin sớm nhất về miền Nam được giải phóng. Vì vậy năm 1979 bà được ADN CHDC Đức thưởng một chiếc xe đạp Diamant có phanh chân và được mời sang thăm Berlin. Tôi hạnh phúc được đi theo làm phiên dịch.



Lúc đó bà đã biết nhiều về CHDC Đức chưa?

Bà Ngọc: Từ nhỏ tôi đã mơ ước có ngày được đi du lịch và hơn thế nữa là được học tập ở nước ngoài. Nhờ điểm tốt nghiệp phổ thông cao, kết quả thi vào đại học tốt và điểm sát hạch tiếng Đức rất tốt nên tôi được xếp vào nhóm những sinh viên Việt Nam đầu tiên sang CHDC Đức học đại học, ngay sau khi ký kết Hiệp định Paris năm 1973. Nhưng suýt nữa thì chuyến xuất cảnh bất thành vì ảnh hộ chiếu của tôi mặc sơ mi ca rô không hợp lệ. May mắn thay, vào phút cuối tôi đã làm được tấm ảnh phù hợp để nộp. Vào thời điểm đó tôi biết là mình được chọn học tiếng Đức để sau này về Việt Nam dạy tiếng Đức. Khi ấy đó là một sự ưu tiên. Chuyến tàu hỏa sang CHDC Đức kéo dài hai tuần đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc về tinh thần tập thể của nhóm, niềm vui khắp khối, lòng tự hào, tâm trạng hồi hộp và cũng đôi chút lo âu. Nhưng tôi là người có thể bắt tay vào bất cứ việc gì kể cả không biết trước. Quan trọng là mang đến kết quả.

Và kết quả ra sao?

Bà Ngọc: Tôi đã thực hiện được ước mơ là học ngôn ngữ Đức. Tôi học phương pháp nghiên cứu sao cho đúng, tự lập, học hỏi kiến thức, tiếp thu tri thức phong phú và biết vận dụng những gì đã học được một cách hiệu quả. Tóm lại, tôi học được cách tìm ra đường đi cho mình. Và tôi may mắn có mặt ở Đức cùng thời gian với người sau này là chồng tôi.



Thưa ông Tịnh, con đường phát triển hàn lâm của ông dưới thời CHDC Đức rất đáng chú ý ...

Ông Tịnh: Năm 1969 tôi sang CHDC Đức học đại học. Tuy nhiên, như mọi người ở thế hệ tôi, tôi không được tự quyết định ngành học. Ban đầu tôi được chỉ định học Toán, nhưng tôi hoàn toàn không thích, do đó tôi rất mừng khi sáu tháng sau được chuyển sang học Công nghệ sản xuất nông nghiệp ở Đại học Tổng hợp Leipzig. Sau khi vợ tôi đến Leipzig một thời gian, tôi tốt nghiệp đại học và công tác một năm ở Đại sứ quán Việt Nam tại Berlin. Sau đó tôi bắt tay ngay vào đề tài luận án tiến sĩ về cơ giới hóa cây trồng ở Leipzig và bảo vệ với kết quả xuất sắc (summa cum laude). Năm 1979 tôi về Việt Nam công tác tại Viện Cơ điện nông nghiệp (sau này đổi tên là Viện Cơ điện NN và Công nghệ sau thu hoạch), nơi tôi là thành viên ban lãnh đạo hơn 20 năm và 12 năm làm Viện trưởng – không kể thời gian làm luận án tiến sĩ khoa học ở Leipzig từ 1987 đến 1989. Tôi rất may mắn lại được giáo sư đã hướng dẫn luận án tiến sĩ ngày trước hướng dẫn làm luận án tiến sĩ khoa học. Năm 1992 tôi sang Kassel-Witzenhausen bằng tài trợ của DAAD và nghiên cứu khoa học với cương vị cộng tác viên khoa học tại đó một năm. Trong suốt thời gian làm việc ở Việt Nam tôi luôn nhận được sự tôn trọng và khen ngợi dành cho những gì mà tôi học được trong công tác khoa học ở Đức. Cho đến tận hôm nay, học đại học ở Đức về luôn được tôn vinh vì đó là những người không chỉ có khả năng làm khoa học mà còn biết ứng dụng kiến thức vào thực tế. Đến giờ, tôi làm tất cả mọi việc – không chỉ nghiên cứu khoa học – với tinh thần kỷ luật cao, tôi có thể lắng nghe và tranh luận và tôi kiên định trong công việc – đó là dấu ấn quyết định mà nước Đức để lại cho tôi.

Thưa bà Ngọc, theo bà thì nguyên nhân nào khiến hai con của bà quyết định sang Đức học?

Bà Ngọc: Trước hết, chắc chắn là sự gắn bó của chúng tôi với nước Đức và việc gìn giữ các mối quan hệ với bạn bè của chúng tôi đã tác động đến các cháu. Sau đó là cơ hội năm 1989 tôi đưa các con sang CHDC Đức thăm chồng sau khi anh ấy hoàn thành luận án tiến sĩ khoa học. Trong thời gian ba tháng ở Leipzig và các thành phố khác con gái tôi, sau

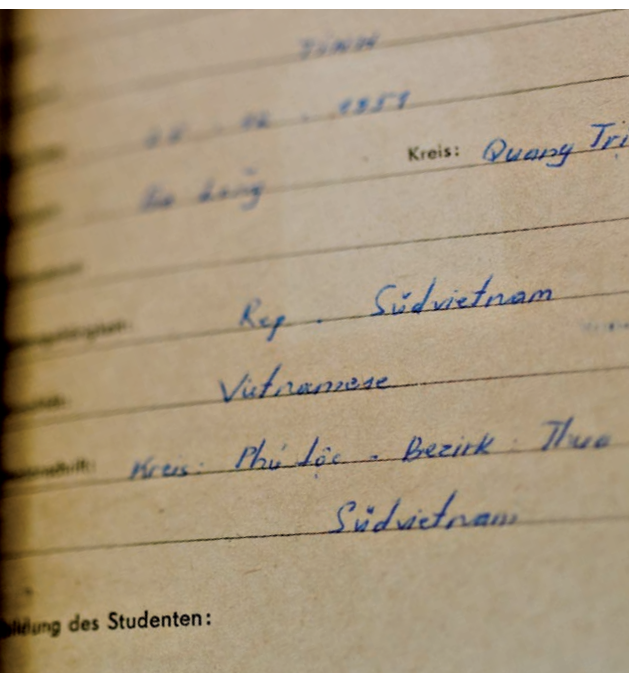


này cả con trai, bắt đầu học tiếng Đức. Quyết định của các cháu muốn học đại học ở Đức thực ra không bất ngờ. Cháu gái đã học Công nghệ thông tin ở Leipzig và hiện tại làm việc cho công ty „sepp.med“ ở Röttenbach. Cháu trai học Hóa tại trường Đại học Tổng hợp RWTH Aachen, hiện đang làm nghiên cứu sinh ở đó. Tuy nhiên, cả hai cháu đều nghĩ là một ngày nào đó, khi thành đạt, sẽ quay về Việt Nam.

Bản thân bà sau khi về Việt Nam đã „nhảy việc“ và nước Đức lại một lần nữa đóng vai trò quan trọng ...

Bà Ngọc: Sau khi trở về Việt Nam năm 1980 lẽ ra tôi sẽ dạy tiếng Đức ở Đại học Hà Nội nhưng lúc đó chưa có chỉ tiêu. Thay vào đó, tôi được tuyển dụng vào Ủy ban pháp chế của Chính phủ. Từ năm 1981 Ủy ban này lại được đổi tên thành Bộ Tư pháp. Pháp luật là một lĩnh vực mới đối với tôi, nhất là các thuật ngữ chuyên ngành, do đó tôi đã học thêm bằng hai Đại học Luật.

Từ 1988 đến 2010 tôi làm việc tại Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Tư pháp. Trong thời gian đó, từ 1992 đến 1993, được sự hỗ trợ của Quỹ Friedrich Ebert (FES) tôi học nâng cao nghiệp vụ một năm ở Đại học Tổng hợp Lüneburg. Với sự tài trợ của Quỹ Konrad Adenauer (KAS) cũng như DAAD tôi được sang Đức thực tập ngắn hạn vào năm 1998 và 2009. Tôi đã từ chối nhận học bổng sang Đức làm nghiên cứu sinh của FES vì lý do công việc và gia đình. Thay vào đó tôi có điều kiện đóng



góp tích cực vào việc xây dựng và thực hiện Tuyên bố chung về Đối thoại nhà nước pháp quyền Đức-Việt. Năm 2015 Chương trình Đối thoại sẽ bắt đầu giai đoạn 3. Từ năm 2011 tôi công tác kiêm nhiệm tại Đoàn luật sư Tp. Hà Nội và tham gia tích cực vào công tác cựu lưu học sinh.

Thưa ông Tịnh, ông cũng hoạt động tích cực trong công tác cựu lưu học sinh?

Ông Tịnh: Dĩ nhiên, ở vị trí Phó chủ tịch Hội hữu nghị Việt-Đức thì đó là một vinh dự. Và tôi, với tư cách cựu lưu học sinh của một trường đại học Đức, muốn truyền đạt lại cho các thế hệ sinh viên kế tiếp một thông điệp: Học tập ở Đức đòi hỏi nhiều ở các bạn. Nó đòi hỏi tính nghiêm túc, sự kỷ luật, tinh thần tự lập và nỗ lực vươn lên. Đồng thời nó cũng đem lại cho bạn nhiều thứ – ví dụ: Chi phí du học ở Đức thấp; nếu bạn học tiếng Đức chăm chỉ, tốt nghiệp với bằng khá giỏi bạn luôn có nhiều cơ hội việc làm ngay cả trên nước Đức.

Nguyễn Bích Ngọc (Mẹ)

- học tiếng Đức ở Herder-Institut Leipzig từ 1973 đến 1974,
- học Đức ngữ tại ĐH Tổng hợp Leipzig từ 1974 đến 1979,
- dịch cho các đoàn đại biểu Việt Nam ở CHDC Đức từ 07/1979 đến 02/1980,
- công tác tại Ủy ban pháp chế của Chính phủ từ 1980 đến 1981, tại Bộ Tư pháp từ 1981 đến 2010,
- học Luật tại ĐH Tổng hợp Leuphana Lüneburg từ 1992 đến 1993 (do Quỹ Friedrich Ebert tài trợ),
- thực tập tại Tòa án Liên khu vực ở Bremen và Dortmund 1998 (do Quỹ Konrad Adenauer tài trợ),
- thực tập tại ĐH Tổng hợp Leuphana Lüneburg năm 2009 và tại văn phòng luật sư và công chứng viên ở Hannover và Aachen (do DAAD tài trợ).

PGS TSKH Phan Thanh Tịnh (Bố)

- học Công nghệ sản xuất nông nghiệp tại ĐH Tổng hợp Leipzig từ 1969 đến 1975,
- làm việc tại Phòng Lễ tân của Đại sứ quán Việt Nam tại Berlin từ 1975 đến 1976,
- nghiên cứu sinh tại ĐH Tổng hợp Leipzig, chuyên ngành „Cơ giới hóa cây trồng“ từ 1976 đến 1979,
- công tác 36 năm tại Viện Cơ điện NN và Công nghệ sau thu hoạch từ 1979, trong đó 12 năm làm Viện trưởng,
- làm luận án tiến sĩ khoa học tại ĐH Tổng hợp Leipzig từ 1987 đến 1989,
- nghiên cứu tại ĐH Tổng hợp Kassel-Witzenhausen từ 1992 đến 1993 (do DAAD tài trợ).

Phan Ngọc Diệp (Con gái)

- sống ở Leipzig từ 2000 đến 2010, học tiếng Đức rồi học Công nghệ thông tin tại ĐH Tổng hợp Leipzig,
- làm việc cho công ty „sepp.med“ ở Röttenbach từ 2011.

Phan Thanh Phong (Con trai)

- học Hóa tại RWTH Aachen từ 2003, hiện là nghiên cứu sinh.



Mittlerinnen zwischen Vietnam und Deutschland

**Interview mit Frau Dr. Đặng Thị Thìn und ihrer Tochter Đặng Thị Phương Dung
am 10. Dezember 2014 im Hanoier Literaturtempel**

Vietnam gehört längst zu den führenden Nationen Südostasiens, hat in Bereichen wie der Armutsbekämpfung, dem Umweltschutz und der Energieeffizienz aber weiterhin große Herausforderungen zu meistern. Für Deutschland ist es daher ein wichtiger entwicklungspolitischer Partner. Zu den Schwerpunkten der vietnamesisch-deutschen Entwicklungszusammenarbeit zählen die berufliche Bildung sowie der Umwelt- und Ressourcenschutz. Eine maßgebliche Rolle spielt hierbei die Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ), die seit mehr als 20 Jahren in Vietnam tätig ist und landesweit rund 250 Mitarbeiter hat. Unter den vietnamesischen Fachkräften, die für die GIZ arbeiten, gibt es nicht wenige, die ihre Expertise in Deutschland erwarben. So z. B. Frau Dr. Đặng Thị Thìn, die von 1971 bis 1975 Betriebswirtschaft an der TU Dresden studierte, in den 1980er-Jahren im Fach Volkswirtschaftslehre an der TH Leipzig promovierte und später fast zehn Jahre lang für die GIZ – die damals noch GTZ hieß – tätig war. Tochter Đặng Thị Phương Dung trat in die Fußstapfen ihrer Mutter: 2007 schloss sie ihr Studium der Volkswirtschaftslehre an der Universität Heidelberg ab und ist seitdem ebenfalls in der vietnamesisch-deutschen Entwicklungszusammenarbeit aktiv. An andere Menschen weiterzugeben, was sie einstmals aus Deutschland mitnahmen – das ist der Herzenswunsch von Mutter wie Tochter.

Frau Thìn, Sie gehören zur Generation derjenigen, die von 1971 bis 1975 in der DDR studierten. Ihre Tochter ging dann nahezu 30 Jahre später zum Studium nach Deutschland. Können Sie sich beide noch erinnern, was Sie damals von zu Hause mitgebracht haben und wie Ihre Ankunft war?

Đặng Thị Thìn: Wir bekamen damals nur einen kleinen Koffer mit einem Áo dài, einem Anzug, einem Paar Schuhe und einigen nützlichen Dingen. Das war alles. Aber heute habe ich viele Bilder zu diesem Interview mitgebracht. Eigentlich hätte ich am liebsten Pharmazie studiert, doch ich sollte Betriebswirtschaft an der TU Dresden studieren. Ich kam aus der Provinz und war noch sehr jung. Alles war fremd und neu für mich, aber es hat mein Leben von Grund auf verändert.

Đặng Thị Phương Dung: Ich habe Bilder von zu Hause mit nach Deutschland genommen. Meine Ankunft war viel leichter als die meiner Mutter, denn ich konnte zuerst in Frankfurt bei ihren Freunden wohnen, wo ich sehr herzlich aufgenommen wurde. Das hat mir den Start in Mannheim, wo ich zunächst am Goethe-Institut einen Sprachkurs absolvierte, sehr erleichtert. Aber was mir immer als Anfangserinnerung im Gedächtnis haften bleiben wird: Wie erstaunt ich war, dass die Gurken in Deutschland viel größer als bei uns in Vietnam sind ... Komisch, nicht?



Frau Thìn, was hat Ihnen geholfen, sich in Deutschland wohlfühlen?

Đặng Thị Thìn: Das erste Jahr war besonders schwer. Nicht nur wegen der deutschen Sprache und des anschließenden Fachstudiums, sondern auch, weil mein späterer Mann und ich uns damals nur sehr selten sehen konnten. Er wurde an einer Fachschule in Apolda zum Betontechnologen ausgebildet, und wir trafen uns nur zu offiziellen Anlässen innerhalb der vietnamesischen Gemeinschaft, z. B. im alljährlichen Sommerlager in Merseburg. Durch eine Kommilitonin fand ich aber recht bald Anschluss an deren Familie. Dort wurde ich wie eine Tochter behandelt und fand somit ein zweites Zuhause in Dresden. All die Jahre, seit meiner Rückkehr nach Vietnam, habe ich diesen Kontakt zu meinen zweiten Eltern aufrechterhalten und gepflegt. Ebenso den Kontakt zu meinem Betreuer. Und natürlich nahm ich auch an den Jubiläumstreffen meines Jahrgangs teil, die immer entweder in Hanoi oder in Deutschland stattfanden.

Frau Dung, was war Ihre Motivation für ein Studium in Deutschland?

Đặng Thị Phương Dung: Ich denke, anfangs war es vor allem ein Wunsch meiner Eltern, dass auch ich in Deutschland studiere. Doch eines hat mich nie losgelassen: Deutsch war so eine Art Geheimsprache bei uns zu Hause. Immer, wenn meine Eltern über etwas sprachen, was nicht für meine Ohren bestimmt war, sprachen sie Deutsch. Das hat in mir eine unstillbare Neugier auf diese Sprache geweckt. Aber wir hätten mein Studium in Deutschland selbst finanzieren müssen, deshalb entschied ich mich, zunächst an der „Foreign Trade University“ (FTU) in Hanoi Außenwirtschaft zu studieren.





Anfangs habe ich noch parallel Germanistik an der Nationaluniversität Hanoi studiert, um die Sprache zu lernen und mir damit eine Tür nach Deutschland zu öffnen. Doch nach einem Semester musste ich dies wegen Stundenplanüberschneidungen leider aufgeben. Dann aber schrieb die Konrad-Adenauer-Stiftung (KAS) ein Stipendium für Deutschland aus. Meine Mutter hat mich ermutigt, mich darum zu bewerben. Und ich habe es tatsächlich bekommen! So kam ich 2003 nach Mannheim und nahm nach dem Sprachkurs mein Studium der Volkswirtschaftslehre an der Universität Heidelberg auf.

Warum ausgerechnet Heidelberg?

Đặng Thị Phương Dung: Heidelberg ist nicht nur eine wunderbare traditionsreiche Stadt, sondern ist auch weltweit bekannt und die Universität hat eine hohe Reputation. Das war mir wichtig. Aber natürlich wollte ich auch nach Deutschland, um all die Plätze aufzusuchen, an denen meine Eltern gewesen sind.

Frau Thìn, wie hat Ihre Zeit in Deutschland Sie verändert und geprägt?

Đặng Thị Thìn: Ich bin ja zweimal für längere Zeit in Deutschland gewesen. Zehn Jahre nach meinem Diplomabschluss an der TU Dresden bin ich zur Promotion an die TH Leipzig zurückgekehrt. Ich hatte das nicht so geplant, sondern wurde wieder delegiert, diesmal vom Institut für Bauwirtschaft des Ministeriums für Bauwesen, wo ich nach meiner Rückkehr nach Vietnam tätig war. Wieder musste ich mich intensiv auf eine Aufnahmeprüfung vorbereiten, besonders in Mathematik und Englisch. Mein Mann hat

mir in dieser Zeit den Rücken freigehalten, sodass ich mich auf diese Fächer konzentrieren konnte. Mit viel Selbstdisziplin habe ich alles gemeistert und kam 1985 nach Leipzig. Mein Dissertationsthema war die Preisbildung von Baumaterialien. Die Promotion hat mir viel abverlangt, doch nach drei Jahren hielt ich meine Promotionsurkunde in den Händen und war danach die erste promovierte Frau in meinem Hanoier Institut für Bauwirtschaft. Das war nicht immer leicht für mich, besonders wenn ich dort meine sehr deutsch geprägte effiziente Arbeitsweise umsetzen wollte. Meine Tochter sagt, ich sei manchmal einfach zu deutsch ...

Mein beruflicher Werdegang führte mich dann immer wieder und regelmäßig nach Deutschland. Fast zehn Jahre lang habe ich für die Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit (GTZ) in Berufsbildungsprojekten gearbeitet, begleitet von Dienstreisen oder Weiterbildungsaufenthalten, gefördert von der Deutschen Stiftung für Internationale Entwicklung (DSE) und dem DAAD.

Worin sehen Sie die Unterschiede zwischen der Ausbildung in Vietnam und Deutschland?

Đặng Thị Phương Dung: In erster Linie habe ich in Deutschland eine kritische Frage- und Betrachtungsweise kennengelernt. Auch die Diskussionskultur fand ich faszinierend. Ich begann zu verstehen, was es heißt, sich ein eigenes Bild zu machen, eine eigene Meinung zu vertreten und die eigene Persönlichkeit zu entfalten. Und ich habe gelernt, dass man Fehler machen kann und dass man sich für Fehler entschuldigen kann. Das war nicht immer einfach, manchmal schon wie ein Sprung ins kalte Wasser.

Đặng Thị Thìn: Wir versuchten immer, unserer Tochter den Raum zu geben, damit sie ihre eigenen Entscheidungen treffen kann. Das hat sie genutzt, und darauf bin ich stolz.

Đặng Thị Phương Dung: Das hat mich sehr geprägt, und deshalb habe ich mich nach dem Studienende 2007 entschieden, für das Centrum für internationale Migration und Entwicklung (CIM) in Vietnam zu arbeiten. 2010 wurde CIM dann Teil der neuen Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ), wo ich das Programm „Migration für Entwicklung“ übernahm. So hat sich der berufliche Kreis zwischen meiner Mutter und mir durch Zufall wieder geschlossen.

Was ist der größte persönliche Gewinn für Sie?

Đặng Thị Phương Dung: Indem ich die Unterschiede zwischen Vietnam und Deutschland sah, lernte ich unterschiedliche Positionen und Wahrnehmungen zu akzeptieren. Und ich lernte Verantwortung zu übernehmen. Davon wollte ich etwas an andere weitergeben.

Đặng Thị Thìn: Die Kenntnisse, die ich in Deutschland erwarb, konnte ich mein ganzes Leben lang nutzen. Damit meine ich nicht nur die Fachkenntnisse, sondern auch die Lebenserfahrung, die Horizonterweiterung, die ich erfuhr. Das wollte ich nicht nur an meine Tochter, sondern auch an interessierte Kollegen und Teilnehmer meiner Projekte vermitteln. Insofern bin ich auch stolz auf die Ergebnisse, die ich in meinen GIZ-Projekten erreichte.

Berufsbildung und Migration: Sie sind beide zu echten Mittlerinnen zwischen Deutschland und Vietnam geworden?

Đặng Thị Thìn: Ja, so könnte man es sagen. Ich bin eine deutsche Vietnamesin.

Dr. Đặng Thị Thìn
(Mutter)

- studierte von 1971 bis 1975 Betriebswirtschaft an der TU Dresden,
- arbeitete danach am Institut für Bauwirtschaft des Ministeriums für Bauwesen in Hanoi,
- promovierte von 1985 bis 1988 im Fach Volkswirtschaftslehre an der TH Leipzig,
- war anschließend wieder im Ministerium für Bauwesen tätig,
- arbeitete von 1996 bis 2005 in Berufsbildungsprojekten für die GTZ,
- ist bis heute in der Entwicklungszusammenarbeit aktiv.

Đặng Thị Phương Dung
(Tochter)

- studierte von 1997 bis 2002 Außenwirtschaft an der FTU Hanoi,
- absolvierte von 2004 bis 2007 ein Diplomstudium der Volkswirtschaftslehre an der Universität Heidelberg,
- ist seitdem als Beraterin im Programm „Rückkehrende Fachkräfte“ (heute: „Migration für Entwicklung“) für CIM bzw. die GIZ Vietnam tätig.



Những người kết nối giữa Việt Nam và Đức

Phỏng vấn TS Đặng Thị Thìn và con gái, Đặng Thị Phương Dung ngày 10/12/2014 tại Văn Miếu

Việt Nam đã từ lâu là một trong những quốc gia đi đầu về kinh tế ở Đông Nam Á, tuy nhiên còn phải khắc phục nhiều thách thức lớn từ các lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả. Do vậy, xét về chính sách phát triển, Việt Nam là một đối tác quan trọng của Đức. Trong các trọng tâm của hợp tác phát triển Việt-Đức có lĩnh vực dạy nghề cũng như bảo vệ môi trường và tài nguyên. Ở đây, Tổ chức Hợp tác quốc tế (GIZ) có một vị thế chủ đạo. GIZ đã hoạt động từ hơn 20 năm ở Việt Nam và có khoảng 250 nhân viên trên toàn quốc. Trong số lực lượng chuyên môn người Việt làm cho GIZ không hiếm người có được kiến thức chuyên sâu từ Đức, ví dụ như TS Đặng Thị Thìn. Bà từng học Quản trị doanh nghiệp ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1971 đến 1975, viết luận án tiến sĩ môn Kinh tế quốc dân vào những năm của thập niên 80 tại Đại học Kỹ thuật Leipzig, sau đó làm việc gần 10 năm cho GIZ – trước đây còn mang tên GTZ. Con gái bà, Đặng Thị Phương Dung, đi theo dấu chân của mẹ: Năm 2007 chị tốt nghiệp ngành Kinh tế quốc dân tại Đại học Tổng hợp Heidelberg và từ đó tích cực hoạt động trong hợp tác phát triển Việt-Đức. Ứng dụng những gì nhận được từ nước Đức trong công việc cũng như truyền bá những kinh nghiệm đó cho người khác là nguyện vọng tha thiết của hai mẹ con.

Thưa bà Thìn, bà thuộc thế hệ những sinh viên học đại học ở CHDC Đức từ 1971 đến 1975. Gần 30 năm sau con gái bà sang Đức học. Bà và con gái có còn nhớ đã mang theo những gì từ Việt Nam và phút giây đặt chân lên đất Đức ra sao?

Bà Thìn: Chúng tôi đã nhận được một chiếc va li nhỏ, trong đó có một cái áo dài, một bộ com lê, một đôi giày và một vài vật dụng cần thiết khác. Đó là tất cả. Nhưng hôm nay tôi mang theo nhiều hình ảnh đến cuộc phỏng vấn này. Thực ra tôi thích học Dược nhất, nhưng lại được chỉ định học Quản trị doanh nghiệp ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Tôi xuất phát từ nông thôn đi và còn rất trẻ. Mọi thứ đều lạ lẫm và mới mẻ với tôi nhưng nó đã thay đổi cuộc đời tôi hoàn toàn.

Chị Dung: Tôi đem theo nhiều ảnh từ nhà sang Đức. Bối cảnh lúc tôi sang Đức đơn giản hơn nhiều so với mẹ tôi, vì ban đầu tôi ở nhờ nhà bạn mẹ tại Frankfurt và họ đón tiếp rất nồng nhiệt. Nhờ đó tôi đã bắt đầu việc học tiếng Đức ở Mannheim dễ dàng hơn nhiều. Nhưng có một điều mà tôi sẽ luôn ghi nhớ như kỷ niệm đầu tiên, tôi đã vô cùng ngạc nhiên khi thấy dưa chuột Đức to hơn nhiều so với dưa chuột Việt Nam ... Thú vị phải không?

Thưa bà Thìn, cái gì đã giúp bà cảm thấy ấm áp khi ở Đức?

Bà Thìn: Năm đầu tiên rất khó khăn. Không chỉ vì tiếng Đức và khóa học chuyên

ngành sau đó mà còn vì tôi và người sau này là chồng tôi rất ít khi được gặp nhau. Anh ấy học Công nghệ bê tông tại trường Trung cấp chuyên nghiệp ở Apolda và chúng tôi chỉ gặp nhau vào những dịp chính thức của cộng đồng người Việt như trại hè tổ chức hàng năm ở Merseburg. Nhưng nhờ một bạn gái người Đức cùng lớp mà tôi nhanh chóng làm quen với gia đình bạn ấy. Họ coi tôi như con gái trong nhà và tôi tìm được một tổ ấm thứ hai ở Dresden. Suốt những năm từ khi quay trở về Việt Nam tôi luôn giữ quan hệ với cha mẹ thứ hai của mình cũng như giữ mối liên hệ với người phụ trách chúng tôi. Và tất nhiên tôi cũng luôn tham gia các buổi gặp gỡ kỷ niệm với các bạn đồng niên. Những sự kiện này khi thì được tổ chức ở Hà Nội, lúc thì ở Đức.

Thưa chị Dung, động cơ nào thúc giục chị sang Đức học?

Chị Dung: Tôi nghĩ, ban đầu chủ yếu do bố mẹ tôi muốn tôi học đại học ở Đức. Tuy nhiên có một điều luôn ám ảnh tôi: Tiếng Đức là một dạng mật mã trong gia đình tôi. Mỗi khi bố mẹ nói chuyện gì mà không muốn cho tôi biết là hai người lại nói tiếng Đức. Điều đó khiến tôi vô cùng tò mò và muốn tìm hiểu thứ ngôn ngữ này. Do gia đình sẽ phải tự trang trải chi phí học hành ở Đức cho tôi, nên trước tiên tôi quyết định học Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương (FTU) ở Hà Nội.





Ban đầu tôi học song song tiếng Đức ở Đại học Quốc gia Hà Nội để làm quen và qua đó mở dần cánh cửa tới nước Đức. Nhưng sau một học kỳ tôi buộc phải bỏ cuộc vì thời khóa biểu trùng nhau. Tuy nhiên, sau đó Quỹ Konrad Adenauer (KAS) thông báo cấp học bổng sang Đức. Mẹ tôi động viên tôi làm đơn xin và tôi đã giành được học bổng này! Vậy là năm 2003 tôi đến Mannheim và sau khi học tiếng Đức tôi bắt đầu học Kinh tế quốc dân tại Đại học Tổng hợp Heidelberg.

Tại sao lại là Heidelberg chứ không phải nơi khác?

Chị Dung: Heidelberg không chỉ là một thành phố tuyệt đẹp và giàu truyền thống mà còn nổi tiếng thế giới vì trường đại học ở đây rất có danh tiếng. Điều đó quan trọng đối với tôi. Nhưng tất nhiên tôi cũng muốn sang Đức để thăm lại tất cả những địa danh mà cha mẹ tôi từng có mặt.

Thưa bà Thìn, thời gian ở Đức đã thay đổi và ảnh hưởng đến bà ra sao?

Bà Thìn: Tôi đã hai lần ở Đức trong thời gian dài. Mười năm sau khi tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Kỹ Thuật Dresden, tôi sang Đại học Kỹ thuật Leipzig làm nghiên cứu sinh. Tôi không có kế hoạch cho lần này, mà được Viện Kinh tế Bộ Xây dựng, nơi tôi làm việc từ khi về nước, cử đi. Một lần nữa tôi lại phải tích cực chuẩn bị ôn thi, đặc biệt là môn Toán và tiếng Anh. Chồng tôi ngày đó đảm nhận mọi việc nhà để tôi rảnh rang tập trung học. Nhờ tính kỷ luật cao, tôi đã vượt qua tất cả các bài thi và sang Leipzig năm 1985. Đề tài luận án của tôi là: Xác định chi phí xã hội

cần thiết cho việc hình thành giá bán các loại vật liệu xây dựng. Luận án rất khó nhưng sau ba năm tôi đã có bằng tiến sĩ trong tay và là nữ tiến sĩ đầu tiên trong Viện của tôi ở Hà Nội. Không phải lúc nào cũng đơn giản, đặc biệt là khi tôi muốn áp dụng phong cách làm việc hiệu quả mang chất Đức của mình. Con gái tôi nói đôi khi tôi quá Đức ...

Công việc giúp tôi thường xuyên được trở lại Đức. Gần mười năm làm việc trong dự án „Chương trình đào tạo nghề Việt Nam“ của Tổ chức hợp tác kỹ thuật Đức GTZ, nên tôi thường có các chuyến công tác hoặc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn ở Đức do Quỹ phát triển quốc tế DSE và DAAD tài trợ.

Đào tạo ở Đức và Việt Nam khác nhau chỗ nào?

Chị Dung: Trước hết, ở Đức tôi học được cách đặt vấn đề và cách quan sát với đầu óc phê phán. Tôi cũng rất thích văn hóa tranh luận. Tôi bắt đầu hiểu thế nào là tự tạo cho mình một quan điểm, một chính kiến riêng và phát triển một nhân cách riêng. Tôi đã học được là người ta có thể sai lầm và được tha thứ cho sai lầm đó. Điều đó không phải lúc nào cũng đơn giản, đôi khi giống như nhảy xuống nước lạnh.

Bà Thìn: Chúng tôi luôn cố tạo cho con gái một khoảng tự do để cháu tự tìm ra quyết định riêng. Cháu tận dụng điều đó và tôi rất tự hào.

Chị Dung: Điều đó tác động nhiều đến tôi và khi tốt nghiệp năm 2007 tôi quyết định làm việc cho Trung tâm Di trú và Phát triển quốc tế (CIM) tại Việt Nam. Năm 2010 CIM trở



thành một đơn vị của tổ chức mới GIZ, ở đó tôi tiếp nhận chương trình „Di trú cho phát triển“. Vậy là con đường sự nghiệp của hai mẹ con chúng tôi tình cờ quy tụ.

Chị thấy lợi ích lớn nhất cho cá nhân mình là gì?

Chị Dung: Do nhận ra sự khác biệt giữa Việt Nam và Đức nên tôi học cách chấp nhận các lập trường và quan điểm khác nhau. Tôi cũng học cách chịu trách nhiệm. Và tôi muốn truyền một chút nhận thức đó cho người khác.

Bà Thìn: Tôi sử dụng suốt đời những kiến thức mà tôi học hỏi được ở Đức. Ý tôi không chỉ là kiến thức chuyên môn mà cả kinh nghiệm sống, tầm nhìn của tôi cũng được mở rộng. Tôi muốn truyền nhận thức đó không chỉ cho con gái tôi mà cả cho các đồng nghiệp và những người tham gia dự án cùng tôi, nếu họ quan tâm. Tôi thấy tự hào về những kết quả mà tôi đã đạt được trong những năm làm việc ở dự án đào tạo nghề Việt Nam của GIZ.

Dạy nghề và di trú: Hai mẹ con chị đúng là người kết nối giữa Đức và Việt Nam?

Bà Thìn: Vâng, có thể nói thế. Tôi là một người Việt mang ảnh hưởng Đức.

TS Đặng Thị Thìn (Mẹ)

- học Quản trị doanh nghiệp tại ĐH Tổng hợp Kỹ Thuật Dresden từ 1971 đến 1975,
- sau đó công tác tại Viện Kinh tế Bộ Xây dựng, Hà Nội,
- nghiên cứu sinh ngành Kinh tế quốc dân tại ĐH Kỹ thuật Leipzig từ 1985 đến 1988,
- sau đó lại về Viện Kinh tế Bộ Xây dựng làm việc,
- làm dự án dạy nghề cho GTZ từ 1996 đến 2005,
- hiện vẫn tích cực tham gia hợp tác phát triển.

Đặng Thị Phương Dung (Con gái)

- học Kinh tế đối ngoại tại ĐH Ngoại thương Hà Nội từ 1997 đến 2002,
- tốt nghiệp cử nhân Kinh tế quốc dân tại ĐH Tổng hợp Heidelberg từ 2004 đến 2007,
- từ đó đến nay làm tư vấn trong chương trình „Hồi hương“ (tên hiện tại: „Di trú cho phát triển“) cho CIM /GIZ Vietnam.



„Der Weg ist das Ziel!“

**Interview mit Frau Dr. Đặng Thị Thu Hiền und ihrem Vater Đặng Xuân Hòa
am 4. Januar 2015 in Hanoi**

In Vietnam gibt es derzeit drei Hochschulen, an denen Germanistik als Hauptfach angeboten wird: die Nationaluniversität Hanoi, die Universität Hanoi (HanU) und die Nationaluniversität Ho-Chi-Minh-Stadt. An den Deutschabteilungen dieser Hochschulen studieren jeweils mehrere hundert Studenten; darüber hinaus gibt es eine wachsende Nachfrage nach studienbegleitendem Deutschunterricht. Der Königsweg, um als vietnamesischer Hochschullehrer Germanistik unterrichten zu können, ist ein Studium oder sogar eine Promotion in Deutschland. Wie dornig dieser Weg sein kann und welch hohes Maß an Eigenständigkeit, Disziplin und Beharrlichkeit er verlangt, weiß Dr. Đặng Thị Thu Hiền, die stellvertretende Leiterin der Deutschabteilung der HanU. 2004 schloss sie ihr Magisterstudium der Germanistik an der Universität Gießen ab; von 2009 bis 2013 promovierte sie dort als DAAD-Stipendiatin. Solchen Herausforderungen stellt sich nur, wer eine besonders enge Beziehung zu Deutschland hat. Bei Đặng Thị Thu Hiền entstand diese Bindung, als sie im Teenageralter ihren in Brandenburg tätigen Vater besuchte und mit den deutschen Nachbarskindern auf Russisch Freundschaft schloss. Viele Jahre zuvor, von 1965 bis 1972, hatte Vater Đặng Xuân Hòa Maschinenbau in Magdeburg studiert. Und hatte sich seitdem nichts sehnlicher gewünscht, als seiner Familie dieses Land einmal zu zeigen.

Frau Hiên, als Germanistin muss man zwangsläufig einen engen Bezug zu Deutschland haben. Was war Ihre Motivation, ausgerechnet Deutsch zu wählen?

Đặng Thị Thu Hiên: Ich kam mit 14 Jahren das erste Mal nach Deutschland, weil mein Vater gerade dort arbeitete. Er hatte alles daran gesetzt, um meine Mutter, meine Schwester und mich für ein paar Sommermonate nach Deutschland zu holen. Damals habe ich mich in dieses Land verliebt: in seine Landschaften, seine Modernität und seine Freundlichkeit.

Sie wurden sozusagen mit dem „Deutschland-Virus“ infiziert?

Đặng Thị Thu Hiên (lacht): Ja, das könnte man so sagen. Ich erinnere mich noch gut an den Sommer in Brandenburg. Es gelang uns sogar, Freundschaft mit den deutschen Nachbarkindern zu schließen. Interessanterweise verständigten wir uns zunächst auf Russisch, von Balkon zu Balkon. Gut erinnere ich mich auch an einen Kindergeburtstag, zu dem wir eingeladen wurden. Es war ganz anders als in Vietnam – aber schön. Wir haben nicht nur gegessen und getrunken, sondern ein richtiges Programm gemacht, sind rausgegangen und haben viel gespielt. Mein Sohn, der im Alter von drei Jahren nach Deutschland kam, hat seine Geburtstage dort auch so gefeiert. Dass es in Vietnam ganz anders gemacht wird, konnte er zuerst kaum verstehen.



Đặng Xuân Hòa: Ich war von 1987 bis 1994 als Leiter einer Gruppe vietnamesischer Vertragsarbeiter in Brandenburg in der Nähe von Berlin tätig. Meine Deutschkenntnisse und die Erfahrungen, die ich während meines Studiums an der Universität Magdeburg von 1965 bis 1972 erworben hatte, halfen mir sehr bei dieser Tätigkeit. In meiner Verwandtschaft war ich bis dahin der Einzige, der diese Deutschland Erfahrung hatte, und die wollte ich um jeden Preis mit meiner Familie teilen.

Herr Hòa, als Sie in der DDR studierten, herrschte Krieg in Vietnam. Wie sind Sie damals mit der Trennung und Ungewissheit umgegangen?

Đặng Xuân Hòa: Wir waren so weit weg von zu Hause und der Nachrichtenaustausch war sehr langsam. Deshalb habe ich vor allem nach vorn geschaut und mich voll auf die schwere deutsche Sprache und mein Studium konzentriert. Mein Herz schlug eigentlich für die Elektrotechnik, aber ich musste Baumaschinenwesen studieren.

Was haben Sie sich aus Ihrem Studium in Magdeburg bewahrt?

Đặng Xuân Hòa: Vor allem die Fachkenntnisse, aber auch viel Lebenserfahrung und Werte wie Disziplin und Sparsamkeit.

Đặng Thị Thu Hiên: Ja, das hat meinen Vater sehr geprägt, und diese Werte hat er uns auch sehr eindringlich vermittelt: z. B. immer das Licht auszumachen, wenn man ein Zimmer verlässt, oder seine Mahlzeiten aufzuessen. Das war auch seine Hauptmotivation, als er uns alle nach Deutschland einlud: Er wollte, dass wir das kennenlernen und uns aneignen.



Herr Họa, als Gruppenleiter in Brandenburg haben Sie dann den Mauerfall miterlebt. Wie haben Sie und Ihre deutschen Freunde das empfunden?

Đặng Xuân Họa: Es herrschte eine riesen-große Freude. Ich bin ja nur bis 1994 in Deutschland gewesen, aber ich habe die gewaltigen Fortschritte bei der Verbesserung der Infrastruktur in der ehemaligen DDR miterlebt. Das hat mich sehr beeindruckt.

Frau Hiền, wie gelangten Sie dann zum zweiten Mal nach Deutschland?

Đặng Thị Thu Hiền: Das war ziemlich dramatisch: Ich hatte begonnen, an der Universität Hanoi (HanU) Deutsch zu studieren, und war für ein Stipendium in Deutschland ausgewählt worden. Doch dann wurde die Stipendienzahl plötzlich halbiert, und zwei von den vier ausgewählten Studierenden konnten nicht nach Deutschland reisen. Ich war eine der beiden, die zurückbleiben mussten. Das war damals eine schwere Enttäuschung. Ich habe mich dann voll auf mein Studium konzentriert und etwa anderthalb Jahre später hat es mit dem Stipendium doch geklappt. Ich ging nach Gießen und startete noch einmal mit einem deutschen Germanistikstudium. Das war dann die eigentliche Herausforderung.

Inwiefern?

Đặng Thị Thu Hiền: Vor allem sprachlich, insbesondere beim Verstehen und Sprechen. Da hatte ich in Deutschland noch viel nach-zuholen.

Außerdem musste ich erst lernen, wie man mit einem PC umgeht. Und am Anfang war es auch schwierig, Freundschaften zu schließen. Was mich über diese schwierige Anfangszeit gebracht hat, waren Arbeitsdisziplin, Ernsthaftigkeit, Eigenverantwortung und Selbstorganisation. Das sind Eigenschaften, die ich gut ausgebildet habe und die meine Arbeitsweise bis heute bestimmen.

Es heißt, Weggehen ist einfacher als Zurückkehren. Trifft das auch auf Sie beide zu?

Đặng Thị Thu Hiền: Nein, ich konnte nach meiner Rückkehr als Dozentin an der HanU anfangen, meine Fachkenntnisse anwenden und meine Erfahrungen teilen. Meine Studenten lernen in meinem Unterricht, auch selbst Entscheidungen zu treffen und Verantwortung zu übernehmen, indem sie Unterrichtsthemen selber finden bzw. inhaltlich ergänzen können. Ich finde, sich selbst artikulieren zu können, ist extrem wichtig.

Đặng Xuân Họa: Bei mir hat es mit der Umsetzung in die Praxis leider nicht so gut geklappt. Nach meiner Rückkehr aus Magdeburg war ich neun Jahre an einem Forschungsinstitut für Maschinenbau in Hanoi tätig. Aber unsere Forschungsergebnisse blieben größtenteils Theorie. Deshalb bin ich damals in meine Heimatstadt Bắc Giang zurückgegangen. Später habe ich dort viele Jahre als Helfer des Deutschen Entwicklungsdienstes (DED) in deutschen Umweltprojekten mitgearbeitet. Auf diese Weise konnte ich mit Deutschland auch beruflich verbunden bleiben.

Frau Hiền, Sie haben sich dann zur Promotion in Deutschland entschlossen. Keine leichte Entscheidung?

Đặng Thị Thu Hiền: Es war eine sehr schwierige Entscheidung, die Promotion zu wagen. Denn es gab zwei große Hürden, die gemeistert werden wollten: Ich hatte schon eine Familie und einen kleinen Sohn und es war natürlich auch fachlich eine riesige Herausforderung. Außerdem wollte ich, dass ein erneuter Deutschlandaufenthalt auch das Bestmögliche für meine Familie bringt, z. B. dass mein Mann ebenfalls promovieren kann. Meine Eltern haben uns hierbei großartig unterstützt, und so konnten wir diesen Schritt schließlich gemeinsam wagen. Dank meines DAAD-Promotionsstipendiums war der Familiennachzug auch finanziell für uns möglich.

Was sind Ihrer Meinung nach die Voraussetzungen für eine erfolgreiche Promotion?

Đặng Thị Thu Hiền: Man braucht einen guten Betreuer. Man braucht eine innovative Idee – also das richtige Thema, das zu einem passt, das man gerne erforschen möchte und das in der zur Verfügung stehenden Zeit realisierbar ist. Und schließlich braucht man auch eine gute Methode. Der Weg ist das Ziel, denn man muss jeden Schritt, den man fachlich geht, auch begründen. Ich habe gelernt: Es geht nicht darum, ob das Ergebnis richtig oder falsch ist, sondern darum, mit welchen Argumenten man es begründet. Als ich das erkannte, hatte ich auch keine Angst mehr, etwas falsch zu machen, sondern gewann zunehmend Freude am Experimentieren. Außerdem lernte ich, alles selbst in die Hand zu nehmen. Eigeninitiative ist extrem wichtig!

Warum lohnt es sich, in Deutschland zu studieren und zu forschen?

Đặng Xuân Hòa: Deutschland bietet als großartiger Wirtschafts- und Wissenschaftsstandort einmalige Chancen.

Đặng Thị Thu Hiền: Deutschland ist hochentwickelt und hat eine lange Forschungstradition. Außerdem liebe ich seine Natur und die vier Jahreszeiten. Und es liegt im Herzen Europas – ein wunderbarer Ausgangspunkt für europäische Entdeckungsreisen.

**Đặng Xuân Hòa
(Vater von Hiền)**

- studierte von 1965 bis 1972 Maschinenbau an der Universität Magdeburg,
- leitete von 1987 bis 1994 eine Gruppe vietnamesischer Vertragsarbeiter in Brandenburg,
- unterstützte von 1994 bis 2006 den Deutschen Entwicklungsdienst (DED) bei Umweltprojekten in Bắc Giang.

**Nguyễn Thị Bích Hồng
(Mutter von Hiền)**

- war vor ihrer Pensionierung als Literaturlehrerin tätig,
- besuchte 1989 ihren Mann für ein halbes Jahr in Brandenburg.

Dr. Đặng Thị Thu Hiền

- absolvierte von 1997 bis 2004 als Stipendiatin des „World University Service“ (WUS) ein Magisterstudium der Germanistik an der Universität Gießen,
- war von 2004 bis 2009 als Dozentin an der Deutschabteilung der Universität Hanoi (HanU) tätig,
- promovierte von 2009 bis 2013 als DAAD-Stipendiatin an der Universität Gießen,
- arbeitet seit 2013 wieder als Dozentin und seit 2014 als stellvertretende Leiterin an der Deutschabteilung der HanU.

**Nguyễn Hồng Quảng
(Mann von Hiền)**

- promoviert seit 2012 im Fach Geografie an der Universität Göttingen, seit 2014 als KAAD-Stipendiat.

**Nguyễn Đức Vinh
(Sohn von Hiền)**

- wurde 2006 geboren und lebte von 2010 bis 2013 mit seinen Eltern in Gießen.



„Đường đi chính là đích đến!“

Phỏng vấn TS Đặng Thị Thu Hiền và bố, ông Đặng Xuân Hòa ngày 04/01/2015 tại Hà Nội

Hiện nay ở Việt Nam có ba trường đại học dạy Đức ngữ: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Hà Nội và Đại học Quốc gia Tp. HCM. Ở khoa Đức của mỗi trường nói trên có hàng trăm sinh viên theo học. Ngoài ra, nhu cầu học tiếng Đức phục vụ cho chuyên ngành đào tạo cũng ngày càng phát triển. Con đường tối ưu để trở thành giáo viên Đức ngữ ở một trường đại học tại Việt Nam là có bằng đại học hay tốt hơn nữa là có bằng tiến sĩ của Đức. TS Đặng Thị Thu Hiền, Phó khoa tiếng Đức của trường Đại học Hà Nội, biết rõ con đường đó chông gai ra sao cũng như cần tính tự lập, tính kỷ luật và sự nhẫn nại như thế nào. Năm 2004 chị học xong khóa thạc sĩ Đức ngữ tại Đại học Tổng hợp Gießen; từ 2009 đến 2013 chị là nghiên cứu sinh bằng học bổng DAAD cũng tại trường đó. Chỉ ai có quan hệ gắn bó với nước Đức mới dám đương đầu với những thách thức này. Đặng Thị Thu Hiền nhận ra mối quan hệ ấy khi còn trẻ, qua việc kết bạn với trẻ con hàng xóm bằng tiếng Nga trong chuyến sang thăm bố lúc ông đang làm việc ở Brandenburg. Bố chị, ông Đặng Xuân Hòa, người trước đó nhiều năm học Chế tạo máy ở Magdeburg và từ đó trở đi ông không còn mong muốn nào hơn là có dịp giới thiệu đất nước này với gia đình mình.

Thưa chị Hiền, là chuyên gia Đức ngữ hẳn người ta phải có mối quan hệ gần bó với nước Đức. Đây là động cơ khiến chị chọn chính nước Đức chứ không phải một nơi nào khác?

Chị Hiền: Năm 14 tuổi tôi đến Đức lần đầu, vì bố tôi đang làm việc ở đó. Ông đã làm đủ mọi cách để đưa mẹ tôi, em gái và tôi sang Đức trong mấy tháng hè. Ngày đó tôi đã mê đắm nước Đức: Mê phong cảnh, vẻ hiện đại và sự thân thiện của nó.

Có thể nói là chị bị nhiễm „virus Đức“?

Chị Hiền (cười): Vâng, có thể nói như vậy. Tôi vẫn nhớ rõ mùa hè ở Brandenburg. Chúng tôi đã kết bạn với những đứa trẻ hàng xóm người Đức. Thú vị là thoạt tiên chúng tôi trao đổi với nhau từ ban công qua ban công bằng tiếng Nga. Tôi nhớ rõ buổi tiệc sinh nhật của trẻ con mà chúng tôi được mời dự. Nó khác hẳn so với ở Việt Nam, nhưng cũng rất tuyệt. Chúng tôi không chỉ ăn uống mà còn có cả một chương trình cụ thể, đi chơi và đùa nghịch. Con trai tôi sang Đức hồi ba tuổi cũng mừng sinh nhật ở đó. Lúc đầu nó không thể hiểu vì sao lễ sinh nhật ở Việt Nam lại khác đến thế.

Ông Họa: Từ 1987 đến 1994 tôi là đội trưởng một đội lao động hợp tác người Việt Nam ở Brandenburg, gần Berlin. Vốn tiếng Đức và các kinh nghiệm thu thập được khi học ở Đại học Tổng hợp Magdeburg từ 1965 đến 1972 đã hỗ trợ tôi trong công việc này rất nhiều. Tính tới thời điểm đó, trong họ hàng nhà tôi chỉ mình tôi có những trải nghiệm với



đất nước và con người Đức và tôi muốn chia sẻ điều đó với gia đình mình bằng mọi cách.

Thưa ông Họa, khi ông học ở CHDC Đức thì ở Việt Nam vẫn có chiến tranh. Ông đã khắc phục sự chia cắt và tình trạng bất an đó ra sao?

Ông Họa: Chúng tôi ở rất xa nhà và tin tức đi lại rất chậm. Do vậy tôi chủ yếu hướng về tương lai, tập trung tinh thần học tiếng Đức và chuyên môn. Tôi tha thiết muốn học điện tử, nhưng lại phải học chế tạo máy.

Ông còn lưu lại được gì từ việc học đại học ở Magdeburg?

Ông Họa: Trước tiên là kiến thức chuyên môn nhưng cũng còn cả nhiều kinh nghiệm sống và những giá trị như tính kỷ luật và sự tiết kiệm.

Chị Hiền: Vâng, những dấu ấn đó rất sâu đậm đối với bố tôi và ông cũng truyền đạt cho chúng tôi những giá trị đó một cách rất nghiêm túc: Ví dụ như lúc nào ra khỏi phòng là phải tắt đèn, hay phải ăn hết suất. Đó cũng là động cơ chính để ông mời cả nhà sang Đức: Ông muốn chúng tôi làm quen và nhập tâm các giá trị đó.





Thưa ông Hòa, là đội trưởng ở Brandenburg ông đã chứng kiến Bức tường Berlin sụp đổ. Ông và các bạn Đức của ông đã cảm nhận sự kiện đó ra sao?

Ông Hòa: Một niềm vui sướng khôn tả. Tôi chỉ ở Đức đến 1994, nhưng cũng kịp trải nghiệm những tiến bộ phi thường trong hạ tầng cơ sở của CHDC Đức cũ. Tôi rất ấn tượng.

Thưa chị Hiền, chị sang Đức lần thứ hai như thế nào?

Chị Hiền: Khá kịch tính: Tôi đã bắt đầu học tiếng Đức ở Đại học Hà Nội và được chọn sang Đức học theo tiêu chuẩn học bổng. Đột nhiên số sinh viên nhận học bổng bị giảm xuống một nửa, hai trong bốn sinh viên trên danh sách không được sang Đức nữa và tôi là một trong hai người phải ở lại. Quả là một thất vọng khủng khiếp ngày đó. Tôi tập trung học tiếp, một năm rưỡi sau thì được nhận học bổng. Tôi sang Gießen và bắt đầu lần nữa với môn Đức ngữ. Đó mới chính là sự thách thức.

Thách thức theo nghĩa nào?

Chị Hiền: Thách thức trước tiên là về ngôn ngữ, nhất là để hiểu và nói. Tôi đã phải cố gắng rất nhiều. Ngoài ra, tôi phải học cách sử dụng máy tính. Lúc đầu cũng khó kết bạn. Để

vượt qua giai đoạn ban đầu khó khăn ấy, tôi phải dựa vào kỷ luật lao động, thái độ nghiêm túc, trách nhiệm với chính mình và ý thức tự tổ chức. Đó là những đức tính mà tôi rèn luyện được và chúng ấn định phong cách làm việc của tôi đến tận hôm nay.

Người ta vẫn nói là ra đi đơn giản hơn trở về. Ông và chị có thấy đúng thế không?

Chị Hiền: Không. Khi trở về tôi được làm giảng viên ở trường Đại học Hà Nội, được áp dụng các kiến thức chuyên môn và chia sẻ các kinh nghiệm của mình. Trong lớp tôi, sinh viên học cách tự đưa ra quyết định và tự chịu trách nhiệm bằng cách tự tìm ra chủ đề tiết học hoặc bổ sung nội dung học. Theo tôi, khả năng tự nói ra những suy nghĩ của bản thân là điều cực kỳ quan trọng.

Ông Hòa: Trong trường hợp của tôi việc ứng dụng vào thực tế không thực sự suôn sẻ. Sau khi từ Magdeburg về, tôi làm việc chín năm tại Viện nghiên cứu chế tạo máy ở Hà Nội. Nhưng những kết quả nghiên cứu của chúng tôi chủ yếu chỉ dừng lại ở dạng lý thuyết. Do đó tôi trở về quê Bắc Giang. Sau này, tôi là cộng tác viên cho các dự án môi trường của Tổ chức hỗ trợ phát triển Đức (DED) ở tỉnh Bắc Giang. Qua đó tôi duy trì được mối liên hệ với nước Đức về mặt công việc.

Thưa chị Hiền, sau này chị quyết định sang Đức làm nghiên cứu sinh. Một quyết định không dễ dàng?

Chị Hiền: Quyết định đi làm nghiên cứu sinh là một quyết định rất khó khăn vì có hai rào cản cần phải vượt qua: Tôi đã lập gia đình và có một cậu con trai nhỏ, về mặt chuyên môn đó cũng là một thách thức rất lớn.

Ngoài ra, tôi còn muốn thời gian quay lại nước Đức lần này cũng phải đem lại kết quả tối ưu cho gia đình mình, ví dụ như chồng tôi cũng có thể làm nghiên cứu sinh.

Trong việc này, bố mẹ tôi đã hỗ trợ chúng tôi rất nhiều và thế là chúng tôi có thể cùng nhau dần bước. Nhờ học bổng DAAD chúng tôi cũng trang trải được việc đoàn tụ gia đình.

Theo chị, điều gì là tiền đề để làm nghiên cứu sinh thành công?

Chị Hiền: Đó là người ta cần có một thầy hướng dẫn tốt. Một ý tưởng cách tân – nghĩa là phải có đề tài thích hợp với mình, tạo cho mình hứng thú nghiên cứu, cũng như có thể hoàn thành đề tài ấy trong khoảng thời gian cho phép. Và cuối cùng người ta cần có phương pháp tốt. Đường đi chính là đích đến vì mỗi bước nghiên cứu chuyên môn cần phải được giải trình. Tôi đã hiểu được, cốt lõi không phải kết quả đúng hay sai mà giải thích nó bằng luận chứng nào. Khi nhận ra điều đó, tôi không còn e ngại có thể làm sai mà còn tìm thấy nhiều niềm vui với các kiểm nghiệm. Thêm vào đó, tôi học cách tự làm lấy mọi thứ. Sáng kiến riêng cực kỳ quan trọng!

Vì sao nên học tập và nghiên cứu ở Đức?

Ông Hòa: Nước Đức – một cơ sở kinh tế và khoa học tuyệt vời – sẽ tạo cho ta những cơ hội độc nhất vô nhị.

Chị Hiền: Đức là một nước phát triển cao và có bề dày truyền thống về nghiên cứu. Ngoài ra, tôi yêu thiên nhiên và bốn mùa của nước Đức. Và Đức nằm giữa trung tâm châu Âu – xuất phát điểm tuyệt vời cho những chuyến đi khám phá lục địa già.

**Đặng Xuân Hòa
(Bố của Hiền)**

- học Chế tạo máy tại ĐH Tổng hợp Magdeburg từ 1965 đến 1972,
- đội trưởng một đội lao động hợp tác ở Brandenburg từ 1987 đến 1994,
- hỗ trợ DED trong các dự án môi trường ở Bắc Giang từ 1994 đến 2006.

**Nguyễn Thị Bích Hồng
(Mẹ của Hiền)**

- giáo viên dạy Văn trước khi về hưu,
- 1989 sang thăm chồng 6 tháng ở Brandenburg.

TS Đặng Thị Thu Hiền

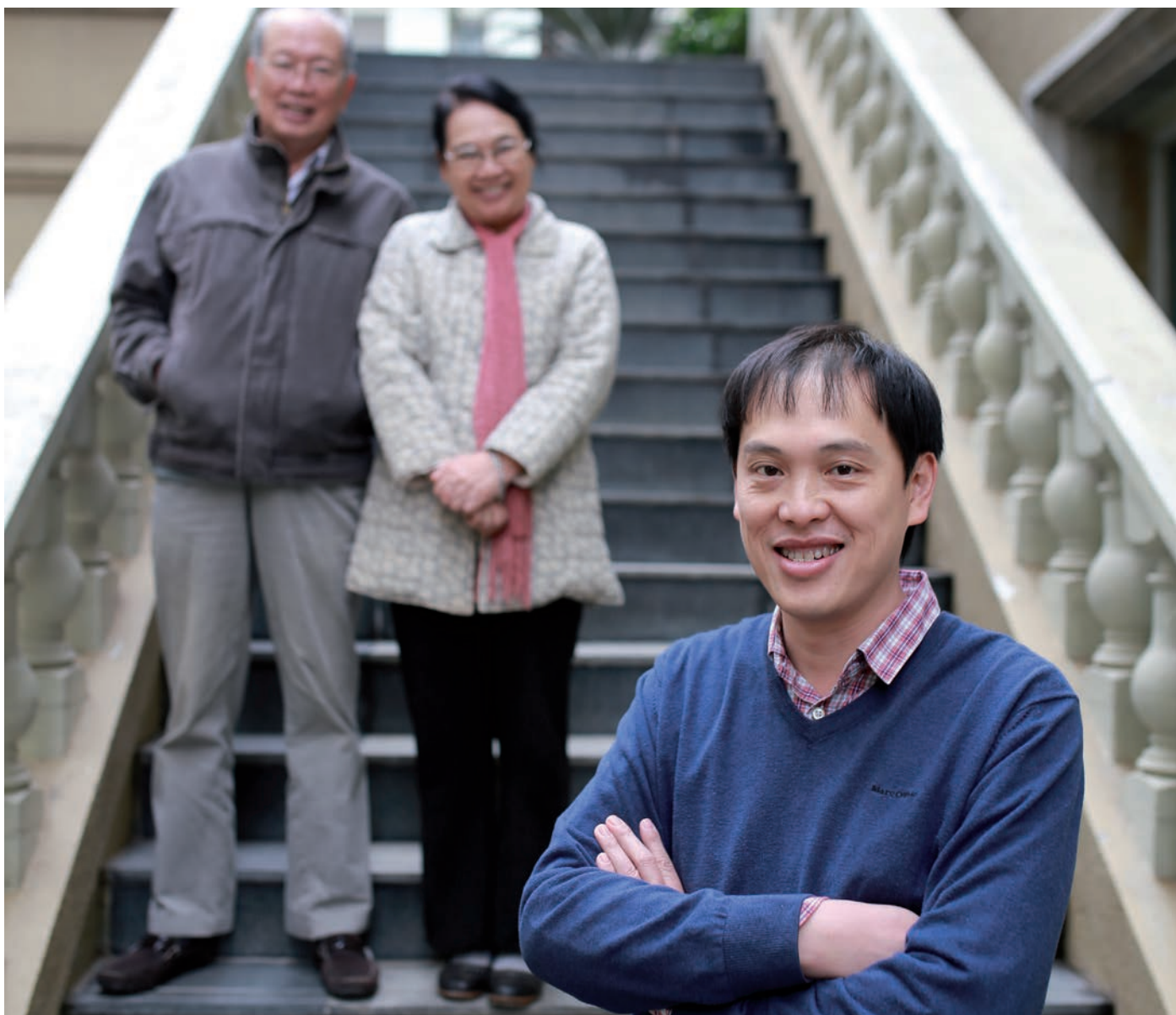
- học thạc sĩ Đức ngữ tại ĐH Tổng hợp Gießen với học bổng của World University Service (WUS) từ 1997 đến 2004,
- giảng viên khoa Đức tại ĐH Hà Nội từ 2004 đến 2009,
- nghiên cứu sinh tại ĐH Tổng hợp Gießen với học bổng DAAD từ 2009 đến 2013,
- từ năm 2013 giảng viên, từ 2014 Phó khoa tiếng Đức của trường ĐH Hà Nội.

**Nguyễn Hồng Quảng
(Chồng của Hiền)**

- nghiên cứu sinh ngành Địa lý tại ĐH Tổng hợp Göttingen từ năm 2012, nhận học bổng KAAD từ năm 2014.

**Nguyễn Đức Vinh
(Con trai của Hiền)**

- sinh năm 2006, sống với bố mẹ tại Gießen từ 2010 đến 2013.



Umwege sind nicht umsonst

Interview mit Frau Prof. Dr. Pham Minh Hà, ihrem Mann Nguyễn Hữu Đồng und ihrem Sohn Prof. Dr. Nguyễn Hữu Thanh am 1. Februar 2015 in Hanoi

Es war im Jahr 1995, als der damalige Bundeskanzler Helmut Kohl zum ersten Mal nach Vietnam reiste und während dieser Reise auch die TU Hanoi besuchte. Das war der Moment, als die Idee geboren wurde, ein Zentrum zu gründen, das dem wissenschaftlichen Austausch zwischen Vietnam und Deutschland dienen sollte. Zwei Jahre später wurde an der TU Hanoi mit dem Aufbau des Vietnamesisch-Deutschen Zentrums (VDZ) begonnen und im Dezember 1999 wurde es feierlich eröffnet. Die zügige Umsetzung von Helmut Kohls Idee war nicht zuletzt dem Einsatz von Frau Prof. Dr. Phạm Minh Hà zu verdanken, die – wie auch ihr Mann Nguyễn Hữu Đồng – zu den „Moritzburgern“ gehört. Von 1978 bis 1982 hatte sie an der TU Ilmenau in Thüringen im Fach Elektronik promoviert, um danach als Dozentin und Dekanin der Fakultät für Elektronik und Kommunikation an der TU Hanoi zu arbeiten. Zum Zeitpunkt des hohen Besuchs war sie bereits Vize-Rektorin der TU und engagierte sich bis zur ihrer Pensionierung für internationale Kooperation. Ähnliches tut heute ihr Sohn Prof. Dr. Nguyễn Hữu Thanh, der von 1996 bis 2002 als DAAD-Stipendiat im Fach Informatik in München promovierte und nun – wie einstmalis seine Mutter – Dekan der Fakultät für Elektronik und Kommunikation an der TU Hanoi ist. In internationaler Vernetzung, so seine Überzeugung, liegt die „Zukunft der Forschung“.

Frau Hà, Sie und Ihr Mann kamen beide als „Moritzburger Kinder“ schon 1955 zum ersten Mal in die DDR. Welche Erinnerungen verbinden Sie damit?

Phạm Minh Hà: Mir als Zwölfjähriger fiel der Abschied von meiner Mutter damals sehr schwer, und es dauerte rund ein Jahr, bis ich damit umzugehen lernte. Aber Moritzburg hieß uns willkommen und prägte unsere nächsten Jahre ganz entscheidend. Viele Bilder aus dieser Zeit haben sich für immer in unsere Erinnerung eingebrannt. Mithilfe eines Lehrbuchs für russische Kinder haben wir auch schnell Deutsch gelernt. An unsere ersten Wörter erinnere ich mich noch genau: „der Rabe“, „der Affe“, „der Knabe“ ...

Später haben Sie beide noch weitere Stationen Ihrer Ausbildung in der DDR absolviert ...

Nguyễn Hữu Đồng: Ich absolvierte eine Schlosserlehre in Radebeul. Nach meiner Rückkehr nach Vietnam habe ich dann, wie meine Frau übrigens auch, an einer Hanoier Abendschule das Abitur nachgeholt. Onkel Hồ sorgte dafür, dass die „Moritzburger Kinder“ zum Studieren in die DDR zurückkehren konnten. Und nachdem ich zunächst als technischer Mitarbeiter an der TU Hanoi gearbeitet hatte, ging ich 1965 wieder nach Deutschland, um an der TU Dresden Werkzeugmaschinenbau zu studieren. 1970 schloss ich dieses Studium ab. Zwischendurch, 1968, heirateten meine Frau und ich in Vietnam.

Phạm Minh Hà: Zu dem Zeitpunkt, als alle ehemaligen „Moritzburger“ zum Studium in die DDR gesandt wurden, hatte ich schon an der TU Hanoi mit dem Ingenieurstudium der Nachrichtentechnik begonnen. Also blieb ich in Vietnam und kehrte erst von 1978 bis 1982 nach Deutschland zurück, um an der TU Ilmenau zu promovieren.

Das heißt, Sie und Ihr Mann waren dann immer abwechselnd in Deutschland, aber niemals zur gleichen Zeit?

Phạm Minh Hà: Ja, das stimmt, das war auch nicht einfach. Doch als ich promovierte, übrigens mit einem Stipendium vonseiten der DDR, konnten wir uns einige Male sehen, unter anderem, als mein Mann ein Praktikum

in der Tschechoslowakei machte. Und unser Sohn Thanh war bei den Großeltern.

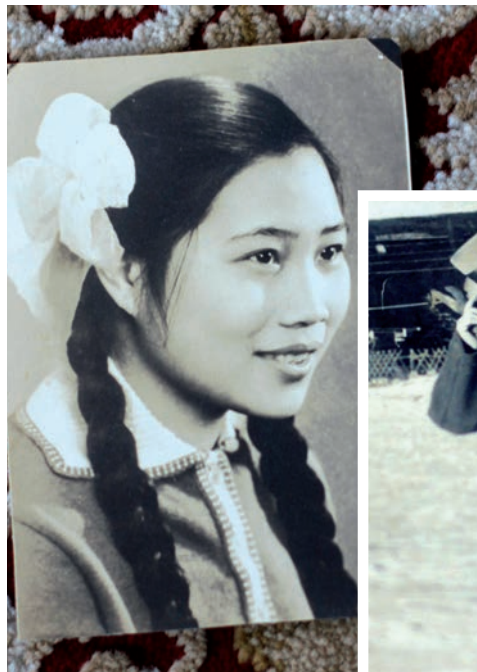
Herr Thanh, als Ihre Mutter zur Promotion nach Deutschland ging, waren Sie sieben Jahre alt. Erinnern Sie sich noch daran?

Nguyễn Hữu Thanh: Ja, sehr gut. Und ich habe sie sehr vermisst und ihr viele Briefe geschrieben ...

Phạm Minh Hà: ... die ich immer noch habe! Auch ich habe jede Woche einen Brief geschrieben, nur leider dauerte es fast zwei Monate, bis die Antwort kam.

Wie konnten Sie die in Deutschland genossene Ausbildung in Vietnam nutzen?

Nguyễn Hữu Đồng: Nach dem Studium in Dresden begann ich als Werkzeugmaschineningenieur in der Werkzeugmaschinenfabrik Hanoi zu arbeiten und zum Ende meiner beruflichen Laufbahn war ich dort der stellvertretende Leiter. Im Vergleich zu meinen Arbeitskollegen hatte ich in Dresden eine außerordentlich praxisorientierte Ausbildung genossen. Davon habe ich mein ganzes berufliches Leben lang profitiert.





Nguyễn Hữu Thanh: Das kann ich auch für mich sagen. Ich hatte die Gelegenheit, nach Abschluss meines Elektrotechnikstudiums an der TU Hanoi ein halbes Jahr ein kombiniertes Praktikum an der FH München und bei Siemens zu machen. Das war, neben den Prägungen, die ich schon durch meine Eltern erhalten hatte, weichenstellend für meine Zukunft. Als ich 1997 mithilfe eines DAAD-Stipendiums eine Promotion im Fach Informatik an der Universität der Bundeswehr in München begann, war das anfänglich sehr herausfordernd für mich. Ich hatte einige wichtige Grundlagenfächer nachzuholen, um die Zulassung zur Promotion zu erlangen. Außerdem war es völlig neu für mich, dass ich eigenständig für die Konsultationen mit meinem Betreuer Sorge tragen musste.

Liegt die Affinität zur Technik in der Familie?

Nguyễn Hữu Thanh: Für mich war Elektrotechnik einfach das richtige Fach, und später habe ich mich auf Informatik spezialisiert. Meine Frau Ngô Quỳnh Thu hat übrigens auch in Deutschland, an der TU Berlin in Informatik promoviert.

Phạm Minh Hà: Ich wurde nach dem Studium Dozentin an der TU Hanoi, später Dekanin der Fakultät für Elektronik und Kommunikation. Von 1994 bis 1999 war ich Vize-Rektorin der Universität und gleichzeitig für den internationalen Austausch zuständig. In dieser Zeit bemühte ich mich sehr um Austauschprogramme mit deutschen Hochschulen. So konnte unter anderem eine Vereinbarung zum Studentenaustausch mit der FH München unterzeichnet werden. Internationale Kooperationen sind für die Entwicklung einer Universität enorm wichtig. Und mir lagen natürlich vor allem die Beziehungen zu Deutschland am Herzen.

Dies hat sich dann in der Vorbereitung eines besonders wichtigen Projekts ausgedrückt ...

Phạm Minh Hà: Ja, das war der Aufbau des Vietnamesisch-Deutschen Zentrums (VDZ) an der TU Hanoi. Der damalige Bundeskanzler Helmut Kohl hatte diese Idee geäußert, als er während seiner ersten Vietnamreise im Jahr 1995 auch die TU Hanoi besuchte. Anfänglich war es aber noch offen, wo dieses Zentrum stehen sollte. Wir in der Hochschulleitung der TU Hanoi haben uns dann sehr dafür stark gemacht, dass das Zentrum an unsere Universität kommt. Und die Deutsche Botschaft und der DAAD, namentlich Frau Dr. Klaus und Herr Dr. Bode, haben diese Idee nach Kräften unterstützt. 1997 begannen wir schließlich mit dem Aufbau des VDZ und 1999 konnte es eingeweiht werden – als künftiger Kristallisationspunkt für den akademischen Austausch zwischen der TU Hanoi und den deutschen Hochschulen. Seitdem hat es am VDZ zahlreiche Aktivitäten gegeben und 2003 hat der DAAD dort seine Außenstelle Vietnam eingerichtet.

Herr Thanh, Sie haben in Deutschland promoviert und kamen 2002 an die TU Hanoi zurück. Was für wissenschaftliche Kontakte haben Sie aus Deutschland mitgebracht?

Nguyễn Hữu Thanh: Ich hatte das Glück, nach der Promotion noch zwei Jahre am Fraunhofer-Institut an der TU Berlin als Forscher arbeiten zu können, in einem Wissenschaftlerteam, mit dem ich bis heute in Verbindung stehe. Darüber hinaus pflege ich wissenschaftliche Kontakte in der ganzen Welt.

Die TU Hanoi ist heute auch Teil eines vom DAAD geförderten thematischen Netzwerks, das ich auf vietnamesischer Seite leite. Wir kooperieren in diesem Netzwerk mit der TU Berlin, mit Südafrika, Thailand und Chile. In dieser Art von Internationalität liegt die Zukunft der Forschung.

Phạm Minh Hà: Das VDZ kann bei solchen Kooperationen künftig eine noch stärkere Rolle spielen. Das wünsche ich mir, damit mehr deutsche Forscher den Weg zu uns finden und wir wieder mehr institutionelle Austauschprogramme etablieren können.

Welche Gründe sprechen aus Ihrer Sicht für Deutschland als Studien- und Forschungsstandort?

Phạm Minh Hà: Meine Aufenthalte in Moritzburg und Ilmenau waren für mein ganzes weiteres Leben wertvoll. Auf unserem Ausbildungsweg legten wir einige Umwege zurück, ohne die wir vielleicht Zeit gespart hätten. Rückblickend betrachtet war aber der gesamte Lebensweg wichtig für unsere persönliche Entwicklung. Für mich war besonders das Erlernen der deutschen Sprache von Vorteil, weil ich dadurch Zugang zu neuester Fachliteratur hatte und auch viel leichter die englische Sprache erlernen konnte.

Nguyễn Hữu Thanh: Für viele meiner Studenten ist Europa attraktiv zum Studieren und Forschen, obgleich die Stipendienmöglichkeiten im Vergleich zu Korea und Japan begrenzt sind. Ich teile meine deutschen Erfahrungen gerne mit meinen Studenten und sie stellen mir immer wieder Fragen zum Leben und Studieren in Deutschland.

Phạm Minh Hà: Unser jüngerer Sohn, der in Ho-Chi-Minh-Stadt lebt, möchte seinen eigenen Sohn gerne einmal zum Studium nach Deutschland schicken, obwohl er selbst nie dort war. Deshalb besucht unser Enkel schon einen deutschen Kindergarten ...

Nguyễn Hữu Đồng: Deutschland ist in puncto Ordnung, Pünktlichkeit und Verantwortungsbewusstsein immer mein Vorbild geblieben. Wir sind „vietnamesische Deutsche“.

Prof. Dr. Phạm Minh Hà
(Mutter)

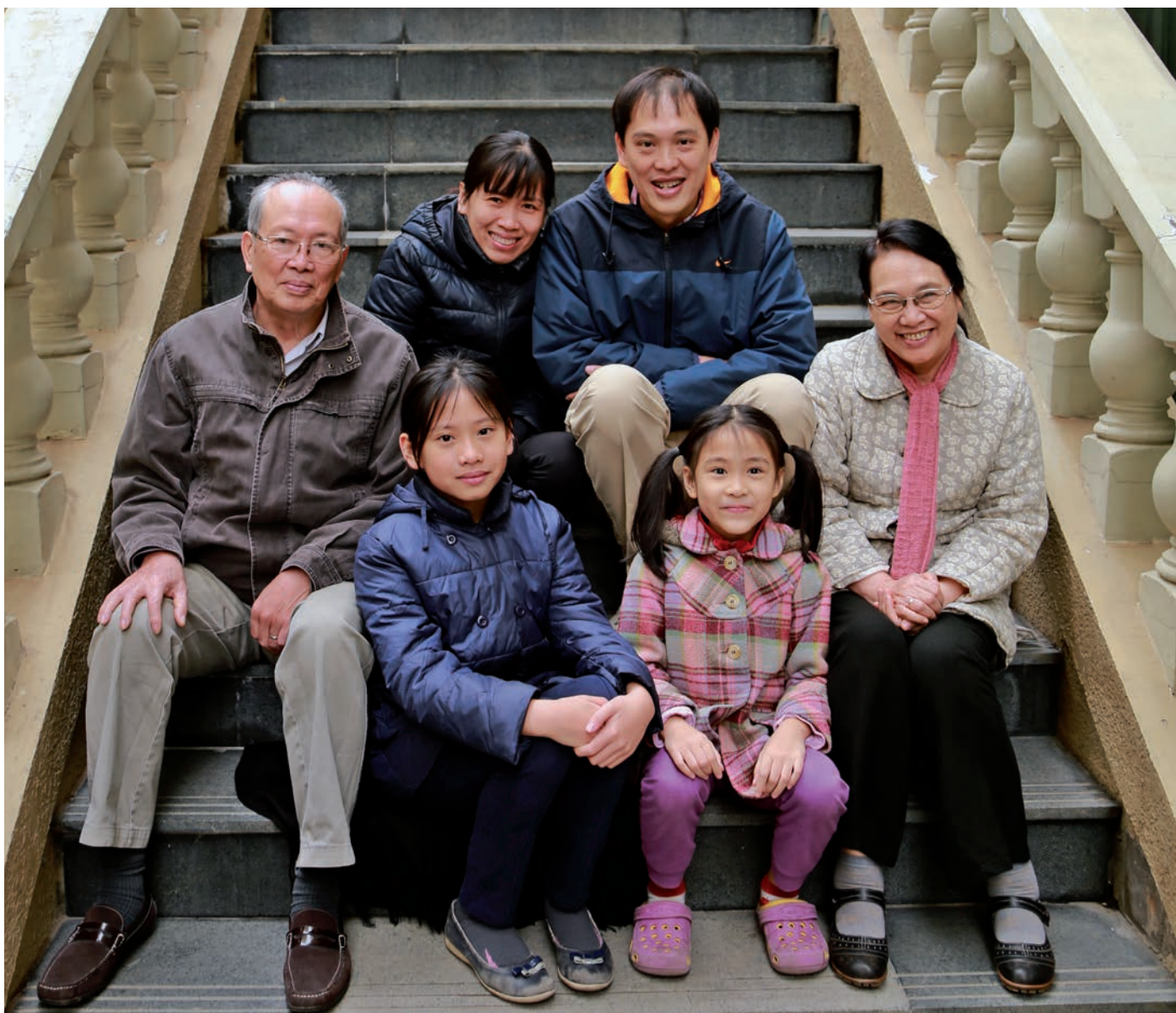
- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- machte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung bei Carl Zeiss in Jena,
- studierte von 1964 bis 1968 Nachrichtentechnik an der TU Hanoi,
- promovierte von 1978 bis 1982 im Fach Elektronik an der TU Ilmenau,
- war von 1984 bis 1994 Dozentin und Dekanin der Fakultät für Elektronik und Kommunikation, von 1994 bis 1999 Vize-Rektorin der TU Hanoi,
- leitete von 1999 bis 2007 das „BK Network Information Center“ an der TU Hanoi.

Nguyễn Hữu Đồng
(Vater)

- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- machte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zum Schlosser in Radebeul,
- studierte von 1965 bis 1970 Maschinenbau an der TU Dresden,
- war von 1970 bis 2000 als Werkzeugmaschineningenieur in Hanoi tätig, zuletzt als stellvertretender Betriebsleiter.

Prof. Dr. Nguyễn Hữu Thanh
(Sohn)

- studierte von 1988 bis 1995 Elektrotechnik an der TU Hanoi,
- machte 1994 ein Praktikum an der FH München und bei der Siemens AG,
- promovierte von 1996 bis 2002 im Fach Informatik an der Universität der Bundeswehr in München,
- war von 2002 bis 2003 wissenschaftlicher Mitarbeiter am Fraunhofer-Institut in Berlin,
- arbeitet seit 2005 als Dozent, seit 2008 als Abteilungsleiter und seit 2014 als Dekan der Fakultät für Elektronik und Kommunikation an der TU Hanoi.



Đường vòng không phải vô ích

Phỏng vấn PGS TS Phạm Minh Hà, chồng bà, Nguyễn Hữu Đồng và con trai, PGS TS Nguyễn Hữu Thanh ngày 1/2/2015 tại Hà Nội

Năm 1995, Thủ tướng Đức đương nhiệm Helmut Kohl lần đầu sang Việt Nam và trong chuyến công du ấy có thăm Đại học Bách khoa Hà Nội. Đó cũng là thời điểm nảy sinh ý tưởng thành lập một trung tâm nhằm trao đổi khoa học giữa Việt Nam và Đức. Hai năm sau, Trung tâm Việt-Đức (VDZ) được khởi công tại Đại học Bách khoa Hà Nội và tháng 12/1999 Trung tâm được long trọng khánh thành. Để có thể nhanh chóng biến ý tưởng của Thủ tướng Helmut Kohl thành hiện thực, một phần nhờ công lao của PGS TS Phạm Minh Hà, một trong những „đứa trẻ Moritzburg“ như chồng bà, ông Nguyễn Hữu Đồng. Từ 1978 đến 1982 bà là nghiên cứu sinh ngành Kỹ thuật điện tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Ilmenau, bang Thüringen, sau đó trở thành giảng viên và Trưởng khoa Điện tử – Truyền thông, Đại học Bách khoa Hà Nội. Tại thời điểm đón vị thượng khách (Thủ tướng Đức), bà đã là Phó hiệu trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội và tích cực phát triển hợp tác quốc tế cho đến khi về hưu. Con trai bà, PGS TS Nguyễn Hữu Thanh, cũng có những bước tiến giống mẹ. Từ 1996 đến 2002 anh nhận học bổng DAAD để làm nghiên cứu sinh ngành Công nghệ thông tin ở Muenchen, hiện nay anh là Viện trưởng Viện Điện tử – Viễn thông tại Đại học Bách khoa Hà Nội – như mẹ mình ngày trước. Anh tin tưởng „trường lai của nghiên cứu“ nằm trong sự kết nối mang tính quốc tế.

Thưa bà Hà, là những „đứa trẻ Moritzburg“ hai ông bà đều đến CHDC Đức lần đầu tiên hồi 1955. Bà có thể kể lại vài kỷ ức?

Bà Hà: Tôi lúc đó mới 12 tuổi, rất khó khăn khi phải chia tay mẹ và cũng gần một năm sau tôi mới học được cách nguôi ngoai. Nhưng Moritzburg chào đón chúng tôi rất nồng ấm và để lại dấu ấn quyết định cho những năm kế tiếp. Nhiều hình ảnh từ thời đó khắc sâu vĩnh viễn trong ký ức của chúng tôi. Chúng tôi học tiếng Đức nhanh nhờ một cuốn sách giáo khoa soạn cho trẻ em Nga. Tôi còn nhớ rõ những chữ đầu tiên: „der Rabe (quạ)“, „der Affe (khỉ)“, „der Knabe (cậu bé)“ ...

Sau này ông bà còn được đào tạo nhiều lần ở CHDC Đức ...

Ông Đồng: Tôi học thợ nguội ở Radebeul. Sau khi quay về Việt Nam, cũng như vợ tôi, tôi học bổ túc ở Hà Nội để lấy bằng tú tài. Bác Hồ đã chỉ thị để những đứa trẻ Moritzburg quay lại CHDC Đức học đại học. Ban đầu tôi là cộng tác viên khoa học tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Năm 1965 tôi quay lại Đức để học Chế tạo máy công cụ ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Tôi tốt nghiệp năm 1970 và cưới vợ năm 1968 tại Việt Nam.

Bà Hà: Khi những đứa trẻ Moritzburg ngày trước quay lại CHDC Đức học đại học thì tôi đã bắt đầu học Vô tuyến điện tại Đại học Bách khoa Hà Nội, do đó tôi ở lại Việt Nam và mãi về sau, từ 1978 đến 1982, mới sang

làm nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Ilmenau.

Có nghĩa là bà và chồng luân phiên ở Đức chứ không bao giờ cùng nhau?

Bà Hà: Vâng, đúng thế, vì cũng không đơn giản. Nhưng hồi tôi làm nghiên cứu sinh bằng học bổng chính phủ CHDC Đức, chúng tôi có gặp nhau vài lần, chủ yếu trong thời gian chồng tôi thực tập ở Tiệp Khắc. Thanh, con trai chúng tôi, sống với ông bà.

Thưa anh Thanh, lúc mẹ đi Đức làm nghiên cứu sinh thì anh lên 7. Anh còn nhớ gì về thời gian đó không?

Anh Thanh: Có chứ, tôi nhớ chứ. Tôi rất nhớ mẹ và viết nhiều thư cho mẹ ...

Bà Hà: ... và tôi còn giữ tất cả! Tôi cũng viết mỗi tuần một lá, chỉ tiếc là gần hai tháng sau mới nhận được hồi âm.

Ông bà ứng dụng những kiến thức học bên Đức tại Việt Nam ra sao?

Ông Đồng: Sau khi tốt nghiệp đại học ở Dresden tôi làm kỹ sư máy công cụ tại Nhà máy công cụ Hà Nội. Tôi là Phó giám đốc ở đó cho đến khi nghỉ hưu. So với các đồng nghiệp của mình tôi được đào tạo ở Dresden theo định hướng thực tiễn rất tốt. Điều đó mang lại rất nhiều lợi thế cho suốt cuộc đời sự nghiệp của tôi.





Anh Thanh: Tôi cũng có thể nói như thế về mình. Sau khi học xong Kỹ thuật thông tin ở Đại học Bách khoa Hà Nội, tôi có điều kiện đi thực tập kết hợp nửa năm tại Đại học Khoa học Ứng dụng Muenchen và Công ty Siemens. Bên cạnh những ảnh hưởng từ bố mẹ, đây là giai đoạn đặt nền móng cho tương lai của tôi. Năm 1997 tôi bắt đầu viết luận án tiến sĩ về Công nghệ thông tin tại Đại học Tổng hợp Quân sự ở Muenchen bằng học bổng DAAD. Ban đầu đây là một thách thức lớn với tôi. Tôi phải học bổ sung nhiều môn cơ bản quan trọng để được phép làm nghiên cứu sinh. Ngoài ra, việc phải tự bố trí gặp thầy hướng dẫn để xin tư vấn là một điều hoàn toàn mới lạ với tôi.

Có vẻ như kỹ thuật điện tử thích hợp với gia đình mình?

Anh Thanh: Ngẫu nhiên thôi. Với tôi thì đơn giản đó là môn phù hợp, sau này tôi đi chuyên sâu về Công nghệ thông tin. Và vợ tôi, Ngô Quỳnh Thu, cũng làm nghiên cứu sinh môn Công nghệ thông tin tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Berlin.

Bà Hà: Sau khi học xong tôi làm giảng viên tại Đại học Bách khoa Hà Nội, sau đó thành Trưởng khoa Điện tử – Viễn thông. Từ 1994 đến 1999 tôi giữ chức Hiệu phó phụ trách hợp tác quốc tế. Thời gian đó tôi nỗ lực xây dựng chương trình trao đổi với các trường đại học Đức. Ví dụ như ký kết thỏa thuận trao đổi sinh viên giữa Đại học Bách khoa với Đại học Khoa học Ứng dụng Muenchen. Để phát triển một trường đại học, hợp tác quốc

tế là cực kỳ quan trọng. Và dĩ nhiên tôi rất chú trọng các quan hệ với Đức.

Điều đó được thể hiện rõ trong sự chuẩn bị cho một dự án vô cùng quan trọng ...

Bà Hà: Vâng, đó là dự án xây dựng Trung tâm Việt-Đức (VDZ) tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Thủ tướng Đức thời đó, Helmut Kohl, đã đưa ra ý tưởng này khi sang Việt Nam và cũng thăm Đại học Bách khoa Hà Nội lần đầu tiên năm 1995. Ban đầu địa điểm Trung tâm còn để ngỏ. Sau đó, lãnh đạo Đại học Bách khoa chúng tôi rất nỗ lực kéo Trung tâm về trường mình. Đại sứ quán Đức và DAAD do bà TS Klaus và ông TS Bode đại diện hết sức ủng hộ đề xuất này. Rốt cuộc, năm 1997 chúng tôi bắt đầu xây dựng VDZ và 1999 thì khai trương Trung tâm như tâm điểm tương lai của sự nghiệp trao đổi hàn lâm giữa Đại học Bách khoa Hà Nội và các trường đại học Đức. Cho đến nay đã tiến hành được nhiều hoạt động ở VDZ và từ 2003 DAAD đã lập Văn phòng đại diện Việt Nam tại đây.

Thưa anh Thanh, anh viết luận án tiến sĩ ở Đức và năm 2002 quay về Đại học Bách khoa Hà Nội. Anh đã đem về những quan hệ khoa học nào từ Đức?

Anh Thanh: Sau thời gian nghiên cứu sinh, tôi có may mắn được nghiên cứu hai năm trong một nhóm nghiên cứu thuộc Viện Fraunhofer và cho đến nay tôi vẫn giữ mối liên lạc với họ. Ngoài ra, tôi còn có quan hệ khoa học với nhiều nước trên thế giới. Hiện

nay trường Đại học Bách khoa Hà Nội là một mắt xích trong một dự án hợp tác trao đổi do DAAD hỗ trợ và tôi là người phụ trách phía Việt Nam. Trong mạng lưới này, chúng tôi hợp tác với Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Berlin, với Nam Phi, Thái Lan và Chile. Tương lai của nghiên cứu nằm trong sự kết nối mang tính quốc tế như vậy.

Bà Hà: Trung tâm Việt-Đức trong tương lai sẽ đóng vai trò mạnh mẽ hơn nữa trong các hợp tác như thế. Đó là mong muốn của tôi, để thêm nhiều nhà khoa học Đức tìm đến Việt Nam và chúng tôi lại được tiến hành nhiều chương trình trao đổi hơn nữa với các cơ quan đối tác.

Theo ông, bà và anh, điều gì khiến nước Đức là nơi đáng chọn để học tập và nghiên cứu?

Bà Hà: Thời gian tôi ở Moritzburg và Ilmenau rất quý báu cho cả cuộc đời tôi sau đó. Trên con đường học hành, chúng tôi đã đi một số đường vòng mà nếu điều đó không xảy ra có lẽ chúng tôi đã tiết kiệm được một chút thời gian. Tuy nhiên, khi nhìn lại thì toàn bộ quãng đường đó đều quan trọng cho việc phát triển cá nhân của chúng tôi. Đặc biệt đối với tôi, học tiếng Đức là một lợi thế lớn, vì qua đó tôi tiếp cận được tài liệu khoa học mới nhất và học tiếng Anh cũng trở nên dễ dàng hơn nhiều.

Anh Thanh: Nhiều sinh viên của tôi thấy châu Âu là nơi hấp dẫn để học tập và nghiên cứu, mặc dù khả năng xin học bổng hạn chế hơn so với Hàn Quốc và Nhật Bản. Tôi thích chia sẻ kinh nghiệm Đức của mình với sinh viên của tôi và họ luôn hỏi tôi về sinh hoạt và học tập ở Đức.

Bà Hà: Con trai út của chúng tôi đang sống ở Tp. Hồ Chí Minh. Dù chưa bao giờ tới Đức nhưng cháu rất muốn con trai mình sang Đức học đại học. Vì thế cháu tôi đi vườn trẻ Đức ...

Ông Đồng: Về mặt trật tự, đúng giờ và ý thức trách nhiệm thì nước Đức mãi mãi là tấm gương cho tôi. Chúng tôi là những „người Đức Việt“.

PGS TS Phạm Minh Hà (Mẹ)

- là một trong những „đứa trẻ Moritzburg“, học phổ thông ở Dresden từ 1955 đến 1959,
- học nghề tại Carl Zeiss ở Jena từ 1959 đến 1962,
- học Vô tuyến điện tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1964 đến 1968,
- nghiên cứu sinh tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Ilmenau từ 1978 đến 1982,
- là giảng viên và Trưởng khoa Điện tử - Viễn thông từ 1984 đến 1994, Hiệu phó ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1994 đến 1999,
- phụ trách „BK Network Information Center“ của ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1999 đến 2007.

Nguyễn Hữu Đồng (Bố)

- là một trong những „đứa trẻ Moritzburg“, học phổ thông ở Dresden từ 1955 đến 1959,
- học công nhân kỹ thuật nguội ở Radebeul từ 1959 đến 1962,
- học Chế tạo máy tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1965 đến 1970,
- từ 1970 đến 2000 làm kỹ sư Chế tạo máy sau đó là Phó giám đốc Nhà máy công cụ Hà Nội.

PGS TS Nguyễn Hữu Thanh (Con trai)

- học Kỹ thuật thông tin tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1988 đến 1995,
- thực tập tại ĐH Khoa học Ứng dụng Muenchen và tại Công ty Siemens năm 1994,
- làm nghiên cứu sinh ngành Công nghệ thông tin tại ĐH Tổng hợp Quân sự, Muenchen từ 1996 đến 2002,
- là cộng tác viên khoa học tại Viện Fraunhofer Berlin từ 2002 đến 2003,
- là giảng viên đại học từ 2005, Trưởng bộ môn từ 2008 và Viện trưởng Viện Điện tử – Viễn thông của ĐH Bách khoa Hà Nội từ 2014.



Von Dingen, die man nur in Deutschland findet

Interview mit Frau Prof. Dr. Nguyễn Thanh Thuyét und ihrem Sohn Prof. Dr. Mai Thanh Tùng am 17. Januar 2015 in Hanoi

Was macht eine Universität zu einer guten Universität? Sowohl in Deutschland als auch in Vietnam ist dies eine kontrovers diskutierte Frage. Das deutsche Hochschulwesen ist traditionell vom Humboldt'schen Ideal der „Einheit von Forschung und Lehre“ geprägt. In der gegenwärtigen „Ökonomisierung“ der Hochschulen und dem zunehmenden Gewicht der Industrieforschung sehen manche Deutsche eine Bedrohung dieses Ideals, während andere die Trennung von Forschung und Lehre sogar fordern. In Vietnam, wo traditionell die Hochschulen für die Lehre und die Akademien der Wissenschaften für die Forschung zuständig sind, ist es genau umgekehrt: Hier gibt es das Bestreben, die Trennung von Forschung und Lehre zu überwinden – z. B. durch mehr universitäre Industrieforschung, verbunden mit einer praxisnäheren Ausbildung. Diese Strategie verfolgt die TU Hanoi, wo Prof. Dr. Mai Thanh Tùng Leiter des Instituts für Elektrochemie und stellvertretender Leiter des „International Cooperation Department“ ist. Seitdem er von 1999 bis 2003 an der Universität Düsseldorf promovierte, steht für ihn fest: Manche Dinge – das Humboldt'sche Ideal einerseits, den Praxis- und Wirtschaftsbezug andererseits – kann man in dieser Form nur in Deutschland finden. Seine Mutter, Prof. Dr. Nguyễn Thanh Thuyét, die von 1980 bis 1984 an der TU Dresden promovierte und das Institut für Elektrochemie der TU Hanoi ihrerseits zwei Jahrzehnte lang leitete, sieht das ähnlich. Und weiß noch mehr Dinge zu nennen, die Deutschland aus ihrer Sicht einzigartig machen.

Frau Thuyét, Herr Tung – Sie sind beide Elektrochemiker und haben beide in Deutschland promoviert. Ist das ein Zufall?

Mai Thanh Tùng: Wahrscheinlich nicht. Der berufliche Werdegang meiner Mutter beeinflusste mich durchaus, nicht nur mit Blick auf die Promotion in Deutschland, sondern auch hinsichtlich des Fachs. Für mich war immer die Anwendung wissenschaftlicher Erkenntnisse in der Praxis wichtig. Die Wahl meines Fachs und auch die Entscheidung, nach dem Masterstudium in Schweden zur Promotion nach Deutschland zu gehen, haben mir genau das ermöglicht.

Nguyễn Thanh Thuyét: Ich hatte bereits Elektrochemie an der TU Hanoi studiert, als ich mich 1979 um eine Promotion im Ausland bewarb. 1980 war es dann soweit: Nachdem ich die nötigen Prüfungen erfolgreich absolviert hatte, wurde ich für eine Promotion an der TU Dresden ausgewählt. Meine durchweg guten Erfahrungen in Deutschland – akademisch wie persönlich – haben mich dann sehr geprägt und das habe ich natürlich an meinen Sohn weitergegeben.

Können Sie diese „Prägung“ näher beschreiben?

Nguyễn Thanh Thuyét: Zuallererst war ich sehr glücklich, in der DDR promovieren zu dürfen, weil das damals das entwickeltste sozialistische Land war, während Vietnam sich noch auf einem niedrigen Entwicklungsstand befand. Zugleich habe ich in der DDR gelernt, Herausforderungen anzunehmen und zu meistern, wie z. B. das Erlernen der deutschen Sprache. Auch wissenschaftlich habe ich dort enorm viel gelernt, vor allem wissenschaftliche Untersuchungsmethoden und den Umgang mit modernem Equipment. Für meine spätere Tätigkeit als Dozentin an der TU Hanoi waren nicht zuletzt die akademischen Kontakte, die ich in Deutschland knüpfen konnte, von großer Bedeutung. Diese habe ich mein ganzes Berufsleben lang gepflegt. Außerdem konnte ich mithilfe von DAAD-Wiedereinladungsstipendien zu drei weiteren Forschungsaufenthalten nach Deutschland reisen. Auf diese Weise lernte ich noch andere deutsche Hochschulen wie die Universität Düsseldorf kennen.

Herr Tùng, zwei Jahre nach dem ersten Forschungsaufenthalt Ihrer Mutter an der Universität Düsseldorf haben Sie begonnen, dort zu promovieren. Das war sicher auch kein Zufall?

Mai Thanh Tùng (lacht): Nein, denn durch meine Mutter wusste ich viel über die Forschungsinhalte dieser Universität. Vor allem der dortige enge Praxisbezug und erfolgreiche Technologietransfer haben mich fasziniert. Also bemühte ich mich um ein Stipendium, das ich schließlich von der Daimler-Benz-Stiftung erhielt. Und ich wurde als erster Vietnamese in die Forschungsgruppe meines damaligen Betreuers aufgenommen. Von meiner Mutter hatte ich wertvolle Hinweise für die Bewerbung bekommen, und so wusste ich, dass vor allem eigene Ideen und Eigeninitiative gefragt waren.



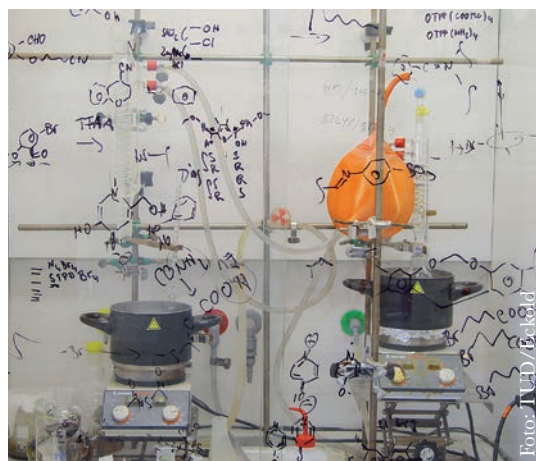
Nguyễn Thanh Thuyết: Ich muss unbedingt hinzufügen, dass ich dem Professor, der dann der Doktorvater meines Sohnes wurde und den ich persönlich sehr gut kannte, kein Wort über die Bewerbung meines Sohnes gesagt habe. Erst als die Entscheidung gefallen war, teilte ich es ihm mit. Ich wollte, dass mein Sohn sich seinen Weg ohne Protektion erschließt, allein mit seinem Wissen und seiner Persönlichkeit, und das ist ihm gelungen.

Herr Tùng, Sie haben in zwei europäischen Ländern, in Schweden und Deutschland, studiert. Was war der Grund für die Orientierung nach Deutschland?

Mai Thanh Tùng: An deutschen Hochschulen gibt es vielfach einen hervorragenden Wirtschaftsbezug. Es war seit jeher mein Wunsch, mit deutschen Unternehmen zusammenzuarbeiten und Industrieforschung zu betreiben. Das konnte ich in dieser Form nur in Deutschland finden und davon profitiere ich bis heute.

Inwiefern?

Mai Thanh Tùng: Die meisten meiner Kommilitonen der damaligen Forschungsgruppe in Düsseldorf sind heute bei deutschen Unternehmen tätig. Ich habe weiterhin guten Kontakt zu ihnen und kann mich immer mit ihnen zu neuen Forschungserkenntnissen, -methoden und Produkten austauschen oder mich von ihnen beraten lassen. Das hilft mir enorm bei meiner aktuellen Tätigkeit.



An der TU Hanoi arbeiten Sie parallel in zwei verschiedenen Bereichen?

Mai Thanh Tùng: Ja, zum einen am Institut für Elektrochemie, wo ich mit Lehre und Forschung befasst bin und viele Industriekontakte für die TU Hanoi etabliert habe. Zum anderen bin ich stellvertretender Leiter des „International Cooperation Department“ der TU Hanoi. Auch dafür sind meine Erfahrungen, Sprachkenntnisse und Kontakte in Deutschland von großem Nutzen.

Was verlangen Sie von Ihren Studenten und Doktoranden?

Mai Thanh Tùng: Nichts, was ich nicht selbst leisten könnte. Vor allem eigene Ideen und selbstständiges Arbeiten. Die Einheit von Forschung und Lehre und die Freiheit der Forschung, die ich in Deutschland kennenlernte, sind ein hohes Gut, das mich in meiner Arbeit hier leitet. Ich motiviere meine Studenten und berate sie auch in ihrer Studien- und Berufsplanung. Denn je nachdem, ob man in die Forschung oder in die Industrie geht, braucht man unterschiedliche Qualitäten. Nicht zuletzt muss man ein guter Netzwerker sein, auch das habe ich in Deutschland gelernt.

Womit ermutigen Sie junge Nachwissenschaftler, zur Promotion nach Deutschland zu gehen?

Nguyễn Thanh Thuyết: Deutschland ist führend in Wissenschaft und Wirtschaft, die Universitäten sind breit aufgestellt und haben einen ausgezeichneten Ruf. Nicht nur fachlich, sondern auch methodisch kann man viel von den Deutschen lernen.



Mai Thanh Tùng: Ich schätze ganz besonders die Arbeitsweise der Deutschen: Disziplin, Präzision und eine gute Planung sind der Schlüssel zum beruflichen und wissenschaftlichen Erfolg. Und neben all den fachlichen und wissenschaftlichen Argumenten für den Wissenschafts- und Technologiestandort ist Deutschland einfach ein schönes und lebenswertes Land mit eindrucksvoller Natur und Landschaft, mit vielen Traditionen und Festen, mit freundlichen, offenen Menschen.

Ein kurzer Blick in die Zukunft?

Mai Thanh Tùng: Mein elfjähriger Sohn schwärmt für deutsche Autos und die deutsche Automobilindustrie. Er will unbedingt nach Deutschland. Ich lasse ihn frei entscheiden, aber es besteht die berechtigte Hoffnung, dass er die Familientradition fortführt.

Prof. Dr. Nguyễn Thanh Thuyết (Mutter)

- studierte von 1964 bis 1968 Elektrochemie an der TU Hanoi,
- promovierte von 1980 bis 1984 im Fach Elektrochemie an der TU Dresden,
- war von 1968 bis 2005 als Hochschullehrerin am Institut für Elektrochemie der TU Hanoi tätig, ab 1986 als Leiterin,
- forschte 1993 als Gastwissenschaftlerin an der TU Dresden (Förderung durch den DAAD),
- forschte 1997 und 2001 als Gastwissenschaftlerin an der Universität Düsseldorf (Förderung durch den DAAD).

Prof. Dr. Mai Thanh Tùng (Sohn)

- studierte von 1990 bis 1995 Elektrochemie an der TU Hanoi,
- absolvierte von 1996 bis 1998 ein Masterstudium der Materialwissenschaft an der Universität Göteborg in Schweden,
- promovierte von 1999 bis 2003 als Stipendiat der Daimler-Benz-Stiftung im Fach Elektrochemie an der Universität Düsseldorf,
- ist seit 2003 als Dozent und Forscher am Institut für Elektrochemie der TU Hanoi tätig,
- forschte 2005 als Gastwissenschaftler an der TU Graz (Förderung durch den ÖAAD),
- forschte 2008 als Gastwissenschaftler an der TU Dresden (Förderung durch den DAAD),
- ist seit 2011 Leiter des Instituts für Elektrochemie der TU Hanoi,
- ist seit 2009 stellvertretender Leiter des „International Cooperation Department“ der TU Hanoi.



Những gì chỉ có thể tìm thấy ở nước Đức

Phỏng vấn PGS TS Nguyễn Thanh Thuyết và con trai, PGS TS Mai Thanh Tùng ngày 17/1/2015 tại Hà Nội

Điều gì biến một trường đại học thành một trường đại học tốt? Đây là câu hỏi đang được tranh luận đa chiều ở Đức cũng như ở Việt Nam. Nền giáo dục đại học Đức mang dấu ấn truyền thống từ tư tưởng của Humboldt „Thống nhất nghiên cứu và giảng dạy“. Một số người Đức cho rằng quá trình „kinh tế hóa“ các trường đại học hiện nay và tăng cường nghiên cứu trong công nghiệp là nguy cơ đe dọa tư tưởng trên, thậm chí một số khác yêu cầu tách rời nghiên cứu và giảng dạy. Ngược lại với Việt Nam, nơi các trường đại học có truyền thống giảng dạy và các viện nghiên cứu khoa học có nhiệm vụ nghiên cứu, người ta nỗ lực xóa bỏ sự phân tách nghiên cứu và giảng dạy. Ví dụ: Tăng cường nghiên cứu trong công nghiệp, kết hợp đào tạo sát với thực tế hơn. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, nơi PGS TS Mai Thanh Tùng là Trưởng bộ môn Điện Hóa và Phó trưởng phòng Hợp tác quốc tế, đang theo đuổi chiến lược này. Từ 1999 tới 2003, khi còn làm nghiên cứu sinh ở Đại học Tổng hợp Düsseldorf anh đã xác định rõ: Có nhiều thứ – một mặt là tư tưởng của Humboldt, mặt khác là mối liên hệ với kinh tế – chỉ có thể tìm được ở Đức. Mẹ anh, PGS TS Nguyễn Thanh Thuyết, từng làm nghiên cứu sinh ở Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1980 đến 1984 và đã phụ trách bộ môn Điện Hóa tại Đại học Bách khoa Hà Nội trong hai thập niên qua, cũng nghĩ như vậy. Ngoài ra, bà còn có thể kể ra nhiều điều mà theo bà, nó đã tạo nên một nước Đức độc nhất vô nhị.

Thưa bà Thuyết, thưa anh Tùng, cả hai mẹ con đều theo ngành Điện Hóa và cùng làm nghiên cứu sinh ở Đức. Đó có phải là sự lựa chọn ngẫu nhiên?

Anh Tùng: Có lẽ không ngẫu nhiên. Rõ ràng con đường sự nghiệp của mẹ tôi có tác động đến tôi, không chỉ xét về việc làm nghiên cứu sinh ở Đức mà cả về chuyên môn. Tôi vẫn luôn luôn coi trọng sử dụng kiến thức khoa học trong thực tế. Chính việc lựa chọn ngành học của tôi cũng như quyết định sang làm nghiên cứu sinh ở Đức sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ ở Thụy Điển đã giúp tôi thực hiện được điều đó.

Bà Thuyết: Tôi đã học xong Kỹ thuật Điện Hóa tại Đại học Bách khoa Hà Nội khi nộp hồ sơ làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài năm 1979. Năm 1980 hoàn tất thủ tục: Sau khi vượt qua các kỳ thi cần thiết, tôi được chọn đi làm nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Những trải nghiệm quý báu trên nước Đức về mặt học thuật cũng như cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đến tôi và tất nhiên tôi cũng truyền điều đó lại cho con trai mình.

Bà có thể nói kỹ hơn một chút về sự ảnh hưởng này được không?

Bà Thuyết: Trước hết, tôi rất sung sướng khi được chọn đi làm nghiên cứu sinh ở CHDC Đức – một nước xã hội chủ nghĩa phát triển nhất ngày ấy, trong khi Việt Nam còn ở mức phát triển chậm. Trong thời gian ở CHDC Đức tôi cũng học được cách vượt

qua các thử thách, ví dụ như học tiếng Đức. Về mặt khoa học tôi cũng học được rất nhiều ở đó, trước hết là các phương pháp nghiên cứu khoa học và cách sử dụng các trang thiết bị hiện đại. Những mối quan hệ trong công tác khoa học mà tôi đã tạo lập được ở Đức ngày đó có ý nghĩa rất quan trọng cho công việc giảng dạy của tôi tại Đại học Bách khoa Hà Nội sau này. Tôi vẫn gìn giữ các mối quan hệ ấy trong suốt sự nghiệp của mình. Ngoài ra, với Chương trình học bổng mời lại của DAAD, tôi được sang Đức nghiên cứu ba lần. Qua đó tôi có điều kiện làm quen và tìm hiểu thêm các trường đại học khác của Đức, ví dụ như Đại học Tổng hợp Düsseldorf.

Thưa anh Tùng, hai năm sau thời điểm mẹ anh tham gia chương trình nghiên cứu đầu tiên tại Đại học Tổng hợp Düsseldorf, anh cũng bắt đầu làm nghiên cứu sinh ở đó? Chắc chắn cũng không phải ngẫu nhiên?

Anh Tùng (cười): Không, vì qua mẹ, tôi biết nhiều về các lĩnh vực nghiên cứu của Đại học Tổng hợp Düsseldorf. Trước hết tôi thực sự bị thuyết phục bởi sự kết hợp chặt chẽ với thực tiễn và các quá trình chuyển giao công nghệ thành công. Do vậy tôi phấn đấu để tìm học bổng và rốt cuộc được nhận học bổng từ Quỹ Daimler Benz. Tôi là sinh viên Việt Nam đầu tiên được thầy hướng dẫn của tôi ngày ấy nhận vào nhóm nghiên cứu. Mẹ tôi đã cho tôi nhiều lời khuyên rất hữu ích trong việc tìm kiếm học bổng và tôi biết rằng ý tưởng riêng cũng như phát kiến chủ động luôn được đánh giá cao nhất.



Bà Thuyết: Tôi nhất định phải nói thêm là tôi đã không kể gì với giáo sư – người sau này trở thành thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh cho con tôi và cũng là người mà tôi rất thân quen – về việc con trai tôi dự tuyển. Mãi sau khi có quyết định chính thức, tôi mới nói cho ông ấy biết. Tôi muốn con trai mình tự khai phá đường đi, không cần bảo trợ mà chỉ dựa vào kiến thức bản thân mình. Và con trai tôi đã thành công.

Thưa anh Tùng, anh đã học ở hai nước châu Âu khác nhau là Thụy Điển và Đức? Lý do vì sao anh lại chuyển hướng sang Đức?

Anh Tùng: Các trường đại học của Đức gắn liền với nền kinh tế. Tôi vẫn luôn mong muốn được hợp tác với các doanh nghiệp Đức và theo đuổi nghiên cứu trong công nghiệp. Phương thức chỉ có thể tìm thấy ở Đức và tôi vẫn được hưởng lợi từ điều đó cho tới ngày nay.

Cụ thể ra sao?

Anh Tùng: Đa phần các bạn học của tôi trong cùng nhóm nghiên cứu thời đó ở Düsseldorf hiện làm việc cho các doanh nghiệp Đức. Tôi vẫn có mối liên hệ rất tốt và trao đổi thường xuyên với các bạn về các kết quả nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu và các sản phẩm mới, hoặc được họ tư vấn. Điều đó thực sự có ích cho công việc hiện nay của tôi.



Ở Đại học Bách khoa Hà Nội, anh làm việc cùng lúc trong hai lĩnh vực khác nhau?

Anh Tùng: Vâng, đúng vậy. Trước hết là công việc ở Viện Kỹ thuật Điện Hóa, nơi tôi giảng dạy và nghiên cứu, cũng là nơi tôi tạo lập được nhiều mối quan hệ với các đơn vị công nghiệp cho trường. Bên cạnh đó là vai trò Phó trưởng phòng Hợp tác quốc tế của Đại học Bách khoa Hà Nội. Kinh nghiệm, kiến thức ngoại ngữ và các mối quan hệ của tôi ở Đức cũng rất có ích cho công tác này.

Anh đòi hỏi gì ở các sinh viên và nghiên cứu sinh của mình?

Anh Tùng: Không đòi hỏi điều mà chính tôi không làm được. Trước hết tôi đòi hỏi phải có ý tưởng và làm việc độc lập. Sự thống nhất giữa nghiên cứu và giảng dạy và sự tự do trong nghiên cứu mà tôi học được từ nước Đức là những giá trị quý báu và nó là kim chỉ nam cho tôi trong công việc. Tôi động viên sinh viên của mình và cũng tư vấn cho các em trong việc lên kế hoạch học tập và chuẩn bị vào nghề. Vì tùy vào hướng đi theo nghiên cứu hay theo công nghiệp mà người ta cần những chất lượng khác nhau. Không những thế, mỗi người phải là một mắt xích tốt trong mạng lưới liên kết, điều này tôi cũng học được ở Đức.

Bà và anh nói gì để khuyến khích các nhà khoa học trẻ sang Đức làm nghiên cứu sinh?

Bà Thuyết: Đức là một nước hàng đầu về khoa học và kinh tế, các trường đại học Đức đã có truyền thống và có tên tuổi. Người ta có thể học hỏi nhiều từ người Đức, không chỉ trong chuyên môn mà cả về phương pháp.



**PGS TS Nguyễn Thanh Thuyết
(Mẹ)**

- học ngành Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1964 đến 1968,
- làm nghiên cứu sinh ngành Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1980 đến 1984,
- giảng viên từ 1968 đến 2005, Trưởng bộ môn Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1986,
- nghiên cứu tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden (DAAD tài trợ) 1993,
- nghiên cứu tại ĐH Tổng hợp Düsseldorf (DAAD tài trợ) năm 1997 và 2001.

**PGS TS Mai Thanh Tùng
(Con trai)**

- học Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1990 đến 1995,
- học thạc sĩ ngành Khoa học vật liệu tại ĐH Tổng hợp Göteborg, Thụy Điển từ 1996 đến 1998,
- làm nghiên cứu sinh ngành Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Tổng hợp Düsseldorf bằng học bổng của Quỹ Daimler Benz từ 1999 đến 2003,
- giảng viên và nhà nghiên cứu tại Bộ môn Kỹ thuật Điện Hóa, ĐH Bách khoa Hà Nội từ 2003,
- nghiên cứu tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Graz bằng học bổng ÖAAD,
- nghiên cứu tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden bằng học bổng DAAD,
- Trưởng bộ môn Kỹ thuật Điện Hóa tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ năm 2011,
- Phó trưởng phòng Hợp tác quốc tế của ĐH Bách khoa Hà Nội từ 2009.

Anh Tùng: Tôi đặc biệt đánh giá cao cách làm việc của người Đức: Kỷ luật, chính xác và lập kế hoạch tốt là chìa khóa thành công trong nghề nghiệp cũng như trong khoa học. Không chỉ là một địa danh về khoa học – công nghệ với những ưu điểm chuyên môn và khoa học vượt trội, Đức còn là một quốc gia đẹp, đáng sống với nhiều truyền thống và lễ hội, với những con người thân thiện và cởi mở.

Anh có thể nói ngắn gọn về tương lai?

Anh Tùng: Con trai mười một tuổi của tôi đặc biệt mê ô tô Đức và công nghiệp ô tô Đức. Cháu muốn sang Đức bằng được. Tôi để cháu tự quyết định, nhưng cũng có cơ sở để hy vọng cháu sẽ tiếp nối truyền thống của gia đình.



Ein Leben im Dienste des akademischen Austauschs

Interview mit Frau Nguyễn Thị Minh Nguyệt und ihrem Sohn Prof. Dr. Nguyễn Đắc Trung am 27. Januar 2015 in Hanoi

Sie war erst acht Jahre alt, als sie 1956 als „Moritzburgerin“ nach Dresden kam. Für das kleine Mädchen war das eine Stadt in einem unvorstellbar fernen Land. Vier Jahre später war Nguyễn Thị Minh Nguyệt so von Deutschland geprägt, dass es ihr für immer nahe blieb. Ihr Traum von einer Promotion in ihrem Sehnsuchtsland erfüllte sich nicht, wohl aber der Traum von einer Rückkehr dorthin. Und nachdem sie zuvor fast zwei Jahrzehnte lang als Dozentin für Maschinenbau an der TU Hanoi tätig gewesen war, steht ihr Leben seit 1995 – also wiederum seit zwei Jahrzehnten – im Dienste des akademischen Austauschs. Als Mitarbeiterin des „International Cooperation Department“ der TU Hanoi brachte sie Austauschprogramme mit deutschen Hochschulen auf den Weg; es folgten lange Jahre der Mitarbeit an der Außenstelle Hanoi des DAAD; und seit 2011 leitet sie die Deutschabteilung am Vietnamesisch-Deutschen Zentrum (VDZ) der TU Hanoi. Ihr Sohn, Prof. Dr. Nguyễn Đắc Trung, ist Maschinenbauer wie die Mutter und lernte deren zweite Heimat während eines Praktikums in München näher kennen. Von 1999 bis 2004 promovierte er als DAAD-Stipendiat an der TU Dresden, um sich als Hochschullehrer an der TU Hanoi nun seinerseits für den akademischen Austausch zu engagieren. Sein besonderer Wunsch: Vietnam für deutsche Wissenschaftler und Studierende noch attraktiver zu machen.

Frau Nguyệt, als „Moritzburgerin“ haben Sie einen wichtigen Teil Ihrer Kindheit in der DDR verbracht – eine lebenslange Prägung?

Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Ja, diese Jahre waren bestimmend für mein ganzes weiteres Leben. Ich war erst acht Jahre alt, als ich 1956 nach Dresden kam. Deutschland, das war für uns – besonders für die Kleinen unter uns – unvorstellbar weit weg. Ich konnte damals auch nicht die zeitliche Dimension erfassen: was es bedeuten würde, mehrere Jahre von der Familie getrennt zu sein. Erst nach und nach begann ich zu begreifen, dass es sehr weit weg gehen und sehr lange dauern würde, bis wir wieder heimkommen würden. Das war schwer, aber unsere Erzieherinnen und Lehrer ersetzten uns in der Ferne die Familie. Innerhalb unserer Gruppen und Zimmer haben wir sehr zusammengehalten. Deutsch habe ich schnell gelernt, parallel dazu wurden wir auch auf Vietnamesisch unterrichtet, damit wir unsere Muttersprache nicht vergaßen. Ich erinnere mich, dass wir nach unserer Rückkehr nach Vietnam 1960 zunächst wieder ans vietnamesische Schulsystem herangeführt wurden und vor allem Vietnamesisch lernten. In allen anderen Fächern hatten wir jedoch beste Ergebnisse, weil wir sehr fundierte Fachkenntnisse aus unserer Schulzeit in der DDR mitgebracht hatten.

Nguyễn Đắc Trung: Meine Mutter hat immer viel über ihre Jahre in Deutschland erzählt. Vor allem, wenn ich ihre Fotos betrachtete, war Deutschland für mich ein wunderschönes Land, in das ich unbedingt einmal reisen wollte.

Und das haben Sie auch geschafft ...

Nguyễn Đắc Trung: Nach dem Maschinenbaustudium an der TU Hanoi konnte ich zunächst ein sechsmonatiges Praktikum an der FH München und bei einem ihrer Wirtschaftspartner, nämlich BMW, absolvieren. Das war schlichtweg die Erfüllung eines Traumes, wenngleich der Weg dorthin mehr als herausfordernd war. An der TU Hanoi unterrichten zahlreiche Alumni deutscher Hochschulen. Auch einer meiner Lehrer gehörte dazu, und der hatte mich ermutigt, diesen Weg zu gehen. „Maschinenbau muss man in Deutschland studieren“, waren seine Worte. Also bereitete ich mich über zwei Jahre lang darauf vor, lernte Deutsch und bewarb mich um das Praktikum. Mit Erfolg.

Was haben Sie in München besonders geschätzt?

Nguyễn Đắc Trung: Den Praxisbezug der dortigen Fachhochschulausbildung: ein Teil Theorie, zwei Teile Praxis. Ich konnte das Gelernte immer direkt in die Praxis umsetzen, das war toll. Ich sah, dass die Ergebnisse der akademischen Forschung von BMW tatsächlich genutzt wurden. Ich lernte, was es heißt, eigenständig zu arbeiten und trotzdem Teil einer internationalen Studierendengruppe zu sein. Und ich hatte dort eine exzellente Betreuung.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Ich habe meinem Sohn immer Mut gemacht, diesen Schritt nach Deutschland zu wagen. Er hat sich der Herausforderung gestellt, auch wenn es ihm anfangs tausendmal schwerer vorkam, als ich es ihm klarzumachen versucht hatte.





Herr Trung, die Herausforderungen haben Sie also nicht abgeschreckt?

Nguyễn Đắc Trung: Im Gegenteil – denn ich wusste, wie ich weitergehen wollte. Nach der Rückkehr nach Vietnam absolvierte ich zunächst noch ein Masterstudium im Fach Maschinenbau an der TU Hanoi. Bereits in dieser Zeit konnte ich meine Kenntnisse aus Deutschland zu Anwendung bringen, und meine Professoren waren dafür sehr aufgeschlossen. Zudem hatte ich schon während meines Praktikums in München eine Idee für mein späteres Forschungsprojekt, für meine wissenschaftliche Karriere entwickelt.

Warum wollten Sie Hochschullehrer werden und sind nicht z. B. in die Industrieforschung gegangen?

Nguyễn Đắc Trung: Meine Mutter war mir hier ein großes Vorbild, denn sie war auch Hochschullehrerin. Und ich wollte unbedingt die neuen Lehrmethoden vermitteln, die ich in Deutschland kennengelernt hatte.

Wie unterrichten Sie heute an der TU Hanoi?

Nguyễn Đắc Trung: In meinem Unterricht versuche ich, wo immer es geht, konkrete

Beispiele anzuführen, Gruppenarbeit zu praktizieren und die Problemlösefähigkeit meiner Studenten zu fördern. Eine gute Betreuung gehört natürlich auch dazu. Das habe ich während meiner Promotion an der TU Dresden erfahren, wie enorm wichtig es ist, einen guten Betreuer zu haben.

Woran bemerken Sie den Erfolg Ihrer Lehrmethoden?

Nguyễn Đắc Trung: Meine Studenten begegnen mir stets aufgeschlossen und wissbegierig und geben mir ein sehr positives Feedback. Und, was nicht unwichtig ist – sie finden nach dem Studium alle einen guten Job.

Frau Nguyệt, wie haben Sie den Kontakt zu Deutschland aufrechterhalten?

Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Nach dem Schulabschluss studierte ich von 1964 bis 1969 Maschinenbau in der Vertiefungsrichtung Umformtechnik an der TU Hanoi. Dieses Studium konnte ich mit sehr guten Ergebnissen abschließen, und das war quasi die Fahrkarte für eine Festanstellung als Hochschuldozentin an der TU. Ich war gerne Dozentin, habe Anfang der 1980er-Jahre noch meinen Master gemacht und wollte dann in Deutschland promovieren. Doch stattdessen sollte ich zum Promovieren nach Russland geschickt werden! Also verzichtete ich auf die Promotion – aber die Sehnsucht nach Deutschland verließ mich nie. 1987 bot sich mir dann die Gelegenheit, als Leiterin einer Gruppe Vertragsarbeiter nach Wernigerode zu gehen. Diese Möglichkeit habe ich mir selber erkämpft, denn eigentlich war ich als Hochschullehrerin nicht für eine Gruppenleitertätigkeit vorgesehen. Aber in dem Vorstellungsgespräch war ich wohl sehr überzeugend, und so konnte ich mir den Traum von einer Rückkehr nach Deutschland schließlich doch noch erfüllen.

Wie war Ihre zweite Rückkehr nach Vietnam?

Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Wieder einmal hatte ich Glück, vielleicht mehr als mancher andere Rückkehrer. Ich wurde an der TU Hanoi gebraucht, und obgleich ich 1995 wieder nach Deutschland hätte gehen können, entschied ich mich diesmal zum Bleiben.

Ich hatte die wunderbare und verantwortungsvolle Aufgabe, am „International Cooperation Department“ der TU Hanoi den akademischen Austausch mit Deutschland aufzubauen und zu begleiten. Das habe ich mit Herz und Seele getan und so einige Austauschprogramme mit deutschen Hochschulen auf den Weg bringen können.

1995 hörte ich auch zum ersten Mal vom DAAD, und gemeinsam mit Frau Dr. Klaus, der seinerzeit für Vietnam zuständigen Referatsleiterin im DAAD, sowie dem Rektor und der Vize-Rektorin der TU Hanoi öffneten wir damals eine große Tür nach Deutschland. Es herrschte ein sehr deutschfreundliches Klima an der TU, auch die Deutsche Botschaft hat uns nach Kräften unterstützt. Und in dieser förderlichen Atmosphäre entstand zuerst die Idee und 1999 schließlich das Gebäude des Vietnamesisch-Deutschen Zentrums an der TU Hanoi.

Nguyễn Đắc Trung: Seit 1996 habe ich den DAAD als wichtigen Akteur des akademischen Austauschs in Vietnam wahrgenommen. Und mit einem DAAD-Stipendium kam ich schließlich zur Promotion nach Dresden.

Was wünschen Sie sich für die Zukunft – für sich persönlich und für die TU Hanoi sowie das VDZ?

Nguyễn Thị Minh Nguyệt: Das Vietnamesisch-Deutsche Zentrum an der TU Hanoi ist untrennbar mit mir verbunden, ich habe an der Konzeption mitgearbeitet und als Leiterin der Deutschabteilung kann ich meine Erfahrungen bis heute mit den Studenten teilen. Mein Wunsch: Die Außenstelle Hanoi des DAAD soll für immer hier bleiben – weil das VDZ und die Außenstelle zusammengehören.

Nguyễn Đắc Trung: Wir wollen die Austauschzahlen steigern und für deutsche Wissenschaftler wie auch Studierende unsererseits noch attraktiver werden. Ich habe diesbezüglich auch einige konkrete Ideen, an deren Umsetzung ich gerne mitarbeiten möchte. Und mein persönlicher Wunsch: Meine Tochter ist jetzt neun Jahre alt, sie kann schon deutsche Lieder singen, und natürlich würde ich mich freuen, wenn sie die Familientradition mit einer Ausbildung in Deutschland eines Tages fortsetzt.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt (Mutter)

- ging von 1956 bis 1960 als „Moritzburgerin“ in Dresden zur Schule,
- setzte ihre Schulausbildung von 1960 bis 1964 in Haiphong und Hanoi fort,
- studierte von 1964 bis 1969 Maschinenbau an der TU Hanoi,
- arbeitete von 1969 bis 1987 als Dozentin für Maschinenbau an der TU Hanoi,
- absolvierte von 1980 bis 1982 ein Masterstudium in Maschinenbau an der TU Hanoi,
- arbeitete von 1987 bis 1992 als Gruppenleiterin in Wernigerode und ging bis 1995 verschiedenen Tätigkeiten in Deutschland nach, u. a. als Erzieherin auf Rügen,
- arbeitete von 1995 bis 1999 am „International Cooperation Department“ der TU Hanoi,
- war von 1999 bis 2011 an der DAAD-Außenstelle am VDZ tätig,
- leitet seit 2011 die Deutschabteilung des VDZ.

Prof. Dr. Nguyễn Đắc Trung (Sohn)

- studierte von 1991 bis 1996 Maschinenbau an der TU Hanoi und war danach als wissenschaftlicher Mitarbeiter dort tätig,
- machte 1997 ein sechsmonatiges Praktikum an der FH München und bei BMW,
- absolvierte von 1997 bis 1998 ein Masterstudium in Maschinenbau an der TU Hanoi,
- promovierte von 1999 bis 2004 als DAAD-Stipendiat an der TU Dresden,
- ist seit 2004 als Hochschullehrer an der Fakultät für Maschinenwesen der TU Hanoi tätig,
- ist seit 2013 Direktor des Graduierteninstituts.



Cả đời cống hiến cho sự nghiệp trao đổi hàn lâm

Phỏng vấn bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt và con trai, PSG TS Nguyễn Đắc Trung ngày 27/1/2015 tại Hà Nội

Năm 1956, khi mới lên tám tuổi, bà tới Dresden và trở thành „người Moritzburg“ thuộc thành phố Dresden. Đối với cô bé lúc bấy giờ Dresden là một thành phố ở một đất nước xa xôi quá sức tưởng tượng. Qua bốn năm tuổi thơ ở Đức, bao tình cảm yêu thương, gắn bó đã khắc sâu vào tâm khảm cô bé ngày ấy và tình cảm đó đã theo bà suốt cả cuộc đời. Tuy ước mơ làm luận án tiến sĩ ở đất nước mình mong ước không thành hiện thực nhưng bà đã đạt được mong muốn quay trở lại nơi này. Sau gần hai mươi năm là giảng viên tại Khoa Cơ khí tại Đại học Bách khoa Hà Nội, bà tiếp tục cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp trao đổi hàn lâm từ năm 1995 cho tới nay. Ở vị trí một cán bộ Phòng Hợp tác quốc tế của trường, bà đã góp phần thực hiện các chương trình trao đổi khoa học và đào tạo của trường Đại học Bách khoa Hà Nội với các trường đại học Đức. Bà đã làm việc nhiều năm tại Văn phòng đại diện DAAD Hà Nội và từ cuối năm 2011 bà tham gia phụ trách phòng tiếng Đức tại Trung tâm Việt-Đức (VDZ), Đại học Bách khoa Hà Nội. Cũng như bà, con trai bà, PGS TS Nguyễn Đắc Trung, là một kỹ sư cơ khí. Anh đã làm quen với quê hương thứ hai của mẹ thông qua một kỳ thực tập tại Muenchen. Từ năm 1999 đến 2003, anh làm nghiên cứu sinh tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden bằng học bổng DAAD. Hiện nay, anh là giảng viên trường Đại học Bách khoa Hà Nội và bên cạnh đó anh cũng nỗ lực cống hiến cho các hoạt động trao đổi khoa học. Với nỗ lực của mình, anh đang góp phần làm cho Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn nữa đối với các nhà khoa học và sinh viên Đức.

Thưa bà Nguyệt, là một học sinh Moritzburg, bà đã để lại một phần quan trọng trong cuộc đời thơ ấu của mình tại CHDC Đức – một dấu ấn theo suốt cuộc đời?

Bà Nguyệt: Vâng, những năm tháng ấy mang tính quyết định tới cả cuộc đời tôi. Năm 1956, khi tới Dresden, tôi mới 8 tuổi. Đặc biệt nước Đức đối với trẻ em như chúng tôi quả là xa xôi ngoài sức tưởng tượng. Ngày đó, tôi không ý thức được thời gian và cũng không hiểu được vài năm sống xa gia đình nghĩa là gì. Dần dần, tôi mới nhận ra, con đường chúng tôi đang đi sẽ còn rất xa và còn rất lâu nữa chúng tôi mới trở về quê hương. Đó là những năm tháng khó khăn, nhưng bù lại, ở nơi xa xôi ấy có những người phụ trách và giáo viên đã làm tất cả cho chúng tôi như cha mẹ trong gia đình của mình. Chúng tôi luôn đoàn kết bên nhau trong lớp cũng như ở trong phòng. Tôi học tiếng Đức khá nhanh, song song bên cạnh đó chúng tôi học cả các môn bằng tiếng Việt để không quên tiếng mẹ đẻ. Tôi vẫn còn nhớ, sau khi trở về Việt Nam năm 1960 chúng tôi đã nhanh chóng hòa nhập với hệ thống giáo dục phổ thông của Việt Nam và học tiếng Việt. Trong tất cả các môn học, chúng tôi đều đạt kết quả rất cao vì chúng tôi đã mang theo các kiến thức cơ bản vững vàng từ thời gian học ở CHDC Đức.

Anh Trung: Mẹ tôi luôn luôn kể rất nhiều về những năm tháng ở Đức. Đặc biệt, khi xem những bức ảnh của bà, tôi thấy nước Đức thật tuyệt vời và luôn mong ước có cơ hội tới đất nước này một lần.



Và anh cũng đã làm được điều đó ...

Anh Trung: Học xong ngành Cơ khí tại Đại học Bách khoa Hà Nội, tôi đã có cơ hội đến nước Đức, được thực tập sáu tháng tại trường Đại học Khoa học Ứng dụng Muenchen và tại công ty sản xuất xe ô tô BMW – đối tác kinh tế công nghiệp của trường. Như vậy, ước mơ của tôi đã thành hiện thực. Trong trường Đại học Bách khoa Hà Nội có nhiều giảng viên là cựu sinh viên Đức. Một trong số đó là thầy tôi và thầy đã động viên tôi đồng thời hướng tôi đi theo con đường ấy. Thầy nói: „Chế tạo máy phải học ở Đức“. Vì vậy, tôi đã chuẩn bị hơn hai năm, học tiếng Đức, nộp đơn xin đi học ở Đức và tôi đã thành công.



Anh đánh giá điều gì đặc biệt ở Muenchen?

Anh Trung: Đó là mối liên hệ chặt chẽ giữa thực tiễn với đào tạo tại các trường đại học chuyên ngành: Lý thuyết kết hợp trực tiếp với thực hành. Sinh viên luôn luôn có điều kiện áp dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Thật tuyệt vời! Tôi nhận thấy rằng những kết quả nghiên cứu khoa học đã thực sự được tập đoàn BMW ứng dụng. Tôi đã học và hiểu được ý nghĩa của phương pháp làm việc độc lập, mặc dù vậy vẫn biết gắn mình vào một tập thể các sinh viên quốc tế. Ở đây, tại BMW tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và sự hỗ trợ tuyệt vời của các đồng nghiệp.

Bà Nguyệt: Tôi luôn động viên con trai mình đến học tập tại Đức. Khi mới sang Đức, con trai tôi đã gặp các thách thức khó khăn gấp ngàn lần những gì tôi đã cố giải thích cho con lúc còn ở nhà.



Anh Trung, những khó khăn gặp phải không làm anh chùn bước?

Anh Trung: Trái lại, tôi biết phải làm như thế nào để có thể tiếp tục học tập được ở Đức. Sau đợt thực tập trở về Việt Nam, trước tiên tôi hoàn thành khóa học thạc sĩ ngành Cơ khí tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Trong thời gian này tôi đã vận dụng những kiến thức học được ở Đức vào việc học tập và được các thầy giáo của mình đánh giá cao. Ngoài ra, trong thời gian thực tập ở Muenchen tôi đã có ý tưởng xây dựng và phát triển dự án nghiên cứu khoa học sau này.

Tại sao anh muốn trở thành giảng viên đại học mà không hướng vào nghiên cứu công nghiệp?

Anh Trung: Với tôi, mẹ là một tấm gương sáng, bà là một giảng viên đại học. Bởi vậy, tôi cũng ước ao được bước tiếp con đường của bà, muốn truyền lại những kiến thức và phương pháp học tập mới cho sinh viên, đặc biệt là những kinh nghiệm tích lũy được khi học tập và làm việc ở Đức.

Anh thể hiện như thế nào trong giờ giảng của mình tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội?

Anh Trung: Trong giờ giảng của mình, bất cứ khi nào có điều kiện tôi luôn cố gắng đưa ra những ví dụ cụ thể gắn lý thuyết với thực tế, thực hiện làm việc theo nhóm và khuyến khích khả năng giải quyết vấn đề của từng sinh viên. Đương nhiên sự hướng dẫn tốt của giảng viên có liên quan mật thiết và mang tính quyết định. Trong quá trình làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden tôi đã hiểu được rằng: Thầy giáo hướng dẫn có vai trò vô cùng quan trọng.

Những biểu hiện như thế nào giúp Anh nhận thấy sự thành công của mình trong phương pháp giảng dạy?

Anh Trung: Khi làm việc với tôi, sinh viên luôn cởi mở, ham hiểu biết và qua đó cho tôi những nhận biết, phản hồi tích cực từ phía sinh viên. Một điều không kém phần quan trọng đó là, tất cả sinh viên của tôi, sau khi tốt nghiệp đều tìm được một công việc tốt phù hợp với chuyên môn của họ.

Thưa bà Nguyệt, bà đã duy trì những mối liên hệ với nước Đức như thế nào?

Bà Nguyệt: Sau khi tốt nghiệp phổ thông, tôi học tiếp đại học tại khoa Cơ khí, trường Đại học Bách khoa Hà Nội từ năm 1964 đến 1969, chuyên ngành Gia công áp lực. Với kết quả tốt nghiệp xuất sắc, tôi được tuyển dụng làm giảng viên của trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Vào đầu những năm 1980, tôi đã học cao học và muốn được làm nghiên cứu sinh ở Đức. Thời gian đó, tôi có thể được gửi đi thực tập tiến sĩ ở Nga, nhưng bản thân tôi mong muốn được quay trở lại nước Đức và ước mơ này chưa bao giờ nguôi đi. Năm 1987 tôi có cơ hội tới Wernigerode, với nhiệm vụ đội trưởng một đội lao động trong chương trình hợp tác. Tôi phải cố gắng để giành được cơ hội này, vì thực ra lúc đó giảng viên đại học không được tham gia hợp tác lao động. Song có lẽ tôi đã hoàn toàn thuyết phục được hội đồng xét duyệt khi vào phỏng vấn và cuối cùng tôi đã có thể thực hiện được ước mơ quay trở lại quê hương thứ hai của mình.

Chuyến quay trở lại Việt Nam lần thứ hai của bà thế nào?

Bà Nguyệt: Lại một lần nữa, tôi gặp may mắn, có lẽ tôi thực sự may mắn hơn những người bạn khác khi về nước. Năm 1995, tôi được trở lại làm việc ở trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Tôi nhận nhiệm vụ ở Phòng Hợp tác quốc tế của trường, phối hợp với các khoa, viện, xây dựng và theo dõi chương trình trao đổi khoa học và đào tạo với Đức. Tôi luôn cố gắng tận tụy, tâm huyết với công việc này và đã cùng các đồng nghiệp xúc tiến được một số chương trình hợp tác trao đổi giữa trường Đại học Bách khoa Hà Nội với các trường đại học Đức. Năm 1995, lần đầu tiên tôi được biết đến DAAD. Bà TS Klaus, người phụ trách Vụ

Đông Nam Á của DAAD, đã cùng Hiệu trưởng, Hiệu phó, Trưởng phòng Hợp tác quốc tế và Ban lãnh đạo trường Đại học Bách khoa Hà Nội, cùng nhau mở rộng cánh cửa hợp tác với nước Đức. Trường Đại học Bách khoa Hà Nội tràn ngập không khí thân thiện với Đức. Đại sứ quán Đức tại Hà Nội cũng hết lòng hỗ trợ chúng tôi. Trong hoàn cảnh thuận lợi đó, ý tưởng về một Trung tâm hợp tác Việt-Đức đã ra đời và cuối cùng năm 1999, tòa nhà Trung tâm Việt-Đức trong trường Đại học Bách khoa Hà Nội đã được khánh thành.

Anh Trung: Năm 1996 tôi được biết DAAD là một Cơ quan rất quan trọng, thực hiện việc trao đổi hàn lâm giữa các nước. Với việc nhận học bổng DAAD, tôi đã đến Dresden thực hiện luận án tiến sĩ của mình.

Bà và anh Trung mong muốn điều gì nhất cho tương lai, cho bản thân mình và trường Đại học Bách khoa Hà Nội cũng như cho Trung tâm Việt-Đức?

Bà Nguyệt: Trung tâm Việt-Đức tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội gắn bó mật thiết và không thể tách rời đối với tôi, tôi đã từng tham gia vào dự án này từ khi xây dựng ý tưởng và hiện nay vẫn đang làm việc ở đây, tại phòng tiếng Đức. Tôi luôn có điều kiện tiếp xúc và chia sẻ kinh nghiệm của mình với sinh viên. Mong muốn của tôi là: Văn phòng đại diện DAAD Hà Nội sẽ được đặt tại nơi đây mãi mãi – bởi Trung tâm Việt-Đức và Văn phòng đại diện DAAD là hai khái niệm thuộc về nhau.

Anh Trung: Chúng tôi mong muốn tăng cường sự hợp tác trao đổi khoa học và đào tạo với các trường đại học Đức và cố gắng thu hút nhiều nhà khoa học, sinh viên Đức đến với mình. Tôi cũng có một số ý tưởng cụ thể và rất muốn được hợp tác trao đổi với các đồng nghiệp Đức để thực hiện những ý tưởng đó. Nguyên vọng riêng của tôi là: Con gái tôi năm nay mới lên chín tuổi, cháu rất thích đọc những câu chuyện cổ tích của Đức, đã biết hát các bài tiếng Đức. Tất nhiên tôi rất vui, nếu một ngày nào đó, con gái tôi sẽ tiếp nối truyền thống gia đình để sang Đức học tập.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt (Mẹ)

- là „người Moritzburg“, học phổ thông tại Dresden từ 1956 đến 1960,
- học phổ thông tại Hải Phòng và Hà Nội từ 1960 đến 1964,
- học Cơ khí tại trường ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1964 đến 1969,
- là giảng viên Khoa Cơ khí trường ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1969 đến 1987,
- là đội trưởng đội lao động hợp tác tại Wernigerode từ 1987 đến 1992, làm việc tiếp ở Đức đến 1995,
- công tác tại phòng Hợp tác quốc tế trường ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1995 đến 2003,
- làm việc tại VP đại diện DAAD trong Trung tâm Việt-Đức từ 1999 đến 2011,
- làm việc tại Phòng tiếng Đức, Trung tâm Việt-Đức từ cuối 2011.

PGS TS Nguyễn Đắc Trung (Con trai)

- học ngành Chế tạo máy tại ĐH Bách khoa Hà Nội từ 1991 đến 1996 và sau đó là cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học tại Khoa Cơ khí trường ĐH Bách khoa Hà Nội,
- thực tập sáu tháng tại trường ĐH Khoa học Ứng dụng Muenchen và Tập đoàn BMW năm 1997,
- hoàn thành cao học tại trường ĐH Bách khoa Hà Nội năm 1998,
- làm nghiên cứu sinh tại trường ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1999 đến 2003 bằng học bổng DAAD,
- giảng viên Khoa Cơ khí trường ĐH Bách khoa Hà Nội từ 2004,
- hiện là Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học từ năm 2013.



„Wir hatten einen Auftrag“

Interview mit Mitgliedern der Vietnamesisch-Deutschen Freundschaftsgesellschaft Ho-Chi-Minh-Stadt (VDFG HCMC) am 23. Januar 2015 in Ho-Chi-Minh-Stadt

2015 ist ein Jahr der Jubiläen: Vietnam und Deutschland blicken auf 40 Jahre diplomatischer Beziehungen zurück und begehen dieses Jubiläum mit einer Vielzahl von Veranstaltungen. Einige davon organisiert die Vietnamesisch-Deutsche Freundschaftsgesellschaft (VDFG), die 2015 selbst ein Jubiläum, nämlich den 30. Jahrestag ihrer Gründung feiern kann. Zur „Stärkung und Erweiterung der freundschaftlichen Beziehung und des gegenseitigen Verständnisses“ zwischen Vietnamesen und Deutschen beizutragen, ist eines der Ziele dieser Gesellschaft, zu der mittlerweile acht Provinz- und städtische Organisationen sowie zwölf Fachgruppen gehören. Eine der städtischen Organisationen ist die VDFG Ho-Chi-Minh-Stadt, die 1993 gegründet wurde und derzeit 395 Mitglieder – vor allem Deutschland-Alumni, darunter rund 80 „Moritzburger“ – zählt. Am 24. Januar läutete sie das Jubiläumsjahr mit einem Alumni-Treffen ein, das eine weitere runde Zahl im Titel trug: „60 Jahre Moritzburger“. Rund 300 Personen nahmen daran teil, und neun von ihnen fanden sich schon am Vortag zu einem gemeinsamen Interview im „Haus der Freundschaft“ ein. Diese neun Alumni – acht „Moritzburger“ und ein ehemaliger DAAD-Stipendiat – haben trotz unterschiedlicher Lebenswege zwei Dinge gemeinsam: die Verbundenheit zu Deutschland – und Kinder, die daran anknüpften.



Morgen findet ein großes, von Ihnen organisiertes Alumni-Treffen in Ho-Chi-Minh-Stadt statt. Welche Rolle spielen die „Moritzburger“ in der Vietnamesisch-Deutschen Freundschaftsgesellschaft (VDFG)?

Herr Dr. Nguyễn Hữu Thiện (Vorsitzender der VDFG HCMC): Wir „Moritzburger Kinder“ bilden gewissermaßen den Anfang einer langen Tradition und Verbundenheit und verstehen uns bis heute als Symbol der Freundschaft. Wir waren damals, in den Jahren 1955 und 1956, ungefähr 350 Kinder, die nach Dresden kamen. Bis heute pflegen wir sowohl mit Deutschland als auch untereinander einen engen Kontakt. Daher war es für uns selbstverständlich, dass wir eine aktive Rolle in der VDFG übernehmen. Aber ich denke, nun sollte bald eine jüngere Generation von Alumni den Staffelnstab von uns übernehmen.

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Wenn man wie wir als Kinder eine so lange und intensive Zeit gemeinsam in Dresden verbracht hat, dann prägt das sehr. Wir waren die Kinder von verdienten Widerstandskämpfern und sollten einmal unser Land wiederaufbauen und entwickeln. Deshalb gingen viele von uns später entweder zur Berufsausbildung oder zum Studium in die DDR zurück.

Frau Trần Thị Kim Hoàng: Onkel Hồ hatte schon damals, 1955, die Vision eines wiedervereinigten und blühenden Vietnams. Wir waren die Generation, die diese Vision

erfüllen sollte. Wir hatten den Auftrag, uns gut ausbilden zu lassen und dort zur Stelle zu sein, wo wir gebraucht würden, jeder auf seine Weise und nach seinen Fähigkeiten. Und wenn ich heute zurückschaue, dann bin ich sicher, dass wir Hồ Chí Minh nicht enttäuscht haben.

Als Sie Mitte der 1950er-Jahre nach Dresden kamen, haben Sie auch in Dresden die Spuren eines schlimmen Krieges gesehen.

Frau Võ Cẩm Trang: Ja, das stimmt, aber unsere Wohnsituation war sehr gut. Und das Wichtigste war, dass wir so herzlich willkommen geheißen und auch beschenkt wurden. Von unserem Taschengeld kauften wir vor allem Ansichtskarten, um diese nach Hause zu schicken. Wir wollten zeigen, wo wir jetzt leben und dass es uns gut geht. Manchmal waren die Ansichtskarten in den Geschäften wegen uns komplett ausverkauft. Die meisten von uns erlebten dort auch zum ersten Mal Schnee. Wir wussten nicht, dass er so kalt ist, und waren erschrocken, als wir barfuß hineinfliefen. Die Jüngsten unter uns wollten dieses überwältigende Erlebnis mit ihrer Familie in Vietnam teilen und schoben den Schnee in einen Briefumschlag, um ihn nach Hause zu schicken ...

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Die Älteren unter uns halfen in Dresden bei der Trümmerbeseitigung mit, beim NAW, dem Nationalen Aufbauwerk. Ich bekam dafür sogar eine Auszeichnung.



Sie alle sind später sehr verschiedene berufliche Wege gegangen, aber Ihnen gemeinsam ist die Rückkehr nach Deutschland zum Studieren und Forschen.

Herr Prof. Hoàng Cương: Ich bin Musiker, Geiger, geworden und besuchte von 1959 bis 1964 das Konservatorium und die Musikhochschule „Carl Maria von Weber“ in Dresden. Später, im Jahr 1993, nahm ich an einem Professorenaustausch mit der Musikhochschule Freiburg teil. Das war auch eine entscheidende Weichenstellung für die weitere Entwicklung meines Sohnes, weil ich in Freiburg von einem Musikwettbewerb erfuhr, an dem er 1994 im Alter von 15 Jahren teilnahm. Dazu habe ich ihn damals nach Kräften ermutigt und heute ist er erster Geiger bei den Hamburger Philharmonikern und hat die deutsche Staatsbürgerschaft.

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Ich ging zunächst für eine Feinmechanikerausbildung nach Dresden und Jena zurück und wurde dann von der vietnamesischen Regierung ausgewählt, an der TH Magdeburg von 1965 bis 1971 Elektrotechnik zu studieren. Im direkten Anschluss daran habe ich in Magdeburg promoviert. Beruflich war ich zunächst in Hanoi und später in Südvietnam, wo ich herstamme, tätig.

Frau Võ Cẩm Trang: Nach einer Berufsausbildung zur Optikerin in der DDR diente ich zunächst in der vietnamesischen Armee als Waffenmechanikerin. Dann ging ich zum Chemiestudium in die DDR zurück, obwohl ich lieber Physik gewählt hätte. Allerdings arbeitete ich niemals als Chemikerin,

sondern wurde in Hanoi von der Regierung als Dolmetscherin und Übersetzerin gebraucht. 1987 ging ich als Leiterin einer Gruppe von Vertragsarbeitern nach Dresden zurück. Nach der Wende entschloss ich mich, in Deutschland zu bleiben, und arbeitete bei verschiedenen deutschen Behörden, unter anderem bei der Ausländerbehörde und der Arbeiterwohlfahrt.

Herr Prof. Dr. Phan Hoàng Đồng (Gast, kein VDFG-Mitglied): Ich bin kein „Moritzburger“, sondern bezeichne mich als echtes „DAAD-Gewächs“. 1963 war ich nämlich einer der ersten vietnamesischen DAAD-Stipendiaten an der Universität Göttingen, wo ich Forstwissenschaft studierte und später auch promovierte. Nachdem ich zwischenzeitlich als Professor an der Nong-Lam-Universität in Ho-Chi-Minh-Stadt tätig war, habe ich dann in Deutschland – an der Universität Göttingen und an der Forschungsanstalt für Waldökologie und Forstwirtschaft Rheinland-Pfalz in Trippstadt – weiter gearbeitet. Ich war aber viele Male als Gastdozent an südvietnamesischen Hochschulen tätig, von 1997 bis 2009 allein sechsmal als DAAD-Kurzzeitdozent. Der sorgsame Umgang mit natürlichen Ressourcen ist sehr wichtig für Vietnam. Es ist notwendig, das Bewusstsein hierfür zu wecken und für ein nachhaltiges Denken zu sorgen. Und ich bin immer bereit, mich fachlich und persönlich mit aller Kraft dafür einzusetzen.

Frau Nguyễn Thị Xuân Liễu: Ich erhielt meine Ausbildung zur Chemieingenieurin in Wolfen, Köthen und Merseburg. Mein Mann studierte ebenfalls in Deutschland, an der Hochschule für Buchkunst in Leipzig.

Frau Trần Thị Kim Hoàng: Nach meiner 1961 abgeschlossenen Berufsausbildung in der DDR wurde ich als Dolmetscherin für deutsche Spezialisten beim Aufbau der Konservenfabrik in Hanoi eingesetzt. 1964 habe ich mich dann freiwillig für den Kampf in Südvietnam gemeldet, wo ich als Sprecherin beim „Sender der Befreiung“ der „Nationalen Front für die Befreiung Südvietnams“ (NFB) tätig war. Von 1965 bis 1971 studierte ich Hochfrequenztechnik an der TU Dresden. Anschließend arbeitete ich zunächst bei „Radio Vietnam“ in Hanoi und nach dem Krieg, ab 1975, beim Fernsehen in Ho-Chi-Minh-Stadt. 1979 erhielt ich dann den Auftrag, für den staatlichen Reiseveranstalter „Saigontourist“ Touristen aus der DDR und der BRD zu betreuen. So habe ich mich immer wieder in neue Aufgabenbereiche eingearbeitet. Aber auch das war Teil der Aufgabe von Onkel Hồ an uns: beim Aufbau mitzuhelfen, egal, in welcher Position unser Land uns braucht.

Herr Dr. Nguyễn Hữu Cường: Nach meiner 1974 abgeschlossenen Promotion an der TU Dresden ging ich nach Ho-Chi-Minh-Stadt zurück, wo ich seit 1975 an der Akademie der Wissenschaften tätig war. Mithilfe von Wiedereinladungen des DAAD kam ich aber mehrfach zu Forschungsaufenthalten nach Deutschland zurück. Damals war der DAAD die unbürokratischste Institution, die ich kannte (*lacht*). Als Wissenschaftler habe ich in Deutschland vor allem gelernt, wie man ein wissenschaftliches Proposal schreibt.



Herr Vương Anh Tuấn (Generalsekretär der VDFG HCMC): Auch mein beruflicher Werdegang verlief sehr abwechslungsreich. Nach meiner Berufsausbildung zum Maschinenschlosser in der DDR arbei-

tete ich zunächst drei Jahre im vietnamesischen Ministerium für Schwerindustrie, bevor ich noch einmal zum Elektrotechnik-Studium an die TH Magdeburg gesandt wurde. Meine beruflichen Stationen als Diplomingenieur in Vietnam waren unter anderem die staatliche Plankommission, das Außen- und Außenhandelsministerium und die Handelsvertretung bei der DDR-Botschaft, wo ich auch als Übersetzer und Dolmetscher tätig war und sogar Regierungsverhandlungen begleitete. Wie wir alle konnte ich meinen Bildungs- und Berufsweg nicht selbst bestimmen. Aber die Tätigkeiten im Außenhandel und in der Diplomatie lagen mir sehr und haben vielleicht meine besten Fähigkeiten zutage gefördert.

Herr Dr. Nguyễn Hữu Thiện: Ich habe in der DDR studiert und promoviert und nach meiner Rückkehr nach Vietnam kam ich über verschiedenste berufliche Stationen 1993 ins Ministerium für Wissenschaft und Technologie, wo ich 11 Jahre Hauptabteilungsleiter war.



Viele von Ihnen haben später leitende Positionen innegehabt. Wo lernten Sie „führen“?

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Schon während unserer Schulzeit in der DDR, als wir Sportfeste selbst organisieren, unsere Arbeit eigenständig planen und unsere Zimmer selbst putzen mussten. Später habe ich als Getriebeoptimierer immer nach der optimalen Methode gesucht und auch für mich gefunden.

In Vietnam waren die Bedingungen für die Umsetzung des Gelernten mitunter limitiert, aber wir hatten gelernt, mit Limitierungen umzugehen und diese zu überwinden.

Herr Dr. Nguyễn Hữu Thiện: Ein Vorbild zu sein, ist enorm wichtig. Hierfür braucht es Disziplin, Pünktlichkeit, Sorgfalt, entschlossenes Auftreten. Ich habe Vietnam in 15 verschiedenen internationalen und regionalen fachlichen Organisationen vertreten und dabei lernt man eine Menge, auch Verhandlungen zu führen.

Herr Vương Anh Tuấn: Unser Lehrmeister in der DDR brachte uns beim Feilen schon damals bei: „Immer so genau wie nötig – nicht so genau wie möglich!“ Danach haben wir uns gerichtet.



Frau Trần Thị Kim Hoàng: Durchsetzungsvermögen und Teamgeist sind für eine gute Führungskraft unerlässlich.

Ihre Kinder haben es Ihnen nachgemacht und ebenfalls in Deutschland studiert und gearbeitet. Wie viel Einfluss haben Sie darauf genommen?

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Meinen Kindern habe ich viel von Deutschland erzählt, und meine engsten Freunde kommen aus Deutschland. Das hat sicher auch die Entscheidung meiner Kinder für ein Studium in Deutschland beeinflusst. Mein Sohn studierte Informatik an der TU Darmstadt. Meine Tochter ging zum Betriebswirtschaftsstudium nach Witten-Herdecke. Sie blieb in Europa, zunächst bei einer Firma in Wuppertal, heute arbeitet sie in der Schweiz. Deutschland liegt im Herzen Europas – das ist besonders attraktiv.

Frau Võ Cẩm Trang: Meine beiden Kinder holte ich 1995 nach Deutschland, wo sie studierten und bis heute erfolgreich arbeiten. Mein Sohn hat schon einen deutschen Pass, meine Tochter noch nicht. Aber sie denken nicht in Ländern und Sprachen, sondern fühlen sich als „global citizens“.

Herr Prof. Dr. Phan Hoàng Đồng: Mein Sohn, der auch deutscher Staatsbürger ist, studierte Wirtschaftsingenieurwesen in Kaiserslautern. Sein Aufenthalt an der Queen's University in Kanada wurde vom DAAD gefördert. Jetzt arbeitet er für die Firma Bosch in Suzhou, China – ist also ebenfalls ein „global citizen“.

Herr Dr. Nguyễn Hữu Cường: Mein jüngerer Sohn studierte ebenfalls in Deutschland, und zwar Wirtschaftschemie an der Universität Düsseldorf. Er wollte unbedingt nach Deutschland, und ich unterrichtete ihn selbst in der deutschen Sprache, sodass er für die sprachliche Zulassung schließlich nur noch zwei Semester am Goethe-Institut lernen musste.

Frau Nguyễn Thị Xuân Liễu: Meine Tochter studierte an der Hochschule für Tanz- und Bühnenkunst Leipzig, bevor sie Tanzlehrerin an der berühmten Dresdner Palucca-Schule wurde. Heute lebt sie mit ihrer eigenen Familie in Köln und arbeitet dort als Kindergärtnerin. Mein Enkel hat einen deutschen Pass.

Welche Tipps geben Sie künftigen vietnamesischen Studierenden für Deutschland mit auf den Weg?

Herr Dr. Nguyễn Hữu Thiện: Schritt für Schritt zu gehen. Eine Promotion ist nicht das Leben, sondern nur der Start!

Frau Trần Thị Kim Hoàng: Nicht nur die Schulen und Universitäten lehren uns, sondern vor allem das Leben. Die Begegnungen und Erfahrungen, vor allem die interkulturellen, prägen uns. Lerne von der Gesellschaft und nimm dir das Beste daraus!

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ: Man lernt nie aus.

Herr Prof. Hoàng Cương: Lerne die härtesten Konflikte mit weichen Mitteln zu lösen.

Herr Vương Anh Tuấn: Übernimm Verantwortung ...

Herr Prof. Dr. Phan Hoàng Đồng: ... für die kommenden Generationen!

Herr Dr. Nguyễn Hữu Thiện

- ging von 1956 bis 1959 als „Moritzburger“ in Dresden zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung bei den Kamera- und Kinowerken Dresden und Carl Zeiss Jena,
- war von 1963 bis 1966 Mitarbeiter der Vertretung der „Nationalen Front für die Befreiung Südvietnams“ in Berlin,
- studierte von 1966 bis 1971 Getriebetechnik an der TU Dresden,
- promovierte von 1972 bis 1974 an der TU Dresden,
- war von 1974 bis 1992 in verschiedenen leitenden Positionen in Ho-Chi-Minh-Stadt tätig,
- war von 1993 bis 2004 Hauptabteilungsleiter (Vize-Minister) am Ministerium für Wissenschaft und Technologie in Hanoi,
- ist seit 2010 Vorsitzender der Vietnamesisch-Deutschen Freundschaftsgesellschaft (VDFG) in Ho-Chi-Minh-Stadt.

Herr Dr. Nguyễn Hữu Cường

- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zum Feinmechaniker bei den Kamera- und Kinowerken Dresden,
- war von 1962 bis 1965 als Facharbeiter in einem Betrieb zur Herstellung transportabler Kinomaschinen in Hanoi tätig,
- studierte von 1965 bis 1970 Feinmechanik an der TU Dresden,
- promovierte von 1971 bis 1974 in Getriebetechnik an der TU Dresden,
- war von 1975 bis 2003 als Wissenschaftler am Institut für Physik der Akademie der Wissenschaften in Ho-Chi-Minh-Stadt tätig,
- kam mit Unterstützung des DAAD zu mehreren Forschungsaufenthalten nach Deutschland zurück.

Herr Prof. Hoàng Cương

- ging von 1956 bis 1959 als „Moritzburger“ in Dresden zur Schule,
- besuchte von 1959 bis 1964 das Konservatorium und die Musikhochschule „Carl Maria von Weber“ in Dresden,
- war von 1977 bis 1978 Dozent an der Musikhochschule Hanoi,
- unterrichtet seit 1978 an der Musikhochschule Ho-Chi-Minh-Stadt und war von 2000 bis 2006 Direktor dieser Hochschule,
- nahm 1993 mit DAAD-Förderung an einem Professoren Austausch mit der Musikhochschule Freiburg teil,
- war 1997 Juror des Internationalen Louis-Spohr-Wettbewerbs für Geiger in Freiburg,
- komponierte viele Werke (Symphonien, Konzerte etc.) und erhielt viele Preise und Auszeichnungen des Komponistenverbands Vietnams.

Frau Nguyễn Thị Xuân Liễu

- ging von 1956 bis 1959 als „Moritzburgerin“ in Dresden zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1961 eine Berufsausbildung zur Chemielaborantin bei Agfa in Wolfen (Bitterfeld-Wolfen),
- besuchte von 1961 bis 1964 die Ingenieurschule in Köthen (Fachschulabschluss im Bereich Chemie),
- arbeitete von 1964 bis 1991 als Ingenieurin in der vietnamesischen Armee.

Frau Trần Thị Kim Hoàng

- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1961 eine Berufsausbildung bei den Kamera- und Kinowerken Dresden,
- war danach als Dolmetscherin in der Konservenfabrik in Hanoi tätig,
- meldete sich 1964 freiwillig für den Kampf in Südvietnam, wo sie als Sprecherin beim „Sender der Befreiung“ der „Nationalen Front für die Befreiung Südvietnams“ tätig war,
- studierte von 1965 bis 1971 Hochfrequenztechnik an der TU Dresden,
- arbeitete von 1971 bis 1975 in der Abteilung für Entwicklung des Senders „Radio Vietnam“ in Hanoi,
- kehrte nach dem Krieg nach Südvietnam zurück und arbeitete beim Fernsehen in Ho-Chi-Minh-Stadt,
- wurde 1979 beauftragt, den Tourismussektor in Ho-Chi-Minh-Stadt aufzubauen,
- war von 1986 bis 1999 stellvertretende Direktorin des staatlichen Reiseveranstalters „Saigontourist“ in Ho-Chi-Minh-Stadt.

Herr Vương Anh Tuấn

- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zum Maschinenschlosser im VEB Mikromat in Dresden,
- machte danach eine zusätzliche einjährige Ausbildung im Schweißelektrodenwerk Berlin,
- arbeitete anschließend zwei Jahre im vietnamesischen Ministerium für Schwerindustrie,
- studierte von 1965 bis 1970 Elektrotechnik an der TH Magdeburg,
- arbeitete dann zwei Jahre an der Botschaft der „Nationalen Befreiungsfront Südvietnams“ in Berlin,
- war anschließend u. a. in der staatlichen Plankommission, im Ministerium für Auswärtige Angelegenheiten und an der Handelsvertretung bei der Botschaft der DDR in Hanoi tätig,
- war danach 10 Jahre lang Direktor einer Export- und Importfirma des Ministeriums für Außenhandel,
- ist seit 2011 Vize-Vorsitzender und Generalsekretär der Vietnamesisch-Deutschen Freundschaftsgesellschaft in Ho-Chi-Minh-Stadt.

Herr Dr. Nguyễn Ngọc Thọ

- ging von 1956 bis 1959 als „Moritzburger“ in Dresden zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zum Feinmechaniker bei Carl Zeiss Jena,
- arbeitete von 1962 bis 1965 als Techniker an der Forschungsstation für Tropentechnik in Hanoi,
- studierte von 1965 bis 1971 Automatisierungstechnik an der TH Magdeburg,
- promovierte von 1972 bis 1976 in Automatisierungstechnik an der TH Magdeburg,
- war von 1976 bis 1986 als Techniker im Bereich Messwesen in Hanoi und Ho-Chi-Minh-Stadt tätig,
- arbeitete von 1986 bis 2001 in leitender Funktion bei dem staatlichen Unternehmen „Artexsaigon“ in Ho-Chi-Minh-Stadt,
- ist seit seiner Pensionierung im Jahr 2001 als Dolmetscher und Reiseführer tätig.

Frau Võ Cẩm Trang

- ging von 1955 bis 1959 in Moritzburg zur Schule,
- absolvierte von 1959 bis 1962 eine Berufsausbildung zur Optikerin bei Carl Zeiss Jena,
- diente anschließend als Waffenmechanikerin in der vietnamesischen Armee,
- studierte von 1965 bis 1970 Chemie an der TU Bergakademie Freiberg,
- war danach in Hanoi als Dolmetscherin und Übersetzerin tätig,
- ging 1987 als Leiterin einer Gruppe von Vertragsarbeitern nach Dresden zurück,
- blieb nach der Wende in Deutschland und arbeitete bei verschiedenen deutschen Behörden,
- ist heute deutsche Staatsbürgerin.

Prof. Dr. Phan Hoàng Đồng

- studierte von 1963 bis 1967 als DAAD-Stipendiat Forstwissenschaft an der Universität Göttingen,
- promovierte von 1967 bis 1970 in Forstwissenschaft, ebenfalls an der Universität Göttingen,
- arbeitete von 1970 bis 1974 als wissenschaftlicher Assistent an der Forstlichen Fakultät der Universität Göttingen,
- war von 1974 bis 1983 Professor für Forstwissenschaft an der Nong-Lam-Universität in Ho-Chi-Minh-Stadt,
- arbeitete von 1983 bis 1990 als wissenschaftlicher Mitarbeiter an der Forstlichen Fakultät der Universität Göttingen und von 1990 bis 2009 als Sachgebietsleiter an der Forschungsanstalt für Waldökologie und Forstwirtschaft in Trippstadt,
- war seit 1997 regelmäßig Gastdozent an der Nong-Lam-Universität in Ho-Chi-Minh-Stadt (davon sechsmal als DAAD-Kurzzeitdozent).



„Chúng tôi mang một sứ mệnh“

Phỏng vấn các thành viên Hội Hữu nghị Việt-Đức Tp. Hồ Chí Minh (VDFG HCMC) ngày 23/1/2015 tại Tp. Hồ Chí Minh

Năm 2015 là một năm nhiều lễ kỷ niệm: Việt Nam và Đức nhìn lại 40 năm quan hệ ngoại giao và tổ chức lễ kỷ niệm này bằng rất nhiều sự kiện. Một số sự kiện trong đó do Hội Hữu nghị Việt-Đức (VDFG) tổ chức và bản thân Hội cũng sẽ kỷ niệm 30 năm thành lập trong năm nay. Đóng góp cho sự „tăng cường, mở rộng mối quan hệ hữu nghị và sự hiểu biết song phương“ giữa người Việt Nam và người Đức chính là một trong những mục tiêu của Hội. Cho đến nay, Hội có sự tham gia từ tám tổ chức tỉnh, thành và mười hai tổ chức chuyên môn. Một trong những tổ chức thuộc thành phố là VDFG Tp. Hồ Chí Minh, ra đời năm 1993 và hiện có 395 thành viên – phần lớn là các cựu học viên từ Đức, trong số đó khoảng 80 „người Moritzburg“. Ngày 24/1 Hội đã mở đầu năm kỷ niệm bằng một cuộc gặp mặt các cựu học viên với tên gọi „Sáu mươi năm cựu học viên Moritzburg“. Gần 300 người đã đến tham dự buổi gặp mặt này, chín người trong số họ cùng có mặt trong buổi phỏng vấn tại „Nhà Hữu nghị“ diễn ra một ngày trước. Chín cựu học viên này – tám cựu học viên Moritzburg và một cựu học viên nhận học bổng DAAD – dù có đường đời khác biệt song có hai điểm chung: Đó là tình cảm gắn bó với nước Đức và những đứa con tiếp bước mình.

Ngày mai sẽ diễn ra buổi gặp mặt trọng thể của các cựu học viên tại Tp. Hồ Chí Minh do ông bà tổ chức. Những cựu học viên Moritzburg có vai trò như thế nào trong Hội hữu nghị Việt-Đức (VDFG)?

TS Nguyễn Hữu Thiện (Chủ tịch VDFG): Xét về khía cạnh nào đó, những „đứa trẻ Moritzburg“ chúng tôi đã khởi đầu một truyền thống và tình cảm gắn bó lâu dài và coi khái niệm „các em học sinh Moritzburg“ như biểu tượng của tình hữu nghị. Hồi đó, vào những năm 1955 và 1956, khoảng 350 học sinh chúng tôi đã đến Dresden. Cho đến hôm nay chúng tôi vẫn giữ liên lạc với nước Đức và nội bộ nhóm. Vì vậy, chúng tôi hiển nhiên nhận một vai trò tích cực trong VDFG. Nhưng tôi nghĩ, sắp tới, một thế hệ cựu học viên trẻ hơn nên tiếp nhận vị trí này từ chúng tôi.

TS Nguyễn Ngọc Thọ: Khi những người, như chúng tôi, từng cùng nhau trải qua một thời gian dài và sâu sắc tại Dresden lúc còn ấu thơ, điều đó để lại dấu ấn sâu đậm. Chúng tôi là con của những người kháng chiến có công và sẽ phải tái thiết, phát triển đất nước mình. Vì vậy, nhiều người trong số chúng tôi sau này đã quay trở lại CHDC Đức để học đại học hoặc học nghề.



TS Nguyễn Ngọc Thọ

Trần Thị Kim Hoàng: Từ 1955 Bác Hồ đã tiên đoán là nước Việt Nam sẽ tái thống nhất và phồn vinh. Chúng tôi là thế hệ sẽ biến viễn cảnh đó thành sự thật. Chúng tôi được giao phó một sứ mệnh, được đào tạo tốt và sẽ có mặt ở nơi tổ quốc cần, tùy theo cách thức và năng lực của mỗi người. Hôm nay nhìn lại, tôi chắc chắn chúng tôi đã không làm Bác Hồ phải thất vọng.



Khi đến Dresden vào giữa thập niên 1950, ông bà cũng đã nhìn thấy những vết tích khủng khiếp của chiến tranh?

Võ Cẩm Trang: Vâng, đúng vậy, nhưng chúng tôi có điều kiện ăn ở tốt. Điều quan trọng là chúng tôi đã nhận được sự chào đón rất nồng nhiệt và nhiều tặng phẩm. Chúng tôi thường lấy tiền sinh hoạt để mua bưu thiếp gửi về nhà. Chúng tôi muốn khoe nơi mình sống và thông báo chúng tôi khỏe mạnh. Đôi khi, chúng tôi mua hết sạch bưu thiếp trong các cửa hàng. Đa số chúng tôi lần đầu tiên trong đời nhìn thấy tuyết. Chúng tôi không biết rằng tuyết lạnh đến thế và đã kinh hãi khi dẫm chân trần lên tuyết. Những em bé nhất trong nhóm muốn chia sẻ kỷ niệm hoành tráng đó với gia đình ở Việt Nam và nhét cả tuyết vào phong thư gửi về nhà.

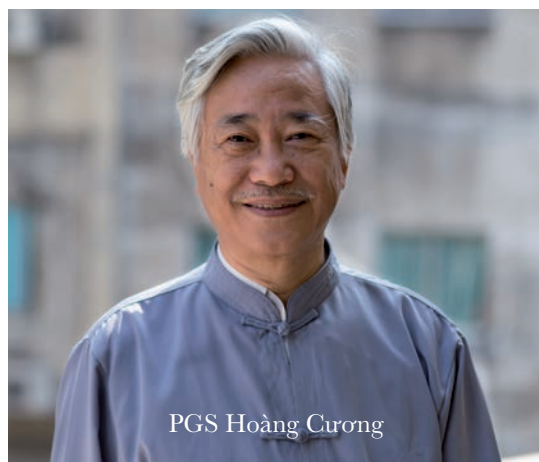


Võ Cẩm Trang

Ông Thọ: Những bạn lớn hơn trong nhóm còn tham gia dọn gạch đá đổ nát tại Dresden theo phong trào NAW („Phong trào kiến thiết đất nước“). Tôi còn được nhận phần thưởng cho công việc đó nữa.

Sau này ông bà phát triển những con đường sự nghiệp khác nhau nhưng tất cả có điểm chung là quay trở lại nước Đức để học tập và nghiên cứu.

PGS Hoàng Cương: Tôi đã trở thành một nhạc sĩ vĩ cầm, học tại Nhạc viện và Đại học nhạc Carl Maria von Weber ở Dresden từ 1959 đến 1964. Sau đó, năm 1993, tôi đã tham gia chương trình trao đổi giáo sư với Đại học nhạc Freiburg. Điều này mang tính quyết định cho hướng phát triển của con trai tôi. Qua chương trình tôi biết đến một cuộc thi âm nhạc tại Freiburg và con tôi đã tham dự cuộc thi đó năm 1994 lúc cháu 15 tuổi. Để tham dự tôi đã hết sức động viên cháu. Hiện cháu là cây vĩ cầm số 1 tại dàn nhạc giao hưởng Hamburg và cháu mang quốc tịch Đức.



PGS Hoàng Cương

Ông Thọ: Thoạt tiên tôi trở lại Dresden và Jena để học nghề Cơ khí chính xác, sau đó được Chính phủ Việt Nam cử đi học ngành Công nghệ điện tử tại trường Đại học Kỹ thuật Madgeburg từ 1965 đến 1971. Ngay sau đó tôi viết luận án tiến sĩ tại Madgeburg. Nơi tôi làm việc đầu tiên là Hà Nội, tiếp theo là miền Nam, xuất xứ của tôi.

Bà Trang: Sau khóa đào tạo quang học tại CHDC Đức, tôi làm kỹ sư quân khí trong Quân đội Nhân dân Việt Nam. Sau đó tôi trở lại CHDC Đức để học Hóa, mặc dù tôi thích Vật lý hơn nếu được chọn. Tuy nhiên tôi chưa từng làm việc ở vị trí nhà hóa học mà làm biên phiên dịch tại Hà Nội cho Chính phủ. Năm 1987 tôi quay trở lại Dresden làm đội trưởng một đội lao động hợp tác. Sau khi nước Đức tái thống nhất, tôi quyết định ở lại Đức và làm việc trong nhiều cơ quan chức trách khác nhau của Đức như Sở ngoại kiều và Tổ chức phúc lợi công nhân.

GS TS Phan Hoàng Đồng (Khách mời, không phải thành viên VDFG): Tôi không phải là „cựu học viên Moritzburg“ mà là một „sản phẩm thuần túy của DAAD“. Năm 1963, tôi là một trong những người Việt đầu tiên nhận học bổng DAAD đi học tại Đại học Tổng hợp Göttingen, nơi tôi học Lâm nghiệp rồi bảo vệ luận án tiến sĩ. Giữa thời gian đó tôi là giáo sư tại Đại học Nông Lâm Tp. Hồ Chí Minh, sau đó tôi lại về Đức tiếp tục làm việc tại Đại học Tổng hợp Göttingen và Viện nghiên cứu Sinh thái Rừng và Lâm nghiệp Rheinland-Pfalz tại Trippstadt. Tôi đã từng nhiều lần làm giảng viên thỉnh giảng tại một số trường đại học ở miền Nam Việt Nam. Trong khoảng thời gian từ 1997 đến 2009 tôi đã sáu lần làm giảng viên ngắn hạn của DAAD. Việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có ý thức là vô cùng cần thiết cho Việt Nam. Cần khơi dậy ý thức trong việc này cũng như có một tư duy bền vững. Tôi luôn sẵn sàng góp sức lực bản thân cũng như chuyên môn cho hoạt động đó.



GS TS Phan Hoàng Đồng

Nguyễn Thị Xuân Liễu: Tôi được đào tạo làm kỹ sư Hóa tại Wolfen, Köthen và Merseburg. Chồng tôi cũng từng theo học Đại học Nghệ thuật sách tại Leipzig.

Bà Hoàng: Năm 1961 sau khi học nghề ở CHDC Đức về, tôi đã làm phiên dịch cho chuyên gia Đức được cử sang xây dựng nhà máy đồ hộp tại Hà Nội. Năm 1964 tôi tình nguyện „đi B“ (tham gia kháng chiến tại miền Nam Việt Nam) và làm phát thanh viên Đài phát thanh giải phóng A của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Từ 1965 đến 1971 tôi được rút đi học ngành vô tuyến điện tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Sau đó tôi làm việc cho Đài Tiếng nói Việt Nam tại Hà Nội. Sau chiến tranh, từ năm 1975, tôi làm việc tại Đài truyền hình



Tp. Hồ Chí Minh. Năm 1979 tôi được phân công về Công ty du lịch nhà nước Saigontourist phụ trách khách du lịch từ CHDC Đức và CHLB Đức. Như vậy, tôi thường xuyên phải làm quen với công việc mới. Song đó cũng là nhiệm vụ mà Bác Hồ đã giao cho chúng tôi: Tham gia vào công cuộc kiến thiết đất nước, bất kể ở vị trí nào Tổ quốc cần.



Trần Thị Kim Hoàng

TS Nguyễn Hữu Cường: Tôi hoàn thành luận án tiến sĩ tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden năm 1974, sau đó quay trở lại Tp. Hồ Chí Minh và làm việc tại viện Hàn lâm Khoa học từ năm 1975. Nhờ chương trình mời lại của DAAD tôi đã trở lại Đức nhiều lần trong các chuyến nghiên cứu. Thời đó, DAAD là cơ quan ít quan liêu nhất mà tôi từng biết (*cười*). Là một nhà khoa học, tôi đặc biệt học được ở Đức cách viết một đề án khoa học.

Vương Anh Tuấn (Tổng thư ký VDFG Tp. Hồ Chí Minh): Sự nghiệp của tôi cũng rất phong phú. Sau khi học xong nghề cơ khí tại CHDC Đức, tôi làm việc ba năm đầu tại Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam, trước khi lại được cử sang Đại học Kỹ thuật Magdeburg học Công nghệ điện tử. Một số cơ quan Việt Nam mà tôi từng làm việc ở vị trí kỹ sư là

Ủy ban Kế hoạch nhà nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương và Đại diện Thương mại Đức thuộc Đại sứ quán Đức, nơi tôi làm biên, phiên dịch và còn được phép tham dự những buổi đàm phán của Chính phủ. Như tất cả chúng tôi, tôi không được tự quyết định con đường học hành và công tác của mình. Nhưng công tác trong ngành ngoại thương và ngoại giao rất hợp với tôi, có lẽ nó đã phát huy tất cả những khả năng tốt nhất của tôi.

Ông Thiện: Tôi học đại học và làm nghiên cứu sinh tại CHDC Đức. Sau khi trở về Việt Nam tôi đã đảm nhiệm nhiều cương vị khác nhau, năm 1993 tôi chuyển về Bộ Khoa học và Công nghệ và làm Tổng cục trưởng ở đó 11 năm.

Nhiều người trong số ông bà sau này đã giữ cương vị lãnh đạo. Ông bà đã học „lãnh đạo“ ở đâu?

Ông Thọ: Từ thời phổ thông tại CHDC Đức, khi chúng tôi phải tự tổ chức các sự kiện thể thao, tự lên kế hoạch công việc và tự lau dọn phòng. Sau đó là một nhà tối ưu hóa truyền dẫn, tôi luôn phải tìm kiếm phương thức tối ưu, đó cũng là điều tôi tìm được cho mình.

Ở Việt Nam, điều kiện áp dụng những kiến thức đã học đôi khi có hạn chế nhưng chúng tôi đã được học cách sống chung với những hạn chế và khắc phục chúng.

Ông Thiện: Làm một điển hình là cực kỳ quan trọng. Để được như vậy cần có kỷ luật, đúng giờ, tính cẩn thận và sự kiên quyết trong hành xử. Tôi đã đại diện cho Việt Nam tại 15 tổ chức chuyên môn quốc tế và khu vực khác nhau, qua đó tôi học được nhiều điều, kể cả việc tiến hành đàm phán.

Ông Tuấn: Thợ cả dạy nghề của chúng tôi ở CHDC Đức đã dạy cho chúng tôi trong khi giữa: „Luôn chính xác như cần thiết, chứ không phải chính xác như có thể!“ Đó là kim chỉ nam cho chúng tôi.

Bà Hoàng: Sự quyết đoán và tinh thần làm việc theo nhóm là điều không thể thiếu ở một người lãnh đạo tốt.

Con cái các ông bà cũng học và làm việc ở Đức theo gương bố mẹ. Ông bà đã tác động như thế nào đến quyết định đó?

Ông Thọ: Tôi kể cho các con rất nhiều về nước Đức và những người bạn thân thiết của tôi đến từ Đức. Điều đó chắc chắn đã ảnh hưởng tới quyết định sang Đức học tập của các cháu. Con trai tôi học Công nghệ thông tin tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Darmstadt. Con gái tôi học Quản trị kinh doanh ở Witten-Herdecke rồi ở lại châu Âu, ban đầu làm việc cho một công ty ở Wuppertal, hiện làm việc tại Thụy Sĩ. Nước Đức nằm ở trung tâm châu Âu – điều đó thật sự hấp dẫn.

Bà Trang: Tôi đã đón cả hai con sang Đức năm 1995, các cháu đã học đại học và cho đến nay đang thành đạt tại đây. Con trai tôi đã có hộ chiếu Đức, con gái thì chưa. Tuy nhiên, các cháu đều không tư duy theo quốc gia và ngôn ngữ mà cảm thấy mình là „công dân quốc tế“.

Ông Đồng: Con trai tôi có quốc tịch Đức, đã học ngành Kỹ sư kinh tế tại Kaiserslautern. Thời gian theo học tại trường Queen's University, Canada con tôi cũng được DAAD tài trợ. Hiện con tôi đang làm việc cho Công ty Bosch tại Tô Châu, Trung Quốc và cũng là một „công dân quốc tế“.

Ông Cường: Cậu con trai nhỏ của tôi cũng học ở Đức, môn Hóa kinh tế tại Đại học Tổng hợp Düsseldorf. Ngày xưa cháu muốn sang Đức bằng được, tôi đã tự dạy tiếng Đức cho con và do đó cháu chỉ phải học hai học kỳ nữa tại Viện Goethe.

Bà Liễu: Trước khi trở thành giáo viên múa tại Trường Palucca danh tiếng ở Dresden, con gái tôi đã học tại Đại học Nghệ thuật Múa và Sân khấu Leipzig. Hiện cháu đang sống cùng gia đình tại Cologne và làm giáo viên nuôi dạy trẻ ở đó. Cháu trai tôi mang hộ chiếu Đức.



Ông bà có những lời khuyên nào dành cho sinh viên Việt Nam sẽ học ở Đức?

Ông Thiện: Từ từ từng bước một. Bằng tiền sĩ không phải là cả cuộc sống mà chỉ là bước xuất phát!

Bà Hoàng: Không chỉ học trên ghế nhà trường – dù đó là trường phổ thông hay trường đại học mà trước hết để cuộc sống dạy chúng ta. Sự tiếp xúc với con người và kinh nghiệm của họ, đặc biệt là những buổi giao lưu và kinh nghiệm từ các nền văn hóa khác nhau là bài học rất giá trị cho chúng ta. Hãy học từ xã hội và chắt lọc những gì tốt đẹp nhất cho mình!

Ông Thọ: Học không bao giờ hết.

Ông Cương: Hãy học cách giải quyết những mâu thuẫn cứng rắn nhất bằng phương pháp mềm mại.

Ông Tuấn: Hãy dám nhận trách nhiệm ...

Ông Đồng: ... cho các thế hệ kế tiếp!

TS Nguyễn Hữu Thiện

- là „người Moritzburg“, học phổ thông ở Dresden từ 1956 đến 1959,
- học nghề tại Xưởng máy quay phim và điện ảnh Dresden và Carl Zeiss Jena từ 1959 đến 1962,
- cán bộ Cơ quan đại diện Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Berlin từ 1963 đến 1966,
- học Kỹ thuật kết cấu tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1966 đến 1971,
- nghiên cứu sinh tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1972 đến 1974,
- giữ nhiều chức vụ quản lý khác nhau tại Tp. Hồ Chí Minh từ 1974 đến 1992,
- Tổng cục trưởng tại Bộ Khoa học và Công nghệ, Hà Nội từ 1993 đến 2004,
- Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt-Đức (VDFG) Tp. Hồ Chí Minh từ 2010.

TS Nguyễn Hữu Cường

- học phổ thông tại Moritzburg từ 1955 đến 1959,
- học nghề Cơ khí chính xác tại Xưởng máy quay phim và điện ảnh Dresden từ 1959 đến 1962,
- kỹ thuật viên trong một xưởng sản xuất máy quay phim di động tại Hà Nội từ 1962 đến 1965,
- học Cơ khí chính xác tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1965 đến 1970,
- nghiên cứu sinh ngành Công nghệ truyền dẫn tại trường ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1971 đến 1974,
- nghiên cứu tại Viện Vật lý thuộc Viện Hàn lâm Khoa học tại Tp. Hồ Chí Minh từ 1975 đến 2003,
- nhiều chuyến sang Đức nghiên cứu bằng học bổng DAAD.

PGS Hoàng Cương

- là „người Moritzburg“, học phổ thông tại Dresden từ 1956 đến 1959,
- học tại Nhạc viện và ĐH âm nhạc Carl Maria von Weber ở Dresden từ 1959 đến 1964,
- giảng viên Nhạc viện Hà Nội từ 1977 đến 1978,
- thỉnh giảng tại Nhạc viện Tp. Hồ Chí Minh từ 1978 và là giám đốc từ 2000 đến 2006,
- tham gia trao đổi giáo sư với Nhạc viện Freiburg nhờ tài trợ của DAAD năm 1993,
- giám khảo cuộc thi vĩ cầm quốc tế „Louis Spohr“ tại Freiburg năm 1997,
- sáng tác nhiều tác phẩm (giao hưởng, thính phòng, v.v.) và nhận nhiều giải thưởng của Hội nhạc sĩ Việt Nam.

Nguyễn Thị Xuân Liễu

- là „người Moritzburg“, học phổ thông tại Dresden từ 1956 đến 1959,
- hoàn tất khóa học nghề nhân viên phòng thí nghiệm hóa học từ 1959 đến 1961 tại Agfa ở Wolfen (Bitterfeld-Wolfen),
- học trường Kỹ thuật Köthen (bằng tốt nghiệp cao đẳng lĩnh vực hóa học) từ 1961 đến 1964,
- kỹ sư trong Quân đội Nhân dân Việt Nam từ 1964 đến 1991.

Trần Thị Kim Hoàng

- học phổ thông tại Moritzburg từ 1955 đến 1959,
- học nghề tại Xưởng máy quay phim và điện ảnh Dresden từ 1959 đến 1961,
- phiên dịch cho chuyên gia Đức trong quá trình xây dựng nhà máy sản xuất đồ hộp tại Hà Nội,
- tình nguyện tham gia kháng chiến năm 1964, làm phát thanh viên Đài phát thanh giải phóng của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (NFB),
- học Công nghệ tần số cao tại trường ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1965 đến 1971,
- làm việc tại Phòng phát triển Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam ở Hà Nội từ 1971 đến 1975,
- sau chiến tranh làm việc tại Đài truyền hình Tp. Hồ Chí Minh,
- được ủy quyền xây dựng ngành du lịch tại Tp. Hồ Chí Minh năm 1979,
- làm phó giám đốc Công ty du lịch nhà nước Saigontourist tại Tp. Hồ Chí Minh từ 1986 đến 1999.

Vương Anh Tuấn

- học phổ thông tại Moritzburg từ 1955 đến 1959,
- học nghề cơ khí tại VEB Mikromat Dresden từ 1959 đến 1962,
- tham gia khóa đào tạo nghề bổ sung kéo dài một năm tại Schweiß-elektrodenwerk, Berlin,
- sau đó làm việc hai năm cho Bộ Công nghiệp nặng Việt Nam,
- học Công nghệ điện tử tại ĐH Kỹ thuật Magdeburg từ 1965 đến 1970,
- làm việc hai năm tại Đại sứ quán của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Berlin,
- sau đó làm việc tại Ủy ban kế hoạch nhà nước, Bộ Ngoại giao và Phòng đại diện thương mại ĐSQ CHDC Đức tại Hà Nội,
- 10 năm trước khi nghỉ hưu làm giám đốc một công ty xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương,
- Phó chủ tịch và tổng thư ký Hội Hữu nghị Việt-Đức Tp. Hồ Chí Minh từ 2011.

TS Nguyễn Ngọc Thọ

- là „người Moritzburg“, học phổ thông tại Dresden từ 1956 đến 1959,
- hoàn tất khóa học nghề cơ khí tại Carl Zeiss Jena từ 1959 bis 1962,
- kỹ thuật viên tại Trung tâm nghiên cứu các công nghệ nhiệt đới từ 1962 đến 1965 tại Hà Nội,
- học Công nghệ tự động hóa tại trường ĐH Kỹ thuật Magdeburg từ 1965 đến 1971,
- nghiên cứu luận án tiến sĩ ngành Công nghệ tự động hóa tại trường ĐH Kỹ thuật Magdeburg từ 1972 đến 1976,
- kỹ thuật viên đo đạc tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh từ 1976 đến 1986,
- giữ chức vụ Quản lý doanh nghiệp nhà nước Artexsaigon tại Tp. Hồ Chí Minh từ 1986 đến 2001,
- từ khi nghỉ hưu năm 2001 làm phiên dịch viên và hướng dẫn viên cho nhiều tổ chức khác nhau.

Võ Cẩm Trang

- học phổ thông tại Moritzburg từ 1955 đến 1959,
- hoàn tất khóa học nghề thợ làm kính tại Carl Zeiss Jena từ 1959 đến 1962,
- sau đó phục vụ Quân đội Nhân dân Việt Nam với tư cách là thợ sửa chữa vũ khí,
- học ngành Hóa tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Mỏ Freiberg từ 1965 đến 1970,
- sau đó làm biên, phiên dịch viên tại Hà Nội,
- quay trở lại Dresden với tư cách là Trưởng đoàn xuất khẩu lao động vào năm 1987,
- ở lại Đức sau khi bức tường sụp đổ và làm việc cho nhiều cơ quan khác nhau,
- hiện mang quốc tịch Đức.

GS TS Phan Hoàng Đồng

- học ngành Lâm nghiệp tại trường ĐH Tổng hợp Göttingen từ 1963 đến 1967 bằng học bổng DAAD,
- làm luận án tiến sĩ ngành Lâm nghiệp cũng tại trường ĐH Tổng hợp Göttingen từ 1967 đến 1970,
- trợ lý khoa học cho Giáo sư tại Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Tổng hợp Göttingen từ 1970 đến 1974,
- giảng viên Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Nông Lâm, Tp. Hồ Chí Minh từ 1974 đến 1983,
- là thành viên khoa học Khoa Lâm nghiệp trường ĐH Tổng hợp Göttingen từ 1983 đến 1990,
- từ 1990 đến 2009 phụ trách chuyên ngành tại Viện nghiên cứu Sinh thái Rừng và Lâm nghiệp tại Trippstadt,
- thường xuyên là Giáo sư thỉnh giảng của trường ĐH Nông Lâm, Tp. Hồ Chí Minh từ năm 1997 (trong đó có sáu lần là giảng viên ngắn hạn DAAD).



„Unser Erfolg ist die Zusammenarbeit!“

Interview mit Herrn Đậu Sỹ Thái, seiner Frau Prof. Dr. Lê Thị Trọng Tuyên und ihrem Sohn Dr. Đậu Hùng Anh am 8. Februar 2015 in Hanoi

Während des Vietnamkriegs – in Vietnam zumeist als „amerikanischer Krieg“ bezeichnet – wurde dem Land eine beispiellose Welle internationaler Solidarität zuteil, die im Erdgeschoss des „War Remnants Museum“ in Ho-Chi-Minh-Stadt dokumentiert ist. Von der deutschen Anteilnahme zeugen dort vor allem Plakate aus der DDR. Doch auch im westlichen Teil Deutschlands wurde dieser Krieg von großen Teilen der Bevölkerung abgelehnt. Mehr noch: Er wurde zu einem Schlüsselthema der westdeutschen Studentenbewegung der 1960er-Jahre, womit er zu den Auslösern eines tiefgreifenden Wandels der bundesrepublikanischen Gesellschaft gehörte. Wie groß die emotionale Verbundenheit der Deutschen mit Vietnam auch nach Kriegsende noch lange war, erfuhren Herr Đậu Sỹ Thái und seine Frau, Prof. Dr. Lê Thị Trọng Tuyên. Er studierte von 1968 bis 1973 Maschinenbau an der TH Chemnitz und war von 1984 bis 2009 Vize-Direktor des „International Cooperation Department“ der „Vietnam Academy of Science and Technology“ (VAST). Sie studierte von 1967 bis 1972 an der TH Chemnitz Physik und Elektronische Bauelemente, promovierte von 1979 bis 1982 in Berlin und Chemnitz, um dann als Forscherin an der VAST einen intensiven wissenschaftlichen Kontakt mit Deutschland zu pflegen. Mit ihren westdeutschen Partnern machten beide die gleiche Erfahrung wie zuvor mit den ostdeutschen Kollegen: „Alle wollten uns unterstützen.“

Viele Regierungsstipendiaten Ihrer Generation konnten sich das Studienland und die Fachrichtung nicht aussuchen. Bei Ihnen war das anders?

Lê Thị Trọng Tuyên: Die DDR kannte ich schon als 10-Jährige aus einem vietnamesischen Lied, das ungefähr so ging: „Eines Tages wird das Land einig werden, und wir werden unseren Freunden in Ostdeutschland unser Obst bringen ...“ Deshalb wollte ich unbedingt in der DDR studieren. Von 1967 bis 1972 habe ich tatsächlich Physik und dann Elektronische Bauelemente an der TH Chemnitz studiert. Später, von 1979 bis 1982, habe ich am Zentralinstitut für Elektronenphysik (ZIE) der Akademie der Wissenschaften und an der TH Chemnitz auch noch promoviert.

Herr Thái, Sie haben als Regierungsstipendiat von 1968 bis 1973 Maschinenbau an der TH Chemnitz studiert und sich auf polygrafische Maschinen spezialisiert. Warum?

Đậu Sỹ Thái: Das Know-how, das ich mir in diesem Studium aneignete, war damals sehr wichtig für unser Land. Wegen des US-Embargos waren wir gezwungen, unsere Maschinen selbst herzustellen und weiterzuentwickeln. Das habe ich im sehr praxisnahen Studium in Chemnitz gelernt. In dem polygrafischen Maschinenbetrieb, wo ich nach meiner Rückkehr nach Vietnam arbeitete, konnte ich später mit drei weiteren Alumni aus Chemnitz eine kleine Ingenieursgruppe bilden, die sich mit dem Bau der benötigten Druckmaschinen befaste.

Nach 10 Jahren vollzogen Sie einen recht ungewöhnlichen Wechsel vom Maschinenbauingenieur zur Wissenschaftsadministration der „Vietnam Academy of Science and Technology“ (VAST)?

Đậu Sỹ Thái: Man suchte damals jemanden, der gut Deutsch sprach und eine enge Verbindung zu Deutschland hatte. Die Möglichkeit, in der dortigen Internationalen Abteilung etwas für den Austausch mit Deutschland tun zu können, hat mich gereizt.

Worin sehen Sie die Früchte Ihrer Arbeit an der VAST?

Đậu Sỹ Thái: Ich konnte immer die deutsche Sprache benutzen, ich hatte mit vielen deutschen Partnern zu tun und konnte mehr als 100 Studenten zum Studium nach Deutschland entsenden. Diese Arbeit war sehr befriedigend und hat mir viel Freude bereitet.

Lê Thị Trọng Tuyên: Wer sich für internationalen Austausch engagiert, muss intensiv die persönlichen Kontakte pflegen. Partnerschaften und Austausche gründen sich auf gegenseitiges Vertrauen, auf Zuverlässigkeit und Verbundenheit.

Đậu Sỹ Thái: Ich hege eine tiefe Liebe zu Deutschland, und noch heute bin ich dankbar, dass ich die Möglichkeit hatte, dort zu studieren. An diesem Land haben mich immer die Disziplin, die Offenheit im Umgang miteinander, die Genauigkeit und die hohe Leistungsbereitschaft fasziniert. Das hat mich fürs Leben geprägt.



Herr Anh, welchen Einfluss hatte der Werdegang Ihrer Eltern auf Ihre Entscheidung, in Deutschland zu promovieren?

Đậu Hùng Anh: Unzweifelhaft einen großen Einfluss. Deutsche Märchen, europäische klassische Musik und die Freunde meiner Eltern begleiteten mich schon in meiner Kindheit. 1995 erhielt ich über die „International Association for the Exchange of Students for Technical Experience“ (IAESTE) schon einmal ein Stipendium für ein 10-wöchiges Praktikum in Deutschland. Nach dieser guten Erfahrung, nach dem Studium in Vietnam sowie der Forschung am Institut für Biotechnologie an der VAST war es nur noch ein kleiner Schritt bis zu der Entscheidung, an der „International Graduate School of Zittau“ im Fach Umweltwissenschaften zu promovieren. Die wichtigste Erfahrung und der größte Gewinn waren, dass ich selbstständig und unabhängig zu arbeiten lernte. Das ist auch heute in meiner Dozententätigkeit an der „Rajamangala University of Technology“ in Chiang Mai, Thailand, von großem Vorteil.

Was konnten und können denn deutsche Wissenschaftler von Vietnam lernen?

Đậu Sỹ Thái: Für unsere deutschen Partner waren vor allem wissenschaftliche Fragestellungen interessant, aber sie hatten auch ein großes Herz für Vietnam und haben unsere Studenten und Wissenschaftler nach Kräften unterstützt: mit Wissen und mit Ausrüstung.

Lê Thị Trọng Tuyên: Es gab eine traditionelle Verbundenheit zwischen Deutschland und Vietnam. Durch die zahlreichen Antikriegsdemonstrationen während des Vietnamkriegs hatten auch unsere westdeutschen Kollegen schon ein Bild von Vietnam, das sie während ihrer Aufenthalte bei uns an der Realität testen konnten. Alle wollten uns unterstützen. Ich erinnere mich, wie ein Professor aus Stuttgart während eines Besuchs bei uns den Kopf schüttelte, als er das wahre und noch sehr arme Leben in Vietnam kennenlernte – und nicht glauben konnte, dass sich dennoch Wissenschaftler für hochangeregte Halbleiter interessieren können.



Wie sah denn Ihre erste Begegnung mit dem westlichen Teil Deutschlands aus?

Lê Thị Trọng Tuyên: Ich konnte schon vor der Wende mit einem DAAD-Stipendium nach Westdeutschland reisen, zu einem Forschungsaufenthalt an der Universität Stuttgart, und war von den dortigen Forschungsgegenständen und der technischen Ausstattung überwältigt. Dies hatte ich dem Besuch einer DAAD-Delegation im Jahr 1986 zu verdanken. Die Delegation wurde damals von Dr. Ulrich Lins geleitet, der wahrscheinlich auch etwas von mir gelernt hat: nämlich, was Dunkelstrom des Alpha-Detektors ist (*lacht*). In Stuttgart erfuhr ich eine unglaubliche Gastfreundschaft, Hilfsbereitschaft, Freigebigkeit und Zuneigung. Ich konnte sogar für zehn Tage am Max-Planck-Institut für Festkörperforschung experimentieren.

Was war damals Ihre wichtigste Erkenntnis?

Lê Thị Trọng Tuyên: Mich hat vor allem frappiert, dass ich unter den hochmodernen Bedingungen am Max-Planck-Institut zu ähnlichen Ergebnissen gelangte, wie ich sie unter viel einfacheren Bedingungen schon mit meinen Versuchsreihen in Vietnam erzielt hatte. Das zeigte mir, dass ich wissenschaftlich und methodisch auf dem richtigen Weg war. Mein großes Vorbild war seit jeher Marie Curie. Ich habe oft Ideen gehabt und versucht, diese experimentell umzusetzen. Das zeichnet einen Wissenschaftler aus.



Ich erinnere mich noch gut daran, was mein Doktorvater damals zu mir sagte: „Ihr Grüntee mit Zitrone und Zucker war nicht nach meinem Geschmack, Ihre Ideen schon.“ Das empfand ich als große Auszeichnung und Bestätigung meines Weges.

Was geben Sie künftigen Nachwuchswissenschaftlern auf den Weg?

Lê Thị Trọng Tuyên: Ich habe mehreren Studenten und Kollegen den Weg nach Deutschland geebnet. Denn meiner Erfahrung nach wird in Deutschland Innovation gefördert und man kann eigene Forschungsideen verwirklichen. Als Doktorand muss man aber auch wissen, dass es Zeit braucht, um reif zu werden und eigene Ideen zu entwickeln. Wer in Deutschland promoviert, sollte außerdem möglichst viele Kontakte knüpfen und diese für die spätere Zusammenarbeit erhalten.

Was ist rückblickend Ihr größter Erfolg?

Lê Thị Trọng Tuyên und Đậu Sỹ Thái: Unser Erfolg ist die Zusammenarbeit.

Đậu Sỹ Thái (Vater)

- studierte von 1968 bis 1973 Maschinenbau an der TH Chemnitz (Karl-Marx-Stadt),
- war von 1973 bis 1984 als Konstrukteur und Leiter der Konstruktionsabteilung in einem Betrieb für polygraphischen Maschinen in Hanoi tätig,
- war von 1984 bis 2009 Vize-Direktor des „International Cooperation Department“ der „Vietnam Academy of Science and Technology“ (VAST) in Hanoi,
- reiste als Hauptverantwortlicher für die wissenschaftliche Kooperation mit Deutschland seit den 1980er-Jahren unzählige Male nach Deutschland.

Prof. Dr. Lê Thị Trọng Tuyên (Mutter)

- studierte von 1967 bis 1972 Physik / Elektronische Bauelemente an der TH Chemnitz (Karl-Marx-Stadt),
- promovierte von 1979 bis 1982 an der Akademie der Wissenschaften der DDR (Prüfung an der TH Chemnitz),
- war von 1972 bis 2006 als Forscherin am Institut für Physik/Materialwissenschaften an der „Vietnam Academy of Science and Technology“ (VAST) in Hanoi tätig,
- leitete dort von 1998 bis 2004 die Abteilung „Physik und Technologie elektronischer Bauelemente“,
- reiste seit den 1980er-Jahren viele Male zu Forschungsaufenthalten, Konferenzen, Seminaren nach Deutschland.

Dr. Đậu Hùng Anh (Sohn)

- machte 1995 ein 10-wöchiges Praktikum an der Universität Braunschweig,
- studierte von 1994 bis 1998 Biologie an der Universität Hanoi,
- promovierte von 2004 bis 2008 als DAAD-Stipendiat im Fach Umweltwissenschaften an der „International Graduate School of Zittau“,
- war von 1998 bis 2004 und von 2008 bis 2012 als Forscher am Institut für Biotechnologie der VAST tätig,
- arbeitet seit 2012 als Dozent für „Environmental Biotechnology“ an der „Rajamangala University of Technology“ in Chiang Mai, Thailand,
- reiste seit den 1990er-Jahren viermal zu Forschungsaufenthalten nach Deutschland.



„Thành công của chúng tôi là hợp tác!“

Phỏng vấn Ông Đậu Sỹ Thái, vợ ông, PGS TS Lê Thị Trọng Tuyên và con trai, TS Đậu Hùng Anh ngày 8/2/2015 tại Hà Nội

Trong cuộc chiến tranh Việt Nam – ở Việt Nam thường được gọi là chiến tranh chống Mỹ – đất nước này nhận được một làn sóng đoàn kết quốc tế chưa từng thấy mà những hình ảnh về nó hiện được trưng bày tại tầng một của Bảo tàng Chứng tích chiến tranh tại Tp. Hồ Chí Minh. Sự ủng hộ của nước Đức thể hiện trước tiên qua các áp phích từ CHDC Đức. Phần lớn người dân Tây Đức cũng phản đối cuộc chiến tranh này. Và hơn thế nữa cuộc chiến đã trở thành đề tài chủ đạo của phong trào sinh viên thập niên 60 và tạo nên sự biến chuyển sâu sắc trong xã hội CHLB Đức. Ông Đậu Sỹ Thái và vợ là PGS TS Lê Thị Trọng Tuyên được chứng kiến sự gắn bó tình cảm thân thiết của người Đức đối với Việt Nam, ngay cả khi chiến tranh đã kết thúc từ lâu. Ông Đậu Sỹ Thái học Chế tạo máy tại Đại học Kỹ thuật Chemnitz từ 1968 đến 1973, từ 1984 đến 2009 ông giữ cương vị Phó trưởng Ban hợp tác quốc tế của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST). Vợ ông học Vật lý và Linh kiện điện tử tại Đại học Kỹ thuật Chemnitz từ 1967 đến 1972, làm luận án tiến sĩ tại Berlin và Chemnitz từ 1979 đến 1982, sau đó nghiên cứu ở Viện VAST và gìn giữ mối quan hệ khoa học mật thiết với nước Đức. Cả hai vợ chồng ông đều có trải nghiệm tốt đẹp với các đối tác Tây Đức giống như với các đồng nghiệp Đông Đức cũ: „Tất cả đều muốn hỗ trợ chúng tôi.“

Nhiều người nhận học bổng chính phủ ở thế hệ của bà không được chọn quốc gia đến và môn học. Trường hợp của bà thì sao?

Bà Tuyên: Khi 10 tuổi tôi đã biết đến CHDC Đức qua một bài hát, ca từ đại khái là „Bao giờ, bao giờ cho em hái dứa, hái dứa, hái xoài, đào, khoai. Gửi sang Đông Đức tặng bạn của em ...“ Vậy là tôi muốn học đại học ở CHDC Đức. Đúng như mong muốn, tôi đã học Vật lý và sau đó Lĩnh kiện điện tử ở Đại học Kỹ thuật Chemnitz từ 1967 đến 1972. Về sau, từ 1979 đến 1982, tôi làm nghiên cứu sinh tại Viện Vật lý Điện Tử (ZIE) – thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và tại Đại học Kỹ thuật Chemnitz.

Thưa ông Thái, ông được nhận học bổng chính phủ để học Chế tạo máy ở Đại học Kỹ thuật Chemnitz từ 1968 đến 1973 và chuyên sâu về máy in. Vì sao?

Ông Thái: Những kiến thức mà tôi học được trong môn này rất quan trọng cho đất nước tôi ngày ấy. Do bị Mỹ phong tỏa, chúng tôi buộc phải tự sản xuất và cải tiến máy móc. Ở Chemnitz tôi đã được học những điều rất sát thực tế. Khi trở về Việt Nam, tôi làm việc tại một nhà máy in và cùng ba cựu sinh viên của Chemnitz lập một nhóm kỹ sư để chế tạo các loại máy in cần thiết.

Sau 10 năm, ông có một bước chuyển đổi rất bất thường, từ kỹ sư chế tạo máy chuyển sang quản lý khoa học ở Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST)?

Ông Thái: Hồi đó họ tìm một người thạo tiếng Đức và có quan hệ mật thiết với Đức. Tôi rất quan tâm đến cơ hội được làm gì đó ở Phòng quốc tế của Viện Hàn lâm liên quan đến trao đổi với Đức.

Những thành công trong công việc của ông bà ở Viện VAST có thể kể tới là gì?

Ông Thái: Tôi luôn được dùng tiếng Đức, làm việc với nhiều đối tác Đức và gửi được hơn 100 sinh viên sang Đức học tập và nghiên cứu. Tôi rất hài lòng và có nhiều niềm vui với công việc này.

Bà Tuyên: Ai hoạt động trong lĩnh vực hợp tác quốc tế cũng đều phải gìn giữ tốt các mối quan hệ cá nhân. Sự tín nhiệm, tin tưởng và gắn bó là nền tảng của quan hệ hợp tác và trao đổi.

Ông Thái: Tôi có một tình yêu sâu nặng với nước Đức, tới hôm nay tôi vẫn biết ơn vì có cơ hội sang đó học đại học. Tôi luôn khâm phục tính kỷ luật, sự cởi mở, tính chính xác và tinh thần lao động cao của con người Đức. Nó để lại dấu ấn cho cả đời tôi.



Thưa anh Hùng Anh, con đường sự nghiệp của bố mẹ đã tác động như thế nào tới quyết định sang Đức làm nghiên cứu sinh của anh?

Anh Hùng Anh: Tất nhiên nó có ảnh hưởng lớn đối với tôi. Tuổi thơ của tôi lớn lên cùng những câu truyện cổ Grim, âm nhạc cổ điển châu Âu và những người bạn Đức của cha mẹ. Năm 1995 tôi nhận được học bổng trong chương trình Trao đổi Sinh viên Quốc tế về Công nghệ và Thực nghiệm (IAESTE) để thực tập 10 tuần tại Đức. Sau chuyến thực tập bổ ích và sau khi tốt nghiệp đại học tại Việt Nam cũng như sau khi nghiên cứu tại Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện VAST, quyết định làm nghiên cứu sinh ngành Môi trường tại Trường Quốc tế Zittau với tôi chỉ còn là một cú nhích nhẹ nhàng. Kinh nghiệm quan trọng nhất và kết quả to lớn nhất đối với tôi là học được cách làm việc và cách tư duy độc lập. Đó cũng là lợi thế lớn cho công tác của tôi hiện nay ở vị trí giảng viên tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Rajamangala ở Chiang Mai, Thái Lan.

Các nhà khoa học Đức đã và đang có thể học hỏi được điều gì từ Việt Nam?

Ông Thái: Trước hết các đối tác Đức của chúng tôi quan tâm đến các cách đặt vấn đề khoa học, nhưng họ cũng yêu quý Việt Nam và hết sức hỗ trợ sinh viên và các nhà khoa học Việt Nam bằng tri thức và cả trang thiết bị.

Bà Tuyên: Giữa Đức và Việt Nam có một mối gắn bó mang tính truyền thống. Qua nhiều cuộc biểu tình phản chiến hồi chiến tranh Việt Nam, các đồng nghiệp Tây Đức của chúng tôi cũng có hình dung về Việt Nam và họ đã được kiểm chứng thực tế khi đến đây. Tất cả đều muốn hỗ trợ chúng tôi. Tôi còn nhớ hình ảnh Vị Giáo sư tới từ Stuttgart đã lắc đầu như thế nào khi ông chứng kiến đời sống thực và còn nghèo khó ở Việt Nam. Ông không thể tin là vẫn còn có những nhà khoa học quan tâm đến bán dẫn kích thích cao.

Cảm xúc của bà khi lần đầu tiếp xúc với phần phía Tây của nước Đức?

Bà Tuyên: Trước khi nước Đức tái thống nhất tôi đã đến Tây Đức nhờ học bổng DAAD để tiến hành nghiên cứu tại Đại học



Tổng hợp Stuttgart và tôi hoàn toàn bị choáng ngợp bởi các đối tượng nghiên cứu cũng như trang bị kỹ thuật ở đó. Để có chuyến đi đó, tôi phải cảm ơn chuyến thăm của đoàn đại biểu DAAD do TS Ulrich Lins dẫn đầu năm 1986. Qua tôi TS Lins dường như cũng hiểu được thế nào là Dòng dò của Alpha-Detector (*cười*). Ở Stuttgart tôi đã cảm nhận được sự hiếu khách, sự ân cần giúp đỡ, sự phóng khoáng và tình thân thiết đầy bất ngờ. Thậm chí tôi còn được phép làm thí nghiệm 10 ngày ở Viện nghiên cứu chất rắn Max Planck.

Nhận thức quan trọng nhất của bà ngày ấy là gì?

Bà Tuyên: Cú sốc nhất của tôi là trong điều kiện cực kỳ hiện đại ở Viện Max Planck tôi cũng thu được những kết quả tương tự như hàng loạt thí nghiệm tôi làm với điều kiện đơn sơ ở Việt Nam. Điều đó cho thấy là xét về mặt khoa học và phương pháp thì tôi đã đi đúng hướng. Thần tượng lớn của tôi xưa nay là Marie Curie. Tôi thường có ý tưởng và luôn nỗ lực tiến hành thí nghiệm với những ý tưởng đó. Đây là nét khắc họa đặc điểm của một nhà khoa học.



Tôi còn nhớ lời Thầy hướng dẫn luận án tiến sĩ nói với tôi ngày trước: „Trà xanh với chanh và đường của cô không hợp khẩu vị của tôi, nhưng các ý tưởng của cô thì được đấy.“ Tôi cảm nhận đó là lời khen ngợi và sự khẳng định đối với con đường của mình.

Bà muốn khuyên các nhà khoa học trẻ điều gì?

Bà Tuyên: Tôi đã mở đường sang Đức cho nhiều sinh viên và đồng nghiệp của mình. Vì theo kinh nghiệm của tôi, ở Đức sự sáng tạo được phát huy và người ta có điều kiện để thực hiện các ý tưởng nghiên cứu. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh nên biết người ta cũng cần có thời gian để „chín“, để phát triển những ý tưởng của riêng mình. Ngoài ra, ai làm luận án tiến sĩ ở Đức cũng nên gây dựng thật nhiều những mối quan hệ và gìn giữ chúng cho hợp tác sau này.

Nhìn lại quá khứ, thành công lớn nhất của ông bà là gì?

Lê Thị Trọng Tuyên và Đậu Sỹ Thái:
Thành công của chúng tôi là sự hợp tác.

Đậu Sỹ Thái (Bố)

- học Chế tạo máy tại ĐH Kỹ thuật Chemnitz (Karl-Marx-Stadt) từ 1968 đến 1973,
- làm kỹ sư thiết kế và phụ trách phòng thiết kế tại một nhà máy sản xuất máy in ở Hà Nội từ 1973 đến 1984,
- Phó trưởng Ban hợp tác quốc tế của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) ở Hà Nội từ 1984 đến 2009,
- thường xuyên sang Đức ở cương vị phụ trách chính về hợp tác khoa học với Đức từ thập niên 80.

PGS TS Lê Thị Trọng Tuyên (Mẹ)

- học Vật lý và Linh kiện điện tử tại ĐH Kỹ thuật Chemnitz (Karl-Marx-Stadt) từ 1967 đến 1972,
- làm nghiên cứu sinh tại Viện Hàn lâm Khoa học CHDC Đức (bảo vệ tại ĐH Kỹ thuật Chemnitz) từ 1979 đến 1982,
- nghiên cứu tại Viện Vật lý / Khoa học vật liệu thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) ở Hà Nội từ 1972 đến 2006,
- Trưởng phòng Vật lý và Công nghệ linh kiện điện tử của Viện Khoa học vật liệu thuộc Viện VAST từ 1998 đến 2004,
- nhiều lần sang Đức nghiên cứu, dự hội nghị, hội thảo từ thập niên 80.

TS Đậu Hùng Anh (Con trai)

- thực tập 10 tuần tại ĐH Tổng hợp Braunschweig năm 1995 bằng học bổng DAAD,
- học Sinh học tại ĐH Hà Nội từ 1994 đến 1998,
- làm nghiên cứu sinh ngành Môi trường với học bổng DAAD tại Trường quốc tế Zittau từ 2004 đến 2008,
- nghiên cứu tại Viện Công nghệ sinh học thuộc Viện VAST từ 1998 đến 2004 và từ 2008 đến 2012,
- là giảng viên môn Công nghệ sinh học môi trường tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Rajamangala ở Chiang Mai, Thái Lan từ 2012,
- từ những năm 90 đã sang Đức nghiên cứu bốn lần.



„Deutschland ist in unseren Herzen ...“

Interview mit Herrn Dr. Nguyễn Thanh Hải, seiner Frau Lê Thị Hồng Phượng und ihrer Tochter Nguyễn Lê Vân (Mây) am 8. November 2014 in Hanoi

Nach vietnamesischer Zählung im dritten Stock, nach deutscher Zählung im zweiten Stock des Vietnamesisch-Deutschen Zentrums (VDZ) der TU Hanoi befinden sich die Räumlichkeiten der 2003 eröffneten Außenstelle Hanoi des DAAD. Zu deren derzeit fünf vietnamesischen Mitarbeitern gehört Frau Lê Thị Hồng Phượng, die unter anderem für die Betreuung der Deutschland-Alumni – also ebenjener Personengruppe, zu der auch sie selbst gehört – zuständig ist. Sie studierte von 1974 bis 1979 Betriebswirtschaft an der TU Dresden, um Ende der 1980er-Jahre nochmals für ein Jahrzehnt nach Deutschland zurückzukehren und danach lange Jahre für die vietnamesische Sozialversicherung zu arbeiten. Ihr Mann, Dr. Nguyễn Thanh Hải, ist ebenfalls Deutschland-Alumnus und war von 1974 bis 1979 Kommilitone seiner Frau an der TU Dresden. Von 1994 bis 1998 promovierte er an der FU Berlin und ist seitdem in der vietnamesisch-deutschen Entwicklungszusammenarbeit tätig. Die Kinder setzen die Familientradition nun fort: Sohn Nguyễn Lê Minh wuchs in Deutschland auf, studierte an der FU Berlin und ist heute für die „Allianz“ in Frankfurt am Main tätig. Tochter Nguyễn Lê Vân wurde in Deutschland geboren und besucht seit November 2014 das Studienkolleg in Frankfurt. Die Eltern wissen jedoch: Die besondere Zuneigung, die ihrer eigenen Generation in Deutschland zuteil wurde, werden die Kinder so nicht mehr erleben.

Mây, nach deinen Eltern und deinem Bruder schlägst auch du den Weg zum Studium nach Deutschland ein. Ist das Tradition in eurer Familie?

Nguyễn Lê Vân: Für mich war im Grunde immer klar, dass ich einmal in Deutschland studieren werde. Ich bin in Deutschland geboren, habe dort meine Wurzeln und bin durch den Studien- und Lebensweg meiner Eltern und meines Bruders sehr geprägt worden. Studieren in Deutschland hat in meiner Familie tatsächlich Tradition, aber jeder geht seinen eigenen Weg dabei. „Sei anders!“ – das war der Wahlspruch meines Vaters.

Ich möchte gerne Biologie oder Pharmazie studieren, das war schon lange mein Wunsch. Doch ob ich nach Studienende einen akademischen oder praktischen Berufsweg einschlagen werde und wo das möglicherweise sein wird, weiß ich noch nicht.

Fällt dir der Abschied nicht schwer?

Nguyễn Lê Vân: Für mich beginnt jetzt ein neuer Lebensabschnitt, der mein ganzes weiteres Leben bestimmen wird. Trotz des Abschieds von meiner Familie und meinen Freunden reise ich mit freudigen Erwartungen nach Deutschland. Zuerst werde ich bei meinem Bruder in Frankfurt wohnen, der in Deutschland aufgewachsen ist, studiert hat und schließlich seinen Lebensmittelpunkt dort gewählt hat. Ich bin also auch dort zu Hause. Über die deutschen Freunde meiner Eltern habe ich außerdem schon gute Kontakte zu deren Kindern, die etwa in meinem Alter sind. Ich glaube nicht, dass ich in Deutschland je einsam sein werde.

Herr Hải, inwiefern erinnert Sie der Entschluss Ihrer Tochter, es Ihnen gleichzutun, an Ihren eigenen Weg nach Deutschland?

Nguyễn Thanh Hải: Ich habe den Wunsch meiner Kinder, im Ausland und vor allem in Deutschland zu studieren, immer unterstützt und gefördert. Eine internationale Erfahrung ist mit nichts aufzuwiegen, denn das hat mich und meine Frau selbst sehr geprägt und unseren weiteren Lebensweg entscheidend mitbestimmt.

Als ich 1974 zum Studium in die DDR kam, konnten wir nicht selbst entscheiden, wo und

was wir im Ausland studieren würden, aber wir empfanden es als große Auszeichnung, als Privileg. So habe ich mich auch schnell damit abgefunden, dass ich nicht mein Wunschfach Mathematik studieren konnte, sondern Betriebswirtschaft an der TU Dresden. Der Schritt in die damalige DDR war auch insofern unser Glück, als ich schon in den Vorbereitungskursen meine spätere Frau kennengelernt habe.

Ihre Promotion haben Sie dann an einer westdeutschen Universität abgeschlossen ...

Nguyễn Thanh Hải: 1979 bin ich nach Vietnam zurückgekehrt, wo ich an einem Wirtschaftsinstitut und später für die Abteilung Außenwirtschaftspolitik des Zentralkomitees als Experte tätig war. Das hat mir die Möglichkeit eröffnet, schon vor dem Fall der Mauer in die Bundesrepublik Deutschland zu reisen und Expertengespräche zu wirtschaftlichen Transformationen zu führen, wie sie in Vietnam bevorstanden. Ich lernte also beide Wirtschaftssysteme kennen und war gut vorbereitet, als ich 1994 zum Promovieren an die FU Berlin ging. Schon während der Promotion habe ich an Studien für die „Gesellschaft für Technische Zusammenarbeit“ (GTZ) mitgearbeitet. Und die GTZ war es auch, die mich nach der Promotion sofort als Experten für das „Makroökonomische Reformprogramm“ in Hanoi einstellte. Dort arbeite ich noch heute, kooperiere dabei eng mit der Zentralbank und pendle beruflich oft zwischen Vietnam und Deutschland hin und her.

Welchen Einfluss hat das Studium in der DDR auf Ihre persönliche Entwicklung gehabt?

Nguyễn Thanh Hải: Mich hat immer die deutsche Herangehensweise fasziniert: Sie ist sehr analytisch und von einem hohen Abstraktionsvermögen geprägt. Mag sein, dass mir als Mathematiker das besonders entgegenkommt. Jedenfalls ist es etwas, was ich bis heute sehr schätze. Und seit Deutschland bin ich es gewohnt, angefangene Arbeiten fristgerecht zu Ende zu bringen – selbst wenn es abends mal länger dauert und auch der Chef schon weg ist.



Frau Phụng, wie hat Ihr Studium in der DDR Sie geprägt?

Lê Thị Hồng Phụng: Alles, was ich in meinem Leben beruflich geschafft habe, verdanke ich Deutschland. Deutschland ist immer in meinem Herzen, meine zweite Heimat, und bis heute halte ich Kontakt zu den Kommilitonen, mit denen ich an der TU Dresden Betriebswirtschaft studierte. Ich habe meine deutschen Kollegen und Freunde als fleißig, diszipliniert und sehr offen und ehrlich kennen und schätzen gelernt. Und mir gefällt, dass die Deutschen zuhören können.

Was für Erinnerungen verbinden Sie denn mit der Ankunft in Deutschland?

Lê Thị Hồng Phụng: Die Jahre davor hatte ich wegen des Krieges im Wald außerhalb von Hanoi verbracht. Wir haben dort sehr viel gesungen, kannten jedes Lied, das im Radio gespielt wurde, auswendig. Es gibt so ein vietnamesisches Sprichwort, das lautet: „Singen, damit man die Bomben nicht hört ...“ 1974 kam ich dann in die DDR, zunächst ans Leipziger Herder-Institut. Ich gehörte damals zu einer großen Gruppe von 144 vietnamesischen Studenten und unser Leiter schien irgendwoher zu wissen, dass ich gut singen kann. So durfte ich 1975 zusammen mit zehn anderen Studenten zum alljährlichen „Festival des politischen Liedes“ nach Ost-Berlin reisen. Bei diesem Festival

kamen Musiker aus vielen Ländern der Welt zusammen, um „Rote Lieder“ zu singen. Wir wurden zum Friedrichstadt-Palast gebracht – und ich sollte dort ein Solo singen, ganz allein auf der Bühne, vor großem Publikum. Ich habe ein vietnamesisches Lied von einer Frau gesungen, die zu Hause auf ihren Mann wartet, der im Krieg ist. Und danach habe ich großen Beifall und viel Lob bekommen.

Sie haben dann aber trotzdem keine Karriere als Sängerin gemacht?

Lê Thị Hồng Phụng (lacht): Nein, ich war später viele Jahre an der Internationalen Abteilung der vietnamesischen Sozialversicherung tätig, zuletzt als Direktorin. 2011 habe ich für meine dortige Arbeit sogar eine Auszeichnung des Premierministers bekommen. Eigentlich sollte ich da schon in den Ruhestand gehen. Aber dann hörte ich, dass an der Außenstelle Hanoi des DAAD eine Stelle frei ist. So habe ich einfach eine Bewerbung abgegeben – und wurde tatsächlich ausgewählt!

Beim DAAD sind Sie nun schwerpunktmäßig für die Alumni-Betreuung zuständig ...

Lê Thị Hồng Phụng: Ja, der DAAD möchte eine dauerhafte Verbindung zu den ehemaligen Stipendiaten aufrechterhalten, sie bei ihrer wissenschaftlichen Arbeit und beruflichen Fortbildung unterstützen.



Dazu gehören z. B. Workshops, Wiedereinladungen zu Forschungsaufenthalten oder der viermal jährlich stattfindende „Alumni-Talk“, der von DAAD, GIZ, Goethe-Institut und Deutscher Botschaft gemeinsam organisiert wird. Außerdem möchten wir das Alumni-Netzwerk der Region weiterentwickeln und den vietnamesischen Alumni die Möglichkeit geben, zu ihren Workshops auch Kollegen aus Laos, Kambodscha und Myanmar einzuladen. Kaum ein anderes Land betreut seine Alumni so intensiv wie Deutschland – und die vietnamesischen Alumni wissen das sehr zu schätzen. Deutschland ist und bleibt in unseren Herzen! Deshalb sind alle sehr aktiv und immer zur Mitwirkung an Projekten – wie beispielsweise dieser Publikation – bereit.

Die Liebe der vietnamesischen Alumni zu Deutschland ist aber nicht allein aus der Alumni-Arbeit des DAAD zu erklären. Waren Ihre Erfahrungen während des Studiums in Deutschland denn wirklich so positiv?

Lê Thị Hồng Phượng: Ja, das waren sie. Uns wurde eine unglaubliche Gastfreundschaft, Herzlichkeit und Hilfsbereitschaft zuteil. Die Vietnamesen, die heute in Deutschland studieren, erleben das sicherlich nicht mehr so. Aber während des Krieges und in den Jahren danach waren wir für die Deutschen etwas Besonderes: Wir waren überall willkommen.

Dr. Nguyễn Thanh Hải (Vater)

- studierte von 1974 bis 1979 Betriebswirtschaft an der TU Dresden,
- war von 1979 bis 1983 an einem Wirtschaftsinstitut in Hanoi tätig,
- arbeitete von 1983 bis 1992 als Experte an der Abteilung Außenwirtschaftspolitik des Zentralkomitees der KPV,
- promovierte von 1994 bis 1998 im Fachbereich Wirtschaftswissenschaft in der Fachrichtung Geldtheorie und -politik an der FU Berlin,
- ist seit 1999 als „Senior Economist“ bei der GTZ/GIZ Vietnam tätig.

Lê Thị Hồng Phượng (Mutter)

- studierte von 1974 bis 1979 Betriebswirtschaft an der TU Dresden,
- arbeitete von 1980 bis 1988 am Ministerium für Bauwesen,
- ging 1989 ein weiteres Mal an die TU Dresden, lebte danach bis 1998 mit ihrer Familie in Berlin
- war von 1998 bis 2011 in der Internationalen Abteilung der vietnamesischen Sozialversicherung tätig, von 2007 bis 2011 als Direktorin der Abteilung,
- arbeitet seit 2011 an der Außenstelle Hanoi des DAAD.

Nguyễn Lê Minh (Sohn)

- wurde 1982 in Hanoi geboren,
- ging 1990 mit den Eltern nach Deutschland,
- studierte von 2000 bis 2004 Volkswirtschaftslehre an der FU Berlin,
- arbeitet jetzt als „Senior Spezialist“ bei „Allianz Global Investors“ in Frankfurt/Main.

Nguyễn Lê Văn (Tochter)

- wurde 1996 in Dresden geboren,
- besuchte von 2011 bis 2012 das Gymnasium „Hanoi - Amsterdam“ und von 2012 bis 2014 das Gymnasium „Hanoi Academy“,
- bereitet sich seit November 2014 im Studienkolleg in Frankfurt/Main auf das Studium in Deutschland vor.



„Nước Đức trong trái tim chúng tôi ...“

Phỏng vấn TS Nguyễn Thanh Hải cùng vợ, bà Lê Thị Hồng Phượng và con gái, Nguyễn Lê Vân (Mây) ngày 8/11/2014 tại Hà Nội

Văn phòng đại diện Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức DAAD Hà Nội được thành lập năm 2003 và đặt trụ sở tại tầng ba theo cách đếm tiếng Việt, tầng hai theo cách đếm tiếng Đức, trong tòa nhà Trung tâm Việt-Đức (VDZ) thuộc Đại học Bách khoa Hà Nội. Bà Lê Thị Hồng Phượng là một trong năm nhân viên làm việc tại đây. Công việc của bà là phụ trách các chương trình dành cho các cựu lưu học sinh Đức, mà chính bà cũng là một trong số đó. Bà theo học Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1974 đến 1979, những năm của thập niên 80 sau đó bà quay lại Đức và sống tại đây mười năm. Sau khi trở về bà làm việc nhiều năm cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Chồng bà, TS Nguyễn Thanh Hải, cũng là một cựu lưu học sinh Đức và là bạn học của bà tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1974 đến 1979. Từ 1994 đến 1998, ông làm nghiên cứu sinh tại trường Đại học Tổng hợp Tự do Berlin và sau đó ông làm việc cho chương trình Hợp tác phát triển Việt-Đức. Các con của ông bà giờ đây đang tiếp nối truyền thống gia đình: Con trai Nguyễn Lê Minh lớn lên ở Đức, học tại Đại học Tổng hợp Tự do Berlin và hiện đang làm việc cho hãng Allianz tại Frankfurt/Main. Con gái Nguyễn Lê Vân sinh ra ở Đức và đang theo học dự bị đại học tại Frankfurt từ tháng 11/2014. Tuy nhiên, hai bậc phụ huynh đều hiểu rằng: Tại Đức các con của mình chắc chắn sẽ không còn được trải nghiệm những cảm tình đặc biệt mà thế hệ bố mẹ chúng đã từng được đón nhận.

Mây, bạn đã tiếp bước bố mẹ và anh trai mình sang Đức học đại học. Đó có phải là truyền thống trong gia đình bạn không?

Mây: Nói cho cùng thì việc tôi qua Đức học luôn là một điều chắc chắn: Tôi được sinh ra ở Đức, có gốc rễ ở đó và chịu ảnh hưởng sâu sắc từ con đường học vấn và sinh sống của bố mẹ và anh trai. Quả thật, học ở Đức là truyền thống trong gia đình tôi, nhưng mỗi người lại đi theo một con đường riêng của mình. „Hãy khác biệt!“ – đó là khẩu hiệu của bố tôi. Tôi rất muốn học Sinh học hoặc Dược, đó là mong ước bấy lâu nay của tôi. Tuy nhiên, tôi chưa biết sau khi học sẽ theo đuổi sự nghiệp hàn lâm hay thực tiễn và sẽ ở đâu.

Việc chia tay có khó khăn đối với bạn không?

Mây: Đối với tôi, bây giờ là khởi đầu một chương mới của cuộc đời và nó sẽ quyết định cả phần đời tiếp theo của tôi. Dù phải chia tay với gia đình và bạn bè, nhưng tôi sang Đức với những mong đợi đầy hào hứng. Ban đầu tôi sẽ sống tại nhà anh trai tôi ở Frankfurt, anh ấy đã lớn lên và học tập tại Đức và chọn nơi này là tâm điểm cho cuộc sống của mình. Như vậy tôi sống ở đó cũng như là ở nhà thôi. Thông qua các bạn Đức của bố mẹ, tôi đã có mối quan hệ tốt với con cái họ, những người cũng trạc tuổi như tôi. Tôi tin là mình sẽ không bao giờ cô đơn ở Đức.

Ông Hải, quyết định noi theo gia đình của con gái đã làm ông nhớ tới con đường đến nước Đức của chính mình như thế nào?

Ông Hải: Tôi đã luôn hỗ trợ và khuyến khích các con tôi đi du học, nhất là học ở Đức. Không gì có thể so sánh được với những kinh nghiệm quốc tế, bởi điều đó cũng đã tác động rất nhiều tới vợ chồng tôi và quyết định chủ yếu đường đời tiếp theo của chúng tôi. Khi tôi tới CHDC Đức học đại học hồi 1974, chúng tôi không được tự quyết định ngành và nơi mình sẽ học ở nước ngoài, nhưng chúng tôi đã đón nhận điều đó như một phần thưởng lớn, như một đặc ân. Vì thế, tôi đã nhanh chóng chấp nhận việc không được theo học môn Toán yêu thích của mình, mà là môn Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Việc tôi tới

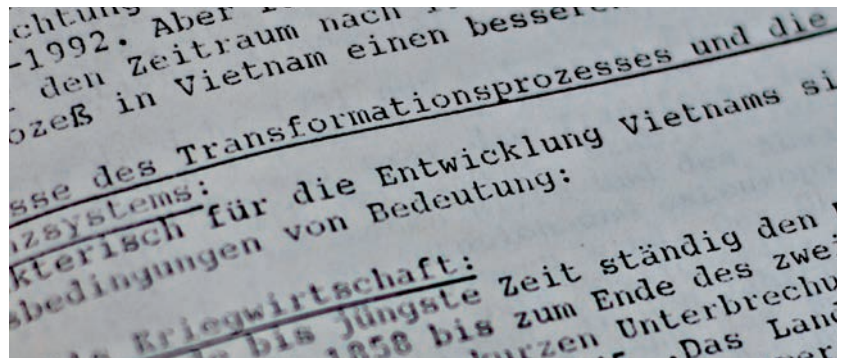
CHDC Đức ngày ấy, về một khía cạnh nhất định cũng là may mắn của chúng tôi, vì trong các khoá học dự bị tôi đã làm quen người sau này thành vợ tôi.

Sau này ông bảo vệ tiến sĩ tại một trường đại học ở Tây Đức ...

Ông Hải: Năm 1979 tôi trở lại Việt Nam, làm chuyên gia cho một viện Kinh tế và sau đó là Phòng Kinh tế đối ngoại của Ban chấp hành Trung ương. Điều đó đã mở ra cho tôi cơ hội được sang CHLB Đức, thậm chí trước khi bức tường sụp đổ, để tiến hành các cuộc đối thoại chuyên môn về vấn đề chuyển đổi kinh tế sắp diễn ra ở Việt Nam. Tôi đã biết đến cả hai hệ thống kinh tế và đã có sự chuẩn bị chu đáo trước khi đến Đại học Tổng hợp Tự do Berlin làm nghiên cứu sinh năm 1994. Ngay trong thời gian viết luận văn tiến sĩ, tôi đã hợp tác với „Chương trình Hợp tác phát triển Đức“ (GTZ) trong các công trình nghiên cứu. Chính GTZ đã chọn tôi làm chuyên gia cho „chương trình cải cách kinh tế vĩ mô“ tại Hà Nội ngay sau khi tôi hoàn thành luận án tiến sĩ. Tôi làm việc ở đây đến tận hôm nay, phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Trung ương, thường xuyên qua lại công tác giữa Đức và Việt Nam.

Học tập ở CHDC Đức đã ảnh hưởng như thế nào tới sự phát triển cá nhân của ông?

Ông Hải: Tôi đã thực sự bị ấn tượng bởi cách tiếp cận của người Đức. Nó mang tính phân tích sâu và khả năng trừu tượng hóa cao. Có thể điều đó rất hợp với tôi là một nhà toán học, dù thế nào thì đó cũng là điều tôi đánh giá rất cao cho đến giờ. Và kể từ khi học ở Đức đến nay, tôi quen hoàn thành công việc được giao đúng hạn – kể cả có những hôm làm việc đến tối khuya và khi sắp cũng đã ra về.





Bà Phụng, việc học ở CHDC Đức đã ảnh hưởng như thế nào đối với bà?

Bà Phụng: Tôi cảm ơn nước Đức vì tất cả những gì tôi đã đạt được trong sự nghiệp của mình. Nước Đức luôn ở trong trái tim tôi, đó là quê hương thứ hai của tôi và cho đến tận bây giờ tôi vẫn giữ liên lạc với các bạn học cùng ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Tổng hợp Kỹ thuật Dresden. Tôi đã làm quen và biết rằng các đồng nghiệp, bạn bè Đức luôn là những người rất chăm chỉ, kỷ luật, rất chân thành và cởi mở. Và tôi thích người Đức ở chỗ họ biết lắng nghe.

Bà nhớ lại điều gì khi bà vừa đặt chân đến Đức?

Bà Phụng: Những năm trước đó, do chiến tranh mà tôi đã sống trong rừng ở ngoài Hà Nội. Chúng tôi rất hay hát, thuộc lòng tất cả các bài hát trên đài phát thanh. Ở Việt Nam có câu: „Tiếng hát át tiếng bom ...“. Rồi tôi tới CHDC Đức năm 1974, đầu tiên đến Viện Herder Leipzig. Tôi thuộc một đoàn gồm 144 sinh viên Việt Nam và Trưởng đoàn của chúng tôi không rõ từ đâu mà biết tôi hát hay. Vì vậy, năm 1975 tôi được tham dự Liên hoan ca khúc chính trị được tổ chức hàng năm ở Đông Berlin cùng với mười sinh viên khác. Tại Liên hoan này có rất nhiều ca sĩ từ nhiều quốc gia khác nhau đến để hát những „bài hát đỏ“. Chúng tôi được đưa đến Cung điện Friedrichstadt và ở đó tôi hát đơn ca trên sân khấu, trong một khán phòng đầy áp khán giả. Tôi đã hát một bài hát tiếng Việt về một

người phụ nữ ở nhà chờ chồng đang ở ngoài mặt trận. Sau tiết mục đó tôi nhận được một tràng pháo tay lớn và rất nhiều lời khen.

Tuy nhiên sau này bà đã không gây dựng sự nghiệp ca hát?

Bà Phụng (cười): Không, sau này tôi làm việc nhiều năm cho Ban hợp tác quốc tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, thời gian cuối tôi giữ chức Trưởng ban. Năm 2011 tôi còn được nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ cho những cống hiến của mình ở đó. Lẽ ra hồi đó tôi nghỉ hưu, nhưng lại nghe nói Văn phòng đại diện DAAD tuyển người. Thế là tôi nộp đơn ứng tuyển – và kết quả tôi đã được chọn!

Ở DAAD, hiện tại bà chủ yếu phụ trách mảng cựu lưu học sinh ...

Bà Phụng: Đúng vậy, DAAD muốn giữ mối liên hệ lâu dài với các cựu học bổng viên DAAD và hỗ trợ họ trong công việc khoa học và đào tạo nâng cao thông qua các hội thảo, học bổng mời lại hay chương trình tọa đàm của các cựu lưu học sinh Alumni-Talk mỗi năm bốn lần do DAAD, GIZ, Viện Goethe và Đại sứ quán Đức đồng tổ chức. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn phát triển nâng cao mạng lưới cựu lưu học sinh trong khu vực và tạo cơ hội cho các cựu lưu học sinh Việt Nam có thể mời đồng nghiệp Lào, Cam-pu-chia và Myanmar tới dự các hội thảo của mình. Hầu như không quốc gia nào chăm sóc mạng lưới cựu lưu học sinh của mình tích cực như



nước Đức – và các cựu học viên Việt Nam đánh giá rất cao điều đó. Nước Đức đang và sẽ ở trong trái tim chúng tôi! Vì vậy tất cả mọi người đều rất tích cực và luôn sẵn sàng cộng tác trong các dự án – ví dụ dự án làm cuốn sách này.

Tình yêu của các cựu học viên Việt Nam đối với nước Đức không chỉ thể hiện qua các chương trình cựu học viên DAAD. Các trải nghiệm của bà khi học đại học tại Đức có thực sự tốt đẹp?

Bà Phượng: Có chứ, chúng tôi đã nhận được vô số tấm lòng mến khách, sự nồng hậu và giúp đỡ ân cần. Những người Việt hiện đang học ở Đức chắc chắn không có được cái trải nghiệm của chúng tôi ngày ấy. Suốt thời gian chiến tranh và những năm sau đó, chúng tôi là một điều gì đó đặc biệt đối với người dân Đức: Chúng tôi được chào đón ở khắp mọi nơi.

TS Nguyễn Thanh Hải (Bố)

- học Quản trị kinh doanh tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1974 đến 1979,
- làm việc ở một viện Kinh tế tại Hà Nội từ 1979 đến 1983,
- làm chuyên gia tại Phòng Kinh tế đối ngoại thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ 1983 đến 1992,
- nghiên cứu sinh ngành Kinh tế, chuyên ngành Lý thuyết và chính sách tiền tệ tại ĐH Tổng hợp Tự do Berlin từ 1994 đến 1998,
- „Chuyên gia kinh tế cao cấp“ GTZ/GIZ Vietnam từ 1999.

Lê Thị Hồng Phượng (Mẹ)

- học Quản trị kinh doanh tại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden từ 1974 đến 1979,
- làm việc tại Bộ xây dựng từ 1980 đến 1988,
- quay trở lại ĐH Tổng hợp Kỹ thuật Dresden năm 1989, sống cùng gia đình tại Berlin đến 1998,
- làm việc tại Ban hợp tác quốc tế của Bảo hiểm xã hội Việt Nam từ 1998 đến 2011, giữ chức Trưởng ban từ 2007 đến 2011,
- làm việc tại Văn phòng đại diện DAAD từ 2011.

Nguyễn Lê Minh (Con trai)

- sinh năm 1982 tại Hà Nội,
- cùng cha mẹ sang Đức năm 1990,
- học Kinh tế quốc dân tại ĐH Tổng hợp Tự do Berlin từ 2000 đến 2004,
- làm Chuyên viên cao cấp cho Allianz Global Investors, Frankfurt/Main.

Nguyễn Lê Vân (Con gái)

- sinh năm 1996 tại Dresden,
- học sinh Phổ thông trung học Hanoi - Amsterdam từ 2011 đến 2012 và Hanoi Academy từ 2012 đến 2014,
- học đại học dự bị tại Frankfurt/Main từ 11/2014.

Studieren und Promovieren in Deutschland – eine gute Wahl!

Deutschland ist eines der beliebtesten Zielländer internationaler Studierender und gehört zu den Top 3 der attraktivsten Hochschulstandorte der Welt. Gegenwärtig sind rund 240 000 internationale Studierende an deutschen Hochschulen eingeschrieben.

Zugleich zählt Deutschland zu den weltweit führenden Forschungsstandorten. Jedes Jahr promovieren dort rund 25 000 Akademiker – weit mehr als in jedem anderen europäischen Land. Und es kommen immer mehr internationale Nachwuchswissenschaftler zur Promotion nach Deutschland. Seit 1997 hat deren Zahl sich mehr als verdoppelt: auf derzeit rund 17 000.

Gründe für ein Studium in Deutschland:¹

1. **Ein Abschluss mit hoher Reputation:** „Made in Germany“ ist weltweit ein Zeichen für Qualität – egal, ob es um Autos oder Bildung geht. Vor allem in Feldern wie den Ingenieur- und Naturwissenschaften profitieren Sie von Deutschlands langer Hochschultradition. Ein deutscher Hochschulabschluss wird von Arbeitgebern weltweit hoch geschätzt.
2. **Ein Hochschulsystem, das für jeden etwas bietet:** In Deutschland gibt es fast 450 staatlich anerkannte Hochschulen mit rund 17 500 Studiengängen für alle Ausbildungsstufen – Bachelor, Master, Staatsexamen und Promotion. Das Studium an den Universitäten ist wissenschaftlich orientiert, das an den Fachhochschulen praxisorientiert. Daneben gibt es Kunst-, Film- und Musikhochschulen.
3. **Die Möglichkeit, auf Englisch zu studieren:** Deutsche Hochschulen bieten immer mehr Studiengänge – vor allem Master-Programme – auf Englisch an. Das ist ideal, wenn Sie keine Deutschkenntnisse haben oder Ihr Deutsch noch nicht ausreicht.
4. **Ein multikulturelles Umfeld:** Rund zwölf Prozent der Studierenden an deutschen Hochschulen kommen aus anderen Ländern. So können Sie Freunde aus der ganzen Welt finden, andere Kulturen kennenlernen und Ihren Horizont erweitern.
5. **Keine oder nur geringe Studiengebühren:** Für Bachelorstudiengänge an staatlichen deutschen Hochschulen muss man in der Regel keine Gebühren zahlen. Für bestimmte Masterprogramme können Studiengebühren anfallen, die aber verglichen mit anderen Ländern nicht hoch sind.
6. **Geringe Lebenshaltungskosten:** Deutschland ist im europäischen Vergleich ein Land mit moderaten Preisen. Die Kosten für Lebensmittel, Wohnung, Kleidung und kulturelle Angebote liegen im EU-Durchschnitt. Für Studierende gibt es außerdem viele Vergünstigungen.
7. **Stipendienprogramme:** Als internationaler Studierender mit hervorragenden Leistungen können Sie sich um Stipendien für Ihr Studium in Deutschland bewerben. Der DAAD und auch andere Organisationen bieten viele Stipendienprogramme an.
8. **Leben in einem sicheren Land:** In Deutschland können Sie sich frei bewegen, ohne auf besondere Sicherheitsmaßnahmen achten zu müssen. Die Polizei ist vertrauenswürdig.
9. **Vielfalt im Herzen Europas:** Strände und Gebirge, mittelalterliche Altstädte, pulsierendes Großstadtleben und viel Natur – Deutschland ist ein enorm vielfältiges Land! Zudem leben Sie dort mitten in Europa, umgeben von zahlreichen anderen Ländern.
10. **Eine der zehn meistgesprochenen Sprachen der Welt:** Rund 185 Millionen Menschen weltweit beherrschen die deutsche Sprache. Natürlich können Sie in Deutschland auch ohne Deutschkenntnisse studieren. Das Erlernen dieser Sprache erleichtert aber nicht nur Ihren Alltag, sondern ist auch ein großes Plus für Ihren Lebenslauf!

¹ Quelle: www.study-in.de

Gründe für eine Promotion in Deutschland:²

1. **Ein Dokortitel mit hervorragendem internationalem Ruf:** Die deutschen Hochschulen und Forschungsinstitutionen ermöglichen Jungakademikern viele Wege zur Promotion. Insbesondere die in den vergangenen Jahren geschaffenen strukturierten Promotionsprogramme bieten ausländischen Graduierten attraktive Möglichkeiten, in einem Forschungsteam, mit intensiver Betreuung und überschaubarer Dauer zu promovieren.
2. **Exzellente Forschungseinrichtungen:** Deutsche Universitäten verstehen sich nicht nur als „Schulen“, sondern als Orte der Einheit von Forschung und Lehre. Sie bieten ein breites Fächerspektrum, eine hervorragende Ausstattung sowie gut ausgebildetes Personal.
3. **Exzellente außeruniversitäre Forschung:** Die deutschen Universitäten sind untereinander und mit außeruniversitären Forschungseinrichtungen bestens vernetzt. Zu Letzteren zählen renommierte Institutionen wie die Max-Planck-Gesellschaft (MPG), die Leibniz-Gemeinschaft (WGL), die Helmholtz-Gemeinschaft oder die Fraunhofer-Gesellschaft. Mit Hunderten von Forschungsinstituten, Zehntausenden von Mitarbeitern und Milliardenetats an Forschungsmitteln sind sie ein Herzstück der deutschen Wissenschaft.
4. **Hoher Stellenwert von Industrieforschung:** Neben den rund 750 staatlich finanzierten Forschungsinstitutionen gibt es eine Vielzahl von Einrichtungen der Industrieforschung, die eng mit Universitäten und Forschungsinstituten vernetzt sind. Deutsche Unternehmen zählen zu den forschungsintensivsten in Europa. Ihr Anteil an der Umsetzung von Forschung und Entwicklung liegt in Deutschland bei rund 70 Prozent.
5. **Gute Fördermöglichkeiten für ausländische Doktoranden:** Der größte Stipendiengeber ist der DAAD. Darüber hinaus unterstützen verschiedene Stiftungen und andere Förder- und Forschungsorganisationen hochqualifizierte ausländische Doktoranden.

Kontaktadressen für die Studienberatung

DAAD-Außenstelle Hanoi
Vietnamesisch-Deutsches Zentrum
TU Hanoi, Dai Co Viet, Hanoi
Telefon: +84 4 3868 3773
Fax: +84 4 3868 3772
E-Mail: daad@daadvn.org

DAAD-Informationszentrum (IC)
Ho-Chi-Minh-Stadt
18-20 Duong So 1
Cu Xa Do Thanh, P. 4, Q. 3
Ho-Chi-Minh-Stadt
Telefon: +84 8 3832 9099
Fax: +84 8 3832 9099
E-Mail: hcmc@daadvn.org

www.study-in.de

- Informationen zum Studieren und Leben in Deutschland; Datenbank mit allen Hochschulen und Studiengängen

www.research-in-germany.de

- Informationen zum Promovieren und Forschen in Deutschland

www.funding-guide.de

- Stipendiendatenbank mit allen Stipendienprogrammen des DAAD und vielen Angeboten anderer Organisationen

www.daad.de

- Website des DAAD mit vielen Informationen zum Studieren, Promovieren und Leben in Deutschland

www.daadvn.org

- Website der DAAD-Außenstelle Hanoi

² Quelle: www.research-in-germany.de

Học tập và nghiên cứu tại Đức – một lựa chọn đúng!

Nước Đức là một trong những điểm đến yêu thích nhất của sinh viên quốc tế và thuộc một trong ba quốc gia có nền giáo dục đại học hấp dẫn nhất thế giới. Hiện có khoảng 240 000 sinh viên nước ngoài theo học tại các trường đại học Đức.

Đồng thời Đức cũng là một trong những địa danh nghiên cứu hàng đầu thế giới. Hàng năm khoảng 25 000 nhà khoa học bảo vệ luận án tiến sỹ tại đây – nhiều hơn bất cứ quốc gia châu Âu nào khác. Ngày càng nhiều cán bộ khoa học trẻ sang Đức làm nghiên cứu sinh. Kể từ năm 1997 con số này đã tăng hơn gấp đôi, khoảng 17 000 vào thời điểm hiện tại.

Những lý do nên học tập tại Đức:¹

1. **Bằng cấp có uy tín:** „Made in Germany“ là một biểu tượng cho chất lượng trên toàn thế giới – bất kể xe hơi hay giáo dục. Đặc biệt trong những lĩnh vực như kỹ thuật hay khoa học tự nhiên bạn sẽ lĩnh hội rất nhiều từ truyền thống giáo dục đại học lâu đời của Đức. Bằng đại học Đức luôn được người sử dụng lao động khắp thế giới đánh giá cao.
2. **Một hệ thống giáo dục đại học đáp ứng mọi nhu cầu:** Tại Đức có khoảng 450 trường đại học được nhà nước công nhận với hơn 17 500 khóa học mọi cấp độ – cử nhân, thạc sỹ, Staatsexamen và tiến sỹ. Các trường đại học tổng hợp đào tạo theo định hướng nghiên cứu, các trường đại học khoa học ứng dụng định hướng theo thực tiễn. Bên cạnh đó còn có các trường nghệ thuật, điện ảnh và âm nhạc.
3. **Có thể học bằng tiếng Anh:** Các trường đại học Đức cung cấp ngày càng nhiều khóa học – đặc biệt là cao học – bằng tiếng Anh. Đây là tiền đề lý tưởng nếu bạn chưa biết hoặc mới biết ít tiếng Đức.
4. **Một môi trường đa văn hóa:** Xấp xỉ 12 % sinh viên tại các trường đại học Đức là người nước ngoài. Qua đó bạn sẽ có những người bạn mới từ khắp thế giới, làm quen với những nền văn hóa khác và mở rộng tầm nhìn của mình.
5. **Không mất hoặc mất rất ít học phí:** Về nguyên tắc, ta không phải trả học phí cho những khóa đào tạo cử nhân tại các trường đại học công lập. Có thể mất học phí cho một số khóa cao học nhất định nhưng không đáng kể nếu so sánh với các quốc gia khác.
6. **Chi phí sinh hoạt thấp:** Đức là nước có giá cả vừa phải nếu so sánh ở châu Âu nói chung. Chi phí cho thực phẩm, nhà ở, quần áo và các dịch vụ văn hóa thuộc hạng trung bình của Liên minh Châu Âu. Ngoài ra còn nhiều ưu đãi riêng cho sinh viên.
7. **Các chương trình học bổng:** Nếu là sinh viên nước ngoài với thành tích học tập tốt, bạn có thể đăng ký xin học bổng tại Đức. DAAD và các tổ chức khác cung cấp nhiều chương trình học bổng.
8. **Sống tại một quốc gia an toàn:** Tại Đức bạn có thể sinh hoạt thoải mái mà không phải chú ý tới các biện pháp an ninh đặc biệt. Có thể tin tưởng vào cảnh sát.
9. **Đa dạng giữa lòng châu Âu:** Sơn thủy, các thành phố từ thời trung cổ, cuộc sống đô thị sôi động và nhiều phong cảnh tự nhiên – Đức là một quốc gia hết sức đa dạng. Hơn nữa, bạn sống ở đó giữa lòng châu Âu, tiếp giáp với nhiều nước khác.
10. **Một trong mười ngôn ngữ phổ biến nhất thế giới:** Khoảng 185 triệu người trên thế giới sử dụng thành thạo tiếng Đức. Tất nhiên bạn vẫn có thể học tại Đức mà không biết tiếng Đức. Tuy nhiên, việc học ngôn ngữ này không chỉ giúp cuộc sống thường nhật trở nên dễ dàng hơn mà còn là điểm cộng lớn cho lý lịch của bạn!

¹ Nguồn: www.study-in.de

Những lý do nên làm nghiên cứu sinh tại Đức:²

- 1. **Bằng tiến sỹ có uy tín quốc tế:** Các trường đại học và viện nghiên cứu Đức tạo cho những nhà khoa học trẻ nhiều khả năng làm nghiên cứu sinh. Đặc biệt, chương trình đào tạo nghiên cứu sinh được phân bổ về các trường trong những năm vừa qua đã cung cấp cho các thạc sỹ nước ngoài những điều kiện hấp dẫn để làm nghiên cứu sinh trong các nhóm nghiên cứu được hướng dẫn chu đáo và có thời hạn rõ ràng.
- 2. **Những cơ sở nghiên cứu xuất sắc:** Các trường đại học Đức không chỉ đơn thuần là „trường học“ mà còn là nơi nghiên cứu và truyền đạt kiến thức. Các trường này cung cấp lĩnh vực chuyên môn rộng lớn, trang thiết bị tuyệt vời và nhân sự có trình độ cao.
- 3. **Nghiên cứu ngoài phạm vi trường đại học:** Các trường đại học Đức tạo thành mạng lưới liên kết chặt chẽ với nhau và với các cơ sở nghiên cứu ngoài trường. Trong đó phải kể đến những Viện uy tín như Max-Planck-Gesellschaft (MPG), Leibniz-Gemeinschaft (WGL), Helmholtz-Gemeinschaft hoặc Fraunhofer-Gesellschaft. Với hàng trăm viện nghiên cứu, hàng chục ngàn cán bộ và ngân sách hàng tỷ Euro, đây là trái tim của nền khoa học Đức.
- 4. **Ưu tiên nghiên cứu công nghiệp:** Bên cạnh khoảng 750 viện nghiên cứu bằng ngân sách nhà nước còn nhiều cơ sở nghiên cứu của doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với các trường đại học và viện nghiên cứu. Các doanh nghiệp Đức nằm trong nhóm tích cực hoạt động nghiên cứu nhất châu Âu. Tỷ lệ triển khai nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp tại Đức chiếm khoảng 70 %.
- 5. **Nhiều cơ hội xin học bổng cho nghiên cứu sinh nước ngoài:** Tổ chức cấp học bổng lớn nhất là DAAD. Ngoài ra còn nhiều quỹ và tổ chức học bổng, nghiên cứu sẵn sàng hỗ trợ các nghiên cứu sinh nước ngoài có trình độ.

Địa chỉ liên hệ và tư vấn

Văn phòng đại diện DAAD Hà Nội
Trung tâm Việt-Đức
Đại học Bách khoa Hà Nội
Đại Cồ Việt, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3868 3773
Fax: +84 4 3868 3772
E-Mail: daad@daadvn.org

Trung tâm thông tin tư vấn
Tp. Hồ Chí Minh
18-20 Đường số 1
Cư xá Đô Thành, P. 4, Q. 3
Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: +84 8 3832 9099
Fax: +84 8 3832 9099
E-Mail: hcmc@daadvn.org

www.study-in.de

° Thông tin về học tập và cuộc sống tại Đức; ngân hàng dữ liệu của tất cả các trường đại học và các khóa học

www.research-in-germany.de

° Thông tin về làm nghiên cứu sinh và nghiên cứu tại Đức

www.funding-guide.de

° Ngân hàng dữ liệu học bổng với tất cả các chương trình học bổng của DAAD và nhiều chương trình của các tổ chức khác

www.daad.de

° Trang web của DAAD với nhiều thông tin về học tập, nghiên cứu và cuộc sống tại Đức

www.daadvn.org

° Trang web của Văn phòng đại diện DAAD Hà Nội

² Nguồn: www.research-in-germany.de